



ANNUAL REPORT 2018



**DỰNG XÂY GIÁ TRỊ
TẠO ĐÀ VƯỜN XA**



MỤC LỤC

Thông điệp của chủ tịch HĐQT 6

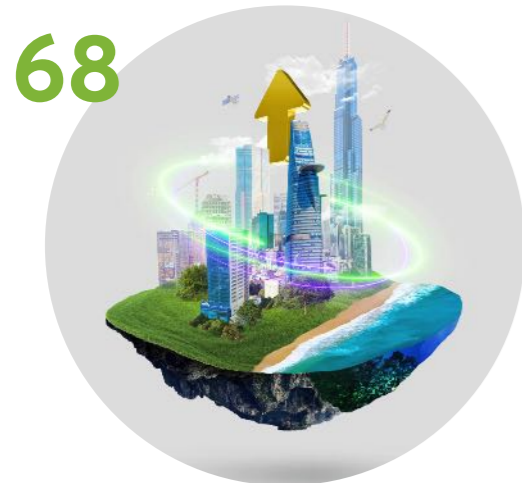
I. THÔNG TIN CHUNG 8

- 1. Thông tin khái quát 10
- 2. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Triết lý nền tảng 12
- 3. Các chỉ số tài chính nổi bật 14
- 4. Mười sự kiện nổi bật trong năm 2018 16
- 5. Quá trình hình thành và phát triển 18
- 6. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 22
- 7. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 54
- 8. Định hướng phát triển 57
- 9. Quản trị rủi ro 64



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 102

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 104
- 2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 105



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 68

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 70
- 2. Tổ chức và nhân sự 74
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 79
- 4. Tình hình tài chính 82
- 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 84
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 90



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 106

- 1. Hội đồng quản trị 108
- 2. Ban Kiểm soát 112
- 3. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan 115
- 4. Tình hình quản trị công ty 117

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC 92

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 94
- 2. Đánh giá kết quả kinh doanh công ty mẹ 98
- 3. Tình hình tài chính 99
- 4. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất 2019 101



VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 118

- 1. Quan điểm phát triển bền vững 120
- 2. Mô hình phát triển bền vững 122
- 3. Các hoạt động tiêu biểu năm 2018 123
- 4. Tầm nhìn, chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2018-2020 125

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 126





Ông Tạ Văn Quyền
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2018 là năm thứ hai GTNfoods bước tiếp những bước đi chắc chắn trên lộ trình tái cấu trúc các mảng kinh doanh cốt lõi là sữa Mộc Châu, trà Vinatea và vang Đà Lạt với chuỗi giá trị bền vững và khép kín. GTNfoods định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

Trong năm 2018, nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP 7,08%, là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2008 đến nay, vượt chỉ tiêu đã đề ra (6,7%) (theo Tổng cục Thống kê), quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đạt 5,54 triệu tỷ đồng, GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Những tăng trưởng ấn tượng này do nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố, nhờ sự cải thiện về cung - cầu của nền kinh tế, lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp... Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng vai trò quan trọng trong quy mô nền kinh tế với tăng trưởng 3,76%, với điểm sáng là ngành nông nghiệp tăng 2,89%, mức tăng trưởng cao nhất trong 7 năm qua. Trong bối cảnh tích cực đó, GTNfoods cũng đã có 1 năm hoạt động với những bước tiến nhất định, tạo dựng nền móng cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

Với định hướng chiến lược chắc chắn cùng nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn, năm 2018, GTNfoods đã đạt doanh thu hợp nhất 3.008 tỷ đồng, được ghi nhận chính ở hai mảng kinh doanh cốt lõi là sữa và trà, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 104 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2018, tổng tài sản của Tập đoàn đạt 4.732 tỷ đồng với số dư tiền hơn 1.137 tỷ đồng đảm bảo cho GTNfoods tài trợ các dự án đầu tư trong tương lai.

Trong năm nay, GTNfoods đã tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam lên 74,5%, gián tiếp nâng tỷ lệ sở hữu tại đơn vị thành viên cốt lõi của Tập đoàn là Mộc Châu Milk, đảm bảo định hướng tập trung đầu tư vào ngành sữa. Các dự án đầu tư tại các Công ty tiềm năng cũng đã được thực hiện như khởi công dự án nhà máy chế biến phân tại Mộc Châu Milk, hoàn thành giai đoạn 1 dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chè xanh Phú Long tại Phú Thọ. Bên cạnh đó, hoạt động R&D nghiên cứu, phát triển các sản phẩm giá trị cũng được đẩy mạnh tại các Công ty thành viên như: Sản phẩm Sữa chuỗi, Sữa chua uống vị ổi, Sữa chua Pho mai, bộ sản phẩm cao cấp Trà Quý Phi, Đinh Xuân Trà, Hồng Vương Trà, Bạch Trà Trăm Năm... được ra mắt và nhận nhiều phản ứng tích cực từ người tiêu dùng, góp phần vào lợi nhuận chung của Tập đoàn. Năm 2018 cũng ghi nhận những thay đổi và phát triển tại các đơn vị thành viên của GTNfoods về xây dựng thương hiệu, xây dựng kênh phân phối tại thị trường trong nước và quốc tế.

Năm 2019 sẽ tiếp tục là năm đầy thách thức nhưng cũng nhiều cơ hội để GTNfoods có những bước phát triển đột phá, quyết tâm thực hiện và đạt được các mục tiêu đề ra:

- Bộ máy quản lý doanh nghiệp và nguồn nhân lực tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên tiếp tục được kiện toàn, chú trọng xây dựng tập thể có chuyên môn tốt, tinh nhuệ, vững mạnh nhằm đạt được sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.
- Chú trọng khai thác hiệu quả các tài sản của Tập đoàn tại Công ty thành viên, GTNfoods tiếp tục chiến lược đầu tư, hợp tác với các đơn vị thành viên phát triển hệ thống phân phối, tập trung phát triển mô hình kênh bán hàng hiện đại và các chuỗi cửa hàng giới thiệu sản phẩm; đồng thời củng cố hệ thống kênh truyền thống khu vực các tỉnh miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, tiếp cận và phát triển tại thị trường miền Nam.
- Chú trọng công tác nghiên cứu và cho ra đời các sản phẩm chất lượng, giàu dinh dưỡng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vì sức khỏe con người, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm thương hiệu Việt tại thị trường trong nước và quốc tế.
- Phát triển đầu tư và áp dụng tiêu chuẩn Rainforest Alliance tại các vùng nguyên liệu của Vinatea, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh các thị trường truyền thống, Vinatea tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu tại các thị trường nhiều tiềm năng như Mỹ, Nga, Trung Quốc, EU...

Tôi luôn tin tưởng vào sự phát triển mạnh mẽ của GTNfoods trong những năm tới, đặc biệt là Mộc Châu Milk, Vinatea và tin tưởng người dân Việt Nam sẽ ủng hộ các sản phẩm từ sữa tươi nguyên chất 100% của người chăn nuôi bò sữa tại vùng đất cao nguyên Mộc Châu, nơi mà "Thảo nguyên xanh sữa mát lành". Nông nghiệp Việt Nam ngày càng phát triển, người dân Việt Nam ủng hộ các sản phẩm nông sản Việt Nam, từ đó, các sản phẩm từ cây chè mang thương hiệu Vinatea có thể đến tay của người tiêu dùng trên khắp các tỉnh thành cả nước, được người dân Việt Nam tin dùng và vươn ra quốc tế.

Thay mặt cho HĐQT GTNfoods, tôi xin gửi tới Quý vị lời tri ân sâu sắc, Kính chúc Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành công!

Hà Nội ngày 27/02/2019
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tạ Văn Quyền

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - TRIẾT LÝ NỀN TẢNG
3. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT
4. MƯỜI SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2018
5. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
6. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
7. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
8. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
9. QUẢN TRỊ RỦI RO



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Tên tiếng Anh: GTNFOODS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: GTNfoods

Mã cổ phiếu: GTN

Được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 367/QĐ-SGDHCM ngày 23/09/2014

Giấy phép đăng kí kinh doanh và mã số thuế: 0105334948

Đăng kí lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2011.

Đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016.

Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng

Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số điện thoại: (84-24) 6276 6366

Số fax: (84-24) 6276 6466

Email: info@gtnfoods.com.vn

Website: www.gtnfoods.com.vn



2. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ NỀN TẢNG

TÂM NHÌN

GTNfoods định hướng trở thành Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thực phẩm sạch từ chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín; sản xuất, cung cấp các sản phẩm sữa và trà chất lượng, an toàn, giàu dinh dưỡng; đồng hành, phát triển cùng các cộng đồng GTNfoods tham gia, từ đó bảo vệ môi trường và mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Thân thiện: giữ gìn và bảo tồn các vùng nguyên liệu, đảm bảo an toàn với người sản xuất và môi trường, tạo ra các sản phẩm tốt cho sức khoẻ

Phát triển: Không ngừng sáng tạo và nâng cao chất lượng để mang tới những sản phẩm tốt nhất tới cộng đồng, hướng tới mục tiêu đưa các sản phẩm thực phẩm sạch Việt Nam đến thị trường quốc tế.

Sẻ chia: Quan tâm, thấu hiểu các lợi ích của cộng đồng, người lao động và khách hàng; tâm huyết và có trách nhiệm trong mọi hoạt động góp phần phát triển nền kinh tế và các chương trình an sinh xã hội.

SỨ MỆNH

GTNfoods tập trung trong việc đổi mới sản phẩm và nỗ lực mang đến các sản phẩm sạch, chất lượng, vì sức khỏe cộng đồng; khẳng định giá trị và phát triển các thương hiệu lâu đời của Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Đối với khách hàng:

Chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu

Đối với nhân viên:

Đời sống của nhân viên là trách nhiệm ưu tiên

Đối với các cổ đông:

Lợi ích lâu dài cho các cổ đông được đảm bảo

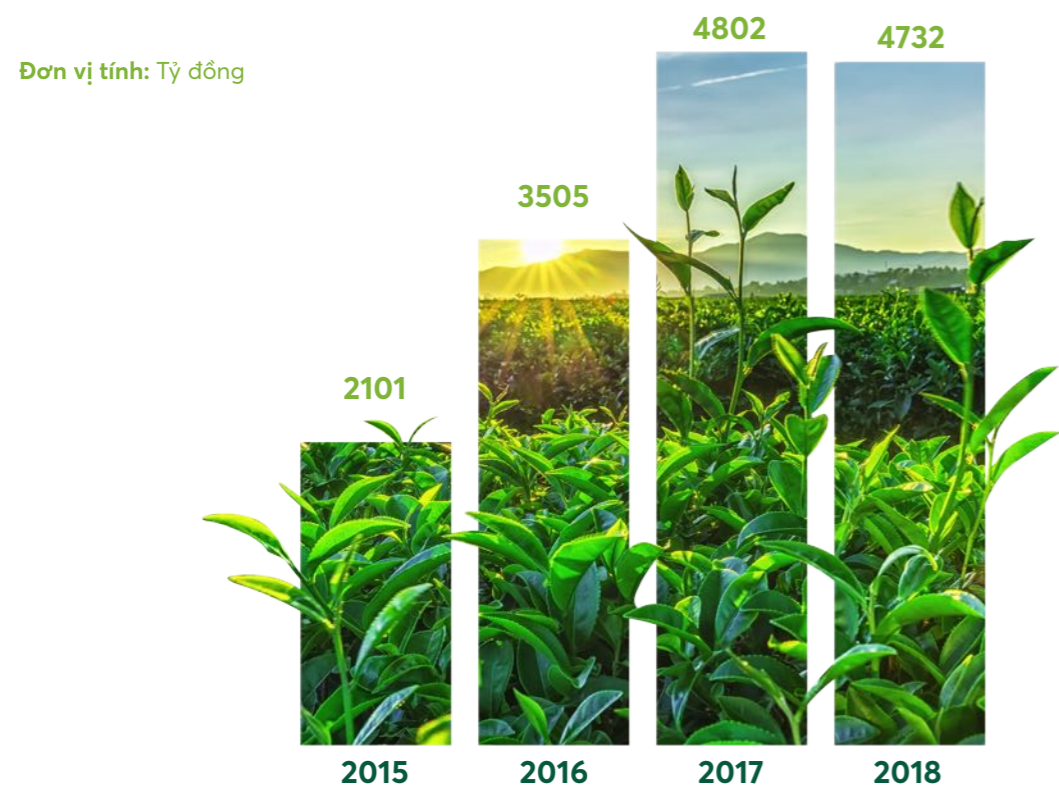
Đối với xã hội:

Thành quả của doanh nghiệp luôn gắn kết với cộng đồng

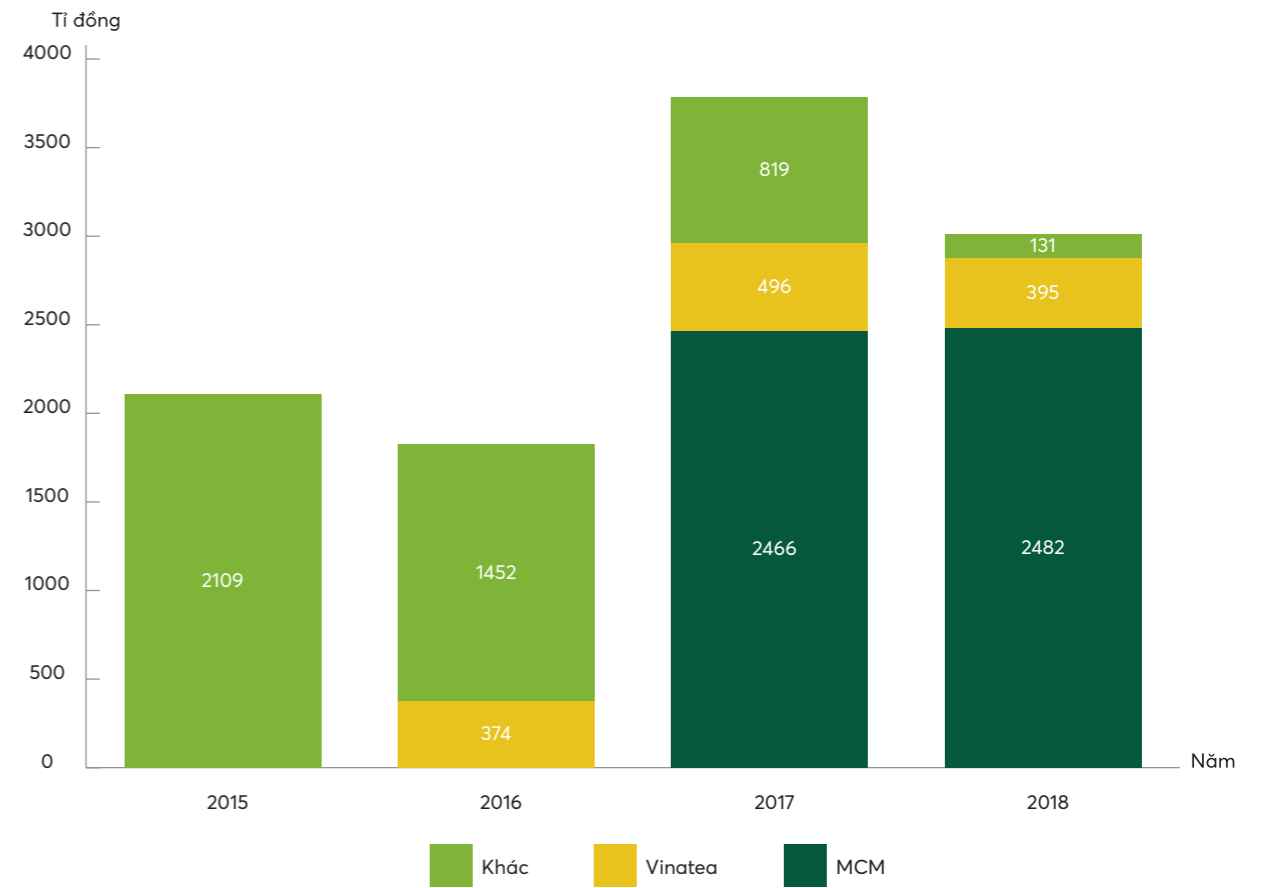
3. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT



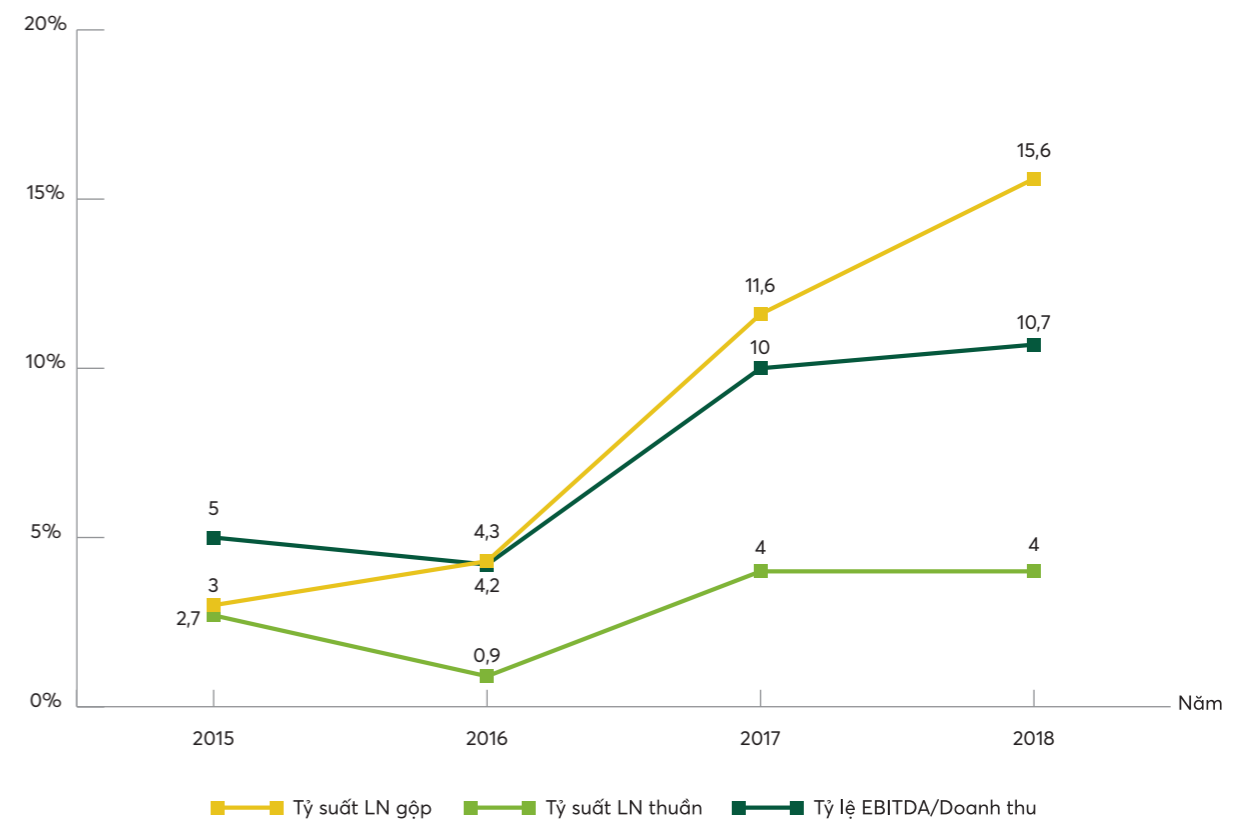
Các chỉ tiêu bằng cân đối kế toán: Vốn chủ sở hữu



Các chỉ tiêu bằng cân đối kế toán: Tổng tài sản



Cơ cấu doanh thu hợp nhất



Tỷ suất lợi nhuận

4. MƯỜI SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2018



01 Mộc Châu Milk đạt Giải thưởng Điển hình liên kết nông nghiệp xuất sắc 2018 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức.



02 Mộc Châu Milk đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao



03 Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Nông trường Mộc Châu



04 Lễ hội Hoa hậu Bò sữa Mộc Châu



05 Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc giới thiệu sản phẩm trà Vinatea – một trong những sản phẩm Việt uy tín tiêu biểu với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình tại Hội chợ nhập khẩu quốc tế lần thứ nhất (CIIE 2018) tại Thượng Hải.



06 Công ty chè Phú Đa, đơn vị thành viên của Vinatea hoàn thành xây dựng giai đoạn I và đi vào sản xuất nhà máy chè xanh Phú Long, sản lượng dự kiến 500 tấn/năm. Đây được kỳ vọng là bước chuyển hướng cho vùng chè Phú Thọ của Vinatea, đẩy mạnh mảng kinh doanh chè xanh cho thị trường nội địa và xuất khẩu, bên cạnh sản phẩm truyền thống chè đen.



07 2 sản phẩm Vang Đà Lạt và Chateau Dalat của Ladofoods được vinh danh là thương hiệu Quốc gia lần thứ 8.



08 Vinatea đồng hành cùng cuộc thi quốc tế Tea Masters Cup International (TMCI) 2018 lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam.



09 Ông Trần Công Chiến – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu đạt giải thưởng Nhà khoa học của Nhà nông.



10 Vinatea đạt chứng chỉ của Hiệp hội Chè Việt Nam là đơn vị dẫn đầu trong chương trình phát triển chè bền vững của ngành chè Việt Nam năm 2018.



5. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CON ĐƯỜNG GTNFOODS

2011

Ngày thành lập: Công ty Cổ phần GTNfoods được thành lập ngày 30.05.2011, với vốn điều lệ

80 tỷ đồng

chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất như tre công nghiệp, xây dựng hạ tầng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, nhựa, nông sản và thực phẩm.

2013

Tháng 07.2013, GTNfoods mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods).



2014

Tháng 05.2014, Chính thức niêm yết trên HOSE với mã chứng khoán GTN. Cũng trong năm này, Công ty đã xác định lại chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

2015

Tháng 03.2015, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Ladofoods lên

35%

Tháng 12.2015, GTNfoods mua cổ phần của Vinatea với tỷ lệ sở hữu đạt

75%



2016

Quý I năm 2016, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vinatea lên

95%

Ngày 26.1.2016, GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ từ

752 tỷ lên **1500 tỷ**

với sự tham gia của các cổ đông chiến lược Invest Tây Đại Dương, TAEL.

Ngày 18.11.2016, GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ lần thứ hai trong vòng 1 năm từ

1500 tỷ lên **2500 tỷ**

với sự tham gia của các cổ đông hiện hữu là Invest Tây Đại Dương, TAEL và các cổ đông tổ chức mới là PEMN, Hanil Feeds...

2018

Tháng 06.2018, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vilico lên

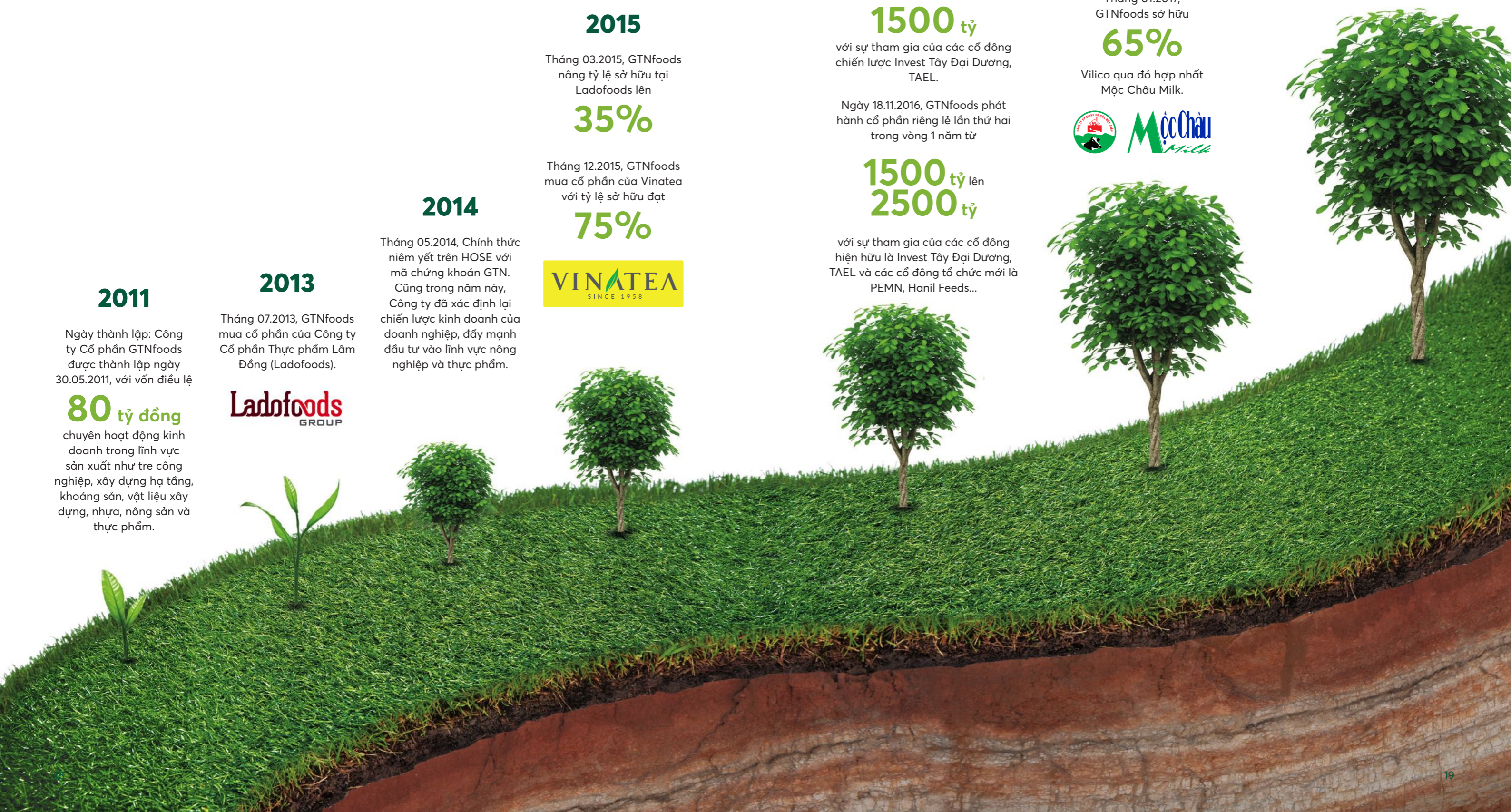
74,49%

2017

Tháng 01.2017, GTNfoods sở hữu

65%

Vilico qua đó hợp nhất Mộc Châu Milk.



CÁC THÀNH TỰU NỔI BẬT

Năm 2011, Vinatea vinh dự lần thứ 8 liên tiếp nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Thủ tướng Chính phủ.



Năm 2014, Các sản phẩm của Mộc Châu Milk lọt Tốp 10 thương hiệu phát triển bền vững và sản phẩm chất lượng cao.



13/11/2015, Các sản phẩm của Mộc Châu Milk được vinh dự nhận giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ 1 năm 2012. Mộc Châu Milk đạt giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần 2 vào năm 2015.



Năm 2015, Các sản phẩm của Mộc Châu Milk đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 4 sau các năm liên tiếp 2011, 2012, 2013.



23/12/2015, Vinatea đạt Chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam – Nhóm sản phẩm trồng trọt VIETGAP cho hầu hết các vùng chè đang khai thác.



Năm 2016, Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Vilico”) vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.



25/11/2016, Vinatea tổ chức sự kiện mang đậm giá trị văn hóa và cảm xúc với chủ đề “Điều kỳ diệu thiên nhiên ban tặng”, Vinatea giới thiệu đến công chúng những kết quả đầu tiên của cuộc đổi mới toàn diện và đánh dấu cột mốc đầy ý nghĩa tái định vị thương hiệu trên thị trường, cho ra mắt các sản phẩm trà thương hiệu Vinatea, đồng thời định hướng chiến lược kinh doanh mới.



16/12/2016, Thương hiệu Chateau Dalat của nhà làm vang Ladora Winery đã chính thức được trường ban tổ chức Cuộc thi Vang Quốc tế Cathay Pacific 2016 trao giải Bạc, sau khi so sánh thử mùi giữa dòng Chateau Dalat Signature Shiraz với 4 sản phẩm từ các quốc gia khác như Pháp, Úc, Chile, Nam Phi trong cùng phân khúc giá.



Quý 3 năm 2017, các vùng chè chính của Vinatea đạt chứng chỉ quốc tế Rainforest Alliance về phát triển nông nghiệp bền vững. Để đạt được chứng chỉ này doanh nghiệp phải đạt được những yêu cầu khắt khe trong tất cả các khâu từ công tác nông nghiệp đến công nghiệp theo tiêu chuẩn mạng lưới nông nghiệp bền vững SAN (Sustainable Agriculture Network). Bên cạnh đó, các yếu tố về cơ sở vật chất, nhà xưởng, hệ thống quản lý nội bộ hay hệ thống tài liệu lưu trữ cũng cần được tuân theo các quy định của tiêu chuẩn SAN.



06/02/2018, Mộc Châu Milk đạt Giải thưởng Điển hình liên kết nông nghiệp xuất sắc 2018 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức.



07/02/2018, Mộc Châu Milk đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018.



Mộc Châu Milk & ông Trần Công Chiến nhận Huân chương Lao động hạng Nhì (14/10/2017).



Năm 2018, Vinatea đạt chứng chỉ của Hiệp hội Chè Việt Nam là đơn vị dẫn đầu trong trong chương trình phát triển chè bền vững của ngành chè Việt Nam năm 2018.

2011 2014 2015 2016 2017 2018

6. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

GTNfoods định hướng phát triển dài hạn trở thành Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm và hàng tiêu dùng, với chuỗi nông nghiệp bền vững và khép kín. Trong những năm qua, GTNfoods đã triển khai các thương vụ đầu tư, mua bán, sáp nhập các công ty tiền thân thuộc Nhà nước có bề dày lịch sử hoạt động cao, thương hiệu phổ biến, cơ sở hạ tầng chất lượng tuy nhiên gặp nhiều rào cản trong hệ thống quản trị, phát triển kênh phân phối, bán hàng và marketing. Hiện nay, mảng kinh doanh chính tại các công ty thành viên của GTNfoods bao gồm: sản xuất kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa tại Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk), sản xuất kinh doanh trà tại Tổng công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea) và sản xuất kinh doanh rượu vang tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods).

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU MỘC CHÂU MILK

Sữa tươi thanh trùng

Các sản phẩm sữa thanh trùng của Mộc Châu Milk được làm hoàn toàn từ sữa bò tươi mới vắt và được xử lý ở nhiệt độ 72 - 90 độ C trong khoảng 15 - 30 giây, giúp giữ lại được những lợi khuẩn trong sữa. Sau đó, sữa được làm lạnh đột ngột xuống 4 độ C và được đóng gói vào bao bì.

Do được xử lý ở nhiệt độ thấp nên sữa thanh trùng Mộc Châu Milk giữ được hầu như toàn bộ các vitamin, khoáng chất quan trọng có trong sữa nguyên liệu và vẫn đảm bảo được hương vị thơm ngon tự nhiên và dinh dưỡng trọn vẹn của sữa bò tươi.



Sữa tươi thanh trùng có đường hộp giấy



Sữa tươi thanh trùng không đường hộp giấy



Sữa tươi thanh trùng không đường chai nhựa



Sữa tươi thanh trùng ít béo



Sữa tươi thanh trùng có đường chai nhựa

Sữa tươi thanh trùng mộc châu milk

100% TỪ SỮA BÒ TƯƠI NGUYÊN CHẤT



Thêm lựa chọn Thêm niềm vui



Sữa tươi tiệt trùng

Những dòng sữa tươi sạch sau khi được vắt tại các trang trại sẽ được bảo quản ở nhiệt độ 2 - 4 độ C, trước khi được xử lý trên dây chuyền hiện đại của Tetra Pak bằng phương pháp cho sữa chảy thành màng mỏng ở nhiệt độ cao từ 135 - 150 độ C trong một khoảng thời gian cực ngắn từ 3 - 15 giây, sau đó làm lạnh ngay xuống 12,5 độ C để đảm bảo giữ được toàn bộ dưỡng chất trong sữa bò tươi tự nhiên.



Sữa tươi tiệt trùng đại mạch



Sữa tươi tiệt trùng có đường



Sữa tươi tiệt trùng ít đường



Sữa tươi tiệt trùng socola



Sữa tươi tiệt trùng cam



Sữa tươi tiệt trùng dừa



Sữa tươi tiệt trùng đậu



Sữa tươi tiệt trùng không đường



Sữa tươi tiệt trùng chuối

Đầu năm 2018, nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Nông trường Mộc Châu, Mộc Châu Milk đã cho ra mắt dòng sản phẩm mới Sữa tươi tiệt trùng chuối và đã nhanh chóng nhận được sự yêu thích từ khách hàng, đặc biệt là trẻ em. Được chế biến từ 100% sữa bò tươi nguyên chất với chiết xuất chuối tự nhiên và hoàn toàn không có chất bảo quản, cùng với hương vị khác biệt kích thích vị giác, sữa chuối là nguồn dinh dưỡng giàu năng lượng và cần thiết cho một ngày năng động.

Sữa chua ăn



Sữa chua pho mai



Sữa chua không đường



Sữa chua nếp cẩm



Sữa chua có đường



Sữa chua nha đam



Sữa chua hoa quả

Nhằm thỏa mãn những yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng về chất lượng và hương vị sản phẩm, Mộc Châu Milk đã và đang không ngừng nghiên cứu và giới thiệu những sản phẩm mới với hương vị hấp dẫn và chất lượng tuyệt vời. Mới đây nhất, Mộc Châu Milk đã đưa ra thị trường sản phẩm Sữa chua pho mai, là sự kết hợp tuyệt vời giữa pho mai giàu dinh dưỡng và sữa chua tạo nên hương vị thơm ngon, hấp dẫn. Các nghiên cứu chỉ ra rằng trong pho mai có chứa một lượng acid amin lớn được gọi là tyrosine, đây là nguyên liệu nền cho một số chất dẫn truyền thần kinh trong não, giúp ích cho quá trình truyền thông liên lạc giữa các tế bào thần kinh. Ngoài ra, các chất béo pho mai còn giúp não sản xuất dopamine mang lại cảm giác vui vẻ và hứng thú. Sự kết hợp đặc sắc giữa pho mai và sữa chua trong sản phẩm Sữa chua pho mai của Mộc Châu Milk chính là món quà quý giá mà thiên nhiên ban tặng, giúp mang lại nguồn dinh dưỡng dồi dào và một tinh thần luôn sáng khoái.

Ngoài ra, không thể không kể đến dòng sản phẩm sữa chua của Mộc Châu Milk đang được người tiêu dùng rất ưa chuộng: Sữa chua nếp cẩm. Theo các nghiên cứu khoa học, nếp cẩm chứa hàm lượng Anthocyanin rất cao, giúp phòng chống ung thư hiệu quả hơn bất kỳ loại trái cây sẫm màu nào khác, như việt quất, cherry tím hay nho đen. Bên cạnh đó, nếp cẩm có chứa hàm lượng cao protein, chất béo và nhiều loại acid amin giúp phòng ngừa bệnh tim, đột quỵ, rất có lợi cho tiêu hóa. Sự kết hợp giữa nếp cẩm giàu dinh dưỡng và sữa chua được lên men tự nhiên từ sữa tươi sạch đã cho ra đời sản phẩm Sữa chua nếp cẩm của Mộc Châu Milk, mang đến cho người tiêu dùng một sản phẩm chất lượng giàu dinh dưỡng, với hương vị thơm ngon, giữ trọn sự thuần khiết mà thiên nhiên ban tặng.

Sữa chua pho mai

Nguồn dinh dưỡng tuyệt vời từ thiên nhiên





Sữa chua uống



Sữa chua uống dâu



Sữa chua uống cam



Sữa chua uống ổi

Các sản phẩm khác từ sữa



Bơ



Váng sữa



Phomai



Bánh sữa

Được tung ra thị trường vào đầu năm 2018, sản phẩm Sữa chua uống ổi của Mộc Châu Milk là sự kết hợp độc đáo và duy nhất giữa sản phẩm sữa bò tươi nguyên chất được lên men tự nhiên và chiết xuất ổi giàu dinh dưỡng. Ổi là loại trái cây quen thuộc, cung cấp các chất dinh dưỡng như vitamin C, kali,... giúp bảo vệ và cải thiện hiệu quả hệ tiêu hóa.

Việc kết hợp các loại trái cây giàu dinh dưỡng cùng dòng sữa tươi sạch của Mộc Châu Milk giúp đảm bảo được độ tươi ngon của sữa và hương vị đặc trưng của các loại trái cây, tạo nên các sản phẩm có chất lượng hoàn hảo và hương vị độc đáo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU VINATEA

Dòng trà phổ thông



Trà Gừng ++

Trà Đen hảo hạng

Trà Thái Nguyên



Trà Ngũ ngon ++

Trà Hoa nhài

Trà Hoa cúc một ++



Trà Hoa nhài

Trà Thái Nguyên ziplock

Trà Oolong



Trà Hoa Việt



Trà Quý phi

Bộ sản phẩm Trà Quý phi bao gồm bộ 3 sản phẩm trà túi lọc thượng hạng Oolong Nhân Sâm, Hồng Quý Phi và Dạ Yến Trà. Mỗi loại trà trong bộ sản phẩm Trà Quý phi đều có những công dụng riêng, đặc biệt tốt cho phụ nữ & được sử dụng tốt nhất vào khoảng thời gian khác nhau trong ngày. Trà Oolong Nhân Sâm giúp tinh thần sảng khoái, tỉnh táo, tràn đầy năng lượng sáng tạo, thích hợp sử dụng vào buổi sáng. Trà Hồng Quý Phi có hương vị ngọt ngào, mùi hương quyến rũ, giúp tinh thần thư thái, thanh thoi, rất thích hợp sử dụng làm thức trà chiều. Còn Dạ Yến Trà như đúng cái tên của nó, thích hợp sử dụng cho các buổi tiệc, có công dụng giải độc, không gây mất ngủ.

Bộ sản phẩm Trà Quý phi là bộ sản phẩm đặc biệt tốt cho phụ nữ được Vinatea giới thiệu trong dịp Tết Nguyên đán 2019. Việc đưa ra nhiều dòng sản phẩm mới, sử dụng các nguyên liệu hoàn toàn từ thiên nhiên là một nỗ lực của Vinatea trong việc đa dạng hóa sản phẩm, nhằm đến việc thỏa mãn nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng, bên cạnh việc chú trọng đầu tư vào chất lượng sản phẩm, nâng cao sức khỏe người tiêu dùng.

Dòng trà cao cấp



Trà Oolong thượng hạng



Bạch trà trăm năm



Bộ Trà Hương Việt



Bạch Trà nén



Bộ Trà Vip

Bộ sản phẩm Trà VIP của Vinatea bên cạnh việc được thiết kế sang trọng và đẹp mắt còn được chú trọng đầu tư kỹ lưỡng trong chất lượng của từng sản phẩm, có tác dụng bồi bổ và bảo vệ sức khỏe, là món quà vô giá từ thiên nhiên mà Vinatea muốn gửi tặng những người yêu trà.

Bạch Trà trăm năm là loại trà quý hiếm được hái và chế biến hoàn toàn thủ công từ những cây trà cổ thụ trăm năm tuổi trên độ cao 2.000m, được ví như "vua của các loại trà".

Hồng Vương trà là loại trà từ Shan tuyết, đặc biệt thích hợp với việc uống vào ban đêm, không gây cồn ruột, căng thẳng thần kinh và mất ngủ. Trà có tác dụng bồi bổ cơ thể, giảm nguy cơ xơ gan, giảm lượng cholesterol và hàm lượng mỡ trong máu, bổ gan, giải độc gan và hỗ trợ hạ men gan.

Đình Xuân trà là loại trà được chế biến từ những búp trà chỉ được hái vào mùa xuân. Đình Xuân trà mang lại cho người uống cảm giác sảng khoái, giảm các triệu chứng về tim mạch, đường ruột và tốt cho hệ hô hấp.



Bạch Trà Trăm Năm



Đình Xuân Trà



Hồng Vương Trà

VINATEA TRÀ VIP

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU VANG ĐÀ LẠT

Chateau Dalat

Chateau Dalat là dòng sản phẩm cao cấp nhất của Ladofoods, nổi bật với thương hiệu Chateau Dalat Signature. Các sản phẩm thuộc dòng vang thượng hạng Chateau Dalat đã được ghi dấu trong những cuộc thi Vang Quốc tế. Đặc biệt, trong năm 2017, Chateau Dalat được lựa chọn là dòng vang chính thức và duy nhất được sử dụng để chiêu đãi các nguyên thủ tại Hội nghị Thượng đỉnh APEC 2017 tại Việt Nam



Chateau Dalat Signature Cabernet Sauvignon

Chateau Dalat Extra Red Wine

Chateau Dalat Reserve Cabernet Sauvignon

Chateau Dalat Signature Shiraz

Rượu Vang Nouvo



Nouvo Sangria White Wine

Nouvo Sangria Red Wine

Nouvo Red Wine

Vang Đà Lạt



Vang Đà Lạt Superior Red Wine

Vang Đà Lạt Classic Red Wine

Vang Đà Lạt Classic White Wine

Vang Đà Lạt Special Red Wine

Nước trái cây có gas Vivazz



Vivazz Sparkling Juice - Táo đỏ

Vivazz Sparkling Juice - Nho xanh

Vivazz Sparkling Juice - Nho đỏ

6.1. MỘC CHÂU MILK

Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu, tiền thân là Nông trường Mộc Châu, được thành lập ngày 08/04/1958, là đơn vị đầu tiên khai mở ra ngành chăn nuôi và sản xuất sữa công nghiệp tại Việt Nam.

Cao nguyên Mộc Châu nằm cách thủ đô Hà Nội gần 200km về phía Tây Bắc, được thiên nhiên ưu đãi ban tặng đất đai màu mỡ, khí hậu quanh năm trong lành mát mẻ. Theo nhiều chuyên gia chăn nuôi đánh giá, cùng với Đà Lạt, Mộc Châu là vùng đất hiếm hoi tại Việt Nam có khí hậu ôn đới, phù hợp nhất để phát triển đàn bò sữa quy mô lớn.

Không chỉ có vùng thảo nguyên xanh với những đồi cỏ xanh mướt, khi nhắc đến vùng đất Mộc Châu còn phải kể đến những nông trại bò sữa có quy mô lớn được vận hành theo quy chuẩn quốc tế, với sự tận tụy chăm chỉ của những người nông dân chăn bò nơi đây. Từ năm 1987 – 1988, khi chuyển đổi từ mô hình chăn nuôi tập trung sang mô hình khoán hộ đến người chăn nuôi bò sữa, đàn bò của Mộc Châu Milk đã phát triển không ngừng, đến nay đã đạt hơn 24.500 con, năng suất bình quân đạt ~27 lít sữa/con/ngày. Toàn bộ sữa vắt ra từ đàn bò được Mộc Châu Milk kiểm nghiệm, thu mua tại 21 trung tâm thu mua sữa trên toàn khu vực chăn nuôi và đi thẳng về nhà máy sản xuất đóng gói, cho ra những sản phẩm sữa tươi sạch Mộc Châu Milk nay đã trở thành sản phẩm quen thuộc với người tiêu dùng cả nước.



Số hộ nông dân liên kết chăn nuôi bò sữa đã phát triển nhanh chóng, đến nay đã đạt ~600 hộ chăn nuôi với quy mô từ vài chục con đến hàng trăm con mỗi hộ

Những trang trại bò sữa đạt tiêu chuẩn quốc tế

Kể từ sau khi chuyển đổi từ mô hình chăn nuôi tập trung sang mô hình khoán hộ, số hộ nông dân liên kết chăn nuôi bò sữa đã phát triển nhanh chóng, đến nay đã đạt ~600 hộ chăn nuôi với quy mô từ vài chục con đến hàng trăm con mỗi hộ. Tất cả hộ chăn nuôi của Mộc Châu Milk đều được trang bị máy móc thiết bị đồng bộ và hiện đại như: máy cắt cỏ, máy cày bừa, máy băm cỏ, máy vắt sữa... Phân bón sau khi thu dọn được Mộc Châu Milk xử lý tự động nhằm đảm bảo môi trường xanh sạch và phục vụ cho việc trồng ngô cỏ, làm thức ăn cho bò.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Mộc Châu Milk đã vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý như Quả cầu bạc, giải thưởng Chất lượng cao Việt Nam 2001, giải Sao vàng đất Việt năm 2003 do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp, giải Cúp Sen Vàng cùng nhiều huy chương vàng, bạc, giấy khen khác dành cho các sản phẩm sữa và chế biến từ sữa. Trong năm 2018, Ông Trần Công Chiến – Tổng Giám đốc Mộc Châu Milk vinh dự được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam trao tặng danh hiệu “Nhà khoa học của nhà nông” vì đã có những sáng kiến nổi bật, giúp người nông dân sản xuất hiệu quả, làm giàu từ nông nghiệp. Mộc Châu Milk hiện là một trong năm vùng trọng điểm phát triển bò sữa, đã và đang được Nhà nước đầu tư thành trung tâm giống bò sữa của cả nước. Trong năm 2018, Mộc Châu Milk vinh dự được Kantar Worldpanel vinh danh là một trong Top 5 thương hiệu tiêu dùng được chọn mua nhiều nhất, ghi nhận những nỗ lực không ngừng trong suốt 60 năm qua của Mộc Châu Milk nhằm mang đến cho người tiêu dùng những dòng sữa tươi sạch, thuần khiết nhất.

Cái bắt tay bền chặt của người chăn nuôi với doanh nghiệp

Để đẩy mạnh phát triển quy mô đàn bò sữa, Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu đã chọn cách liên kết bền chặt với người nông dân để cùng phát triển. Theo đó, Mộc Châu Milk sẽ là trung tâm đào tạo kỹ năng và chuyển giao công nghệ chăn nuôi cho người nông dân, giúp họ tiếp cận với khoa học công nghệ, nâng cao kỹ thuật chăn nuôi. Mộc Châu Milk thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo kỹ thuật chăn nuôi bò, tạo điều kiện để người nông dân được tiếp cận và học hỏi phương pháp chăn nuôi bò hiện đại của các nền công nghiệp sản xuất sữa tiên tiến như Mỹ, Úc, Hàn Quốc... Từ đó áp dụng máy móc, kỹ thuật khoa học hiện đại vào nuôi bò sữa; nâng cao năng suất; giúp sữa bò có chất lượng tốt nhất. Toàn bộ đàn bò của các hộ nông dân đều được đánh số, theo dõi sức khỏe và kiểm tra định kỳ bởi các cán bộ thú y của Mộc Châu Milk. Nguồn thức ăn cho bò cũng được sử dụng thống nhất và sản xuất tại nhà máy thức ăn trộn tổng hợp (TMR), đảm bảo nguồn dinh dưỡng cân bằng cho đàn bò và chất lượng sữa đồng bộ.

Ngoài ra, Mộc Châu Milk còn xây dựng hàng loạt chính sách hỗ trợ giúp người nông dân tập trung sản xuất, là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam thành lập quỹ bảo hiểm vật nuôi và bảo hiểm giá sữa từ năm 2004 và đến nay, mô hình của Mộc Châu Milk vẫn là mô hình đáng được học hỏi nhất trong việc triển khai Bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam.



ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN



Độ cao
1050m
Khí hậu ôn đới



Nhiệt độ
9 - 24°C Độ ẩm
>60%

Diện tích
chăn thả **4000ha**



(3000ha được giao cho các hộ)

CHĂN NUÔI

Đàn bò Mộc Châu Milk

24.500
con



Quy mô trung bình đàn bò của 1 hộ dân

Tăng trưởng đều đặn

14%
/năm

40
con

Sản lượng sữa trung bình của 1 con bò đang vắt sữa

27
lít/ngày



SẢN XUẤT SỮA

Tổng sản lượng hàng năm **100.000** tấn



2
Nhà máy chế biến và đóng gói

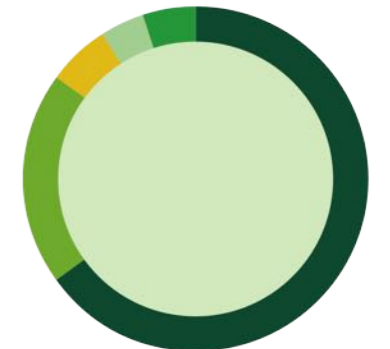
Tiêu chuẩn: 9001:2008
HACCP 2008

Công suất đạt

250 tấn sữa /ngày
150.000 hộp sữa / giờ

CƠ CẤU SẢN PHẨM

- UHT
- Sữa chua ăn
- Sữa chua uống
- Sữa thanh trùng
- Khác

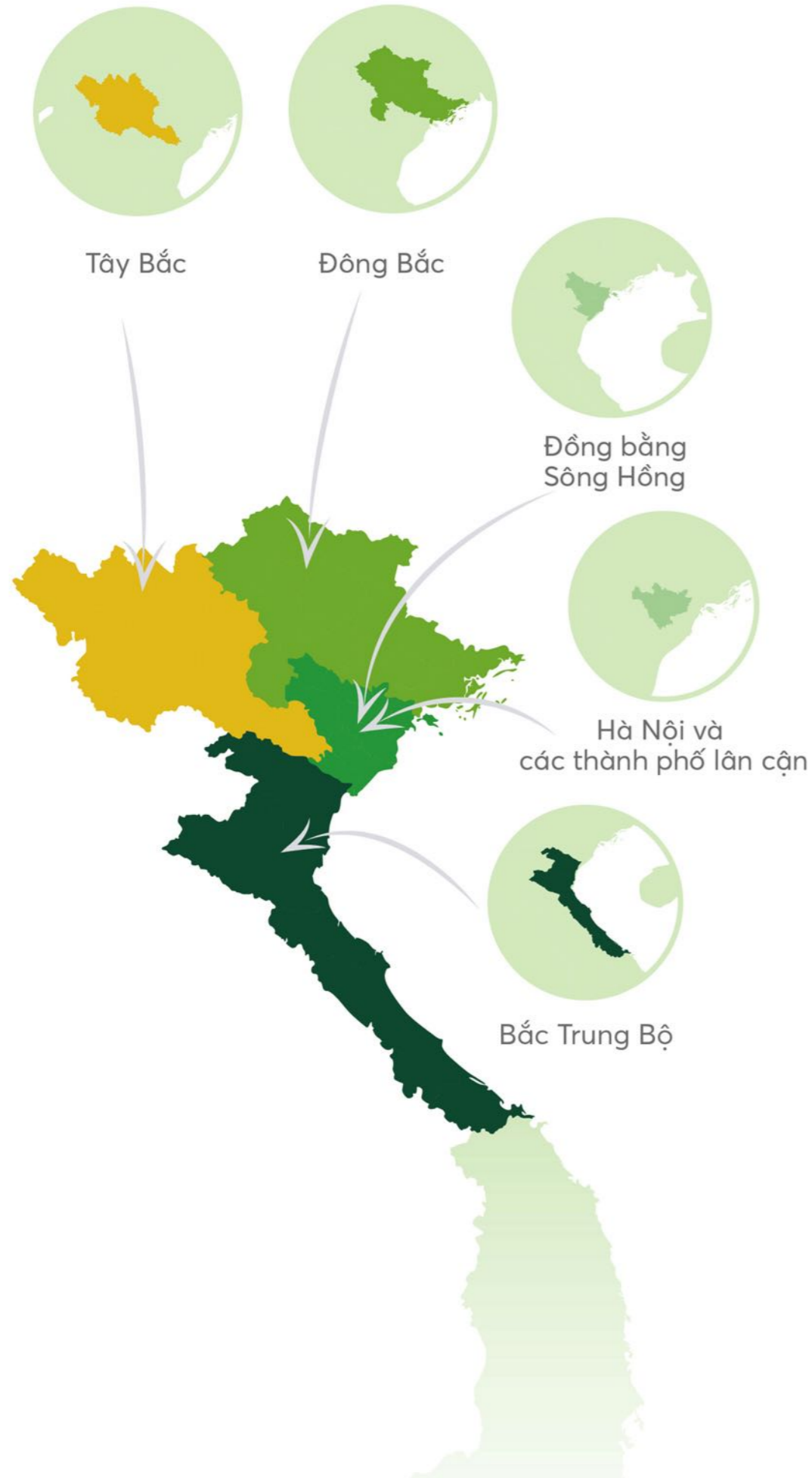


100%
Từ sữa tươi nguyên chất

Tiêu chuẩn
TCVN ISO 2200:2007
ISO 22000:2005

THỊ TRƯỜNG

Thị trường chính của MCM



Từ cái bắt tay bền chặt của người nông dân với Mộc Châu Milk mà mỗi ngày, sau 2 ca vắt sữa, tất cả số sữa thu mua từ 600 trang trại chăn nuôi sẽ được vận chuyển về nhà máy bằng xe chuyên dụng. Tại đây, dây chuyền sản xuất hiện đại với công nghệ sản xuất sữa theo tiêu chuẩn châu Âu hoạt động tất cả các ngày trong tuần, thậm chí cả ngày nghỉ và lễ Tết để đảm bảo các sản phẩm sữa luôn được tươi ngon nhất đưa ra thị trường. Tất cả các hệ chăn nuôi của Mộc Châu Milk đều áp dụng quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP để đảm bảo chất lượng sữa của đàn bò, kết hợp với nguồn thức ăn dinh dưỡng được sử dụng thống nhất và đồng bộ giúp sữa tươi của Mộc Châu Milk được nhiều đơn vị nghiên cứu thị trường có uy tín đánh giá là "có hương vị thơm ngon nhất tại Việt Nam".

Bên cạnh việc liên tục cải tiến trong hệ thống, Mộc Châu Milk cũng tạo động lực cho người lao động thông qua những hoạt động thường niên như ngày hội Hoa Hậu Bò Sữa. Vào tháng 10 vừa qua, Lễ hội Hoa hậu Bò sữa Mộc Châu lần thứ 15 đã được tổ chức, với sự tham gia của rất nhiều du khách, người chăn nuôi cùng các cô bò xuất sắc nhất đến từ tất cả các đội chăn nuôi của Mộc Châu Milk. Những cô bò được chăm bẵm, tắm rửa sạch sẽ, chải lông, cắt tỉa móng chân, thoa dầu thơm... để có thể tỏa sáng trong ngày hội Hoa hậu Bò sữa. Đây là cuộc thi độc nhất vô nhị ở Việt Nam, nơi tôn vinh nghề chăn nuôi bò sữa, tri ân người nông dân, đàn bò cùng các sản phẩm sữa tuyệt vời, giúp họ thấy được niềm hạnh phúc và tự hào về nghề nuôi bò sữa. Ngoài ra, cuộc thi còn tạo động lực thúc đẩy các hệ chăn nuôi áp dụng các phương pháp cải tiến, công nghệ chăn nuôi hiện đại theo tiêu chuẩn châu Âu và châu Mỹ tạo ra dòng bò hạt nhân cao sản, đồng thời là sân chơi để người chăn nuôi bò giao lưu học hỏi, thúc đẩy phong trào thi đua trong lao động sản xuất... và quảng bá thương hiệu sữa Mộc Châu Milk.

Các sản phẩm Sữa "trọn tâm lòng Mộc Châu"

Mộc Châu Milk hiện đang là thương hiệu sữa lớn trên thị trường Việt Nam, đặc biệt tại miền Bắc và Bắc Trung Bộ bởi hương vị sữa đặc trưng thơm ngon tự nhiên và an toàn cho người sử dụng. Mộc Châu Milk sở hữu hệ thống các sản phẩm phong phú được làm từ 100% sữa tươi nguyên chất với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các nhóm sản phẩm sữa nước tiệt trùng, thanh trùng, sữa chua uống, sữa chua ăn... Sản phẩm có nhiều mùi vị, độ ngọt, độ béo khác nhau phù hợp với thị hiếu của từng nhóm khách hàng, từ đó được người tiêu dùng Việt Nam ưa chuộng và sử dụng rộng rãi. Ngoài ra, Mộc Châu Milk cũng phát triển các sản phẩm từ sữa khác như váng sữa, bơ, bánh sữa, đặc biệt sản phẩm phô mai Tomme được sử dụng tại nhiều chuỗi nhà hàng khách sạn hàng đầu Việt Nam. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng được chú trọng, nhằm liên tục đổi mới và cải tiến chất lượng, hương vị, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng. Trong năm 2018, Mộc Châu Milk đã cho ra mắt hàng loạt những dòng sản phẩm mới như sữa tươi tiệt trùng vị chuối, sữa chua uống vị ổi, sữa chua phô mai...



Lễ hội Hoa hậu Bò sữa Mộc Châu lần thứ 15 đã được tổ chức với sự tham gia của rất nhiều du khách, người chăn nuôi cùng các cô bò xuất sắc nhất đến từ tất cả các đội chăn nuôi của Mộc Châu Milk.



Trong năm 2018, Mộc Châu Milk đã cho ra mắt hàng loạt những dòng sản phẩm mới như sữa tươi tiệt trùng vị chuối, sữa chua uống vị ổi, sữa chua phô mai...

Chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín của Mộc Châu Milk



Tiếp tục triển khai chiến lược dài hạn tập trung đầu tư vào mảng kinh doanh cốt lõi, trong năm 2018, GTNfoods đã tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Vilico) - công ty mẹ của CTCP Giống Bò sữa Mộc Châu ("Mộc Châu Milk") từ 73,72% lên 74,49%. Trong năm 2018, Mộc Châu Milk đóng góp 2.481 tỷ đồng doanh thu thuần vào kết quả kinh doanh của GTNfoods, giúp tổng doanh thu của toàn tập đoàn đạt 3.008 tỷ đồng doanh thu và 467 tỷ đồng lợi nhuận gộp trong năm 2018.

Tới thời điểm hiện tại, Mộc Châu Milk đã có 3 trại chăn nuôi tập trung với quy mô 1.000 con bò mỗi trang trại, tổng cộng trên 3.000 con. Số lượng bò khoán tại các hộ dân khoảng trên 21.000 con, 1.000 ha đất nông nghiệp tập trung với sản lượng khoảng 100.000 tấn sữa tươi/năm. Công ty dự kiến duy trì tăng trưởng đàn bò từ 12-15% hàng năm lên 35.000 con vào năm 2020. Với khí hậu thổ nhưỡng mát mẻ, Mộc Châu Milk có thể chủ động được nguồn thức ăn sạch giúp tạo ra những sản phẩm sữa tươi ngon, tinh khiết, chất lượng đạt tiêu chuẩn châu Âu.

Trong năm 2018, Mộc Châu Milk đã khởi công xây dựng giai đoạn 1 cho dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ với nguồn nguyên liệu từ các hộ nông dân liên kết và các trại chăn nuôi khác trên địa bàn, nhằm không chỉ giải quyết vấn đề môi trường mà còn là điểm chốt khép kín quy trình sản xuất và chăn nuôi. Trong giai đoạn 2019 - 2020, thực hiện theo cam kết đầu tư với Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Sơn La năm 2017, Mộc Châu Milk dự kiến xây dựng một Nhà máy chế biến sữa với công suất 250 tấn/ngày và Trung tâm giống bò số 4 với quy mô 1.000 con giống, tổng mức đầu tư dự kiến là 500 tỷ đồng.















6.2. VINATEA

Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn được thành lập từ năm 1958. Vinatea nhiều năm liền vinh dự nhận Huân chương lao động hạng 1, 2, 3 cùng bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn sau hơn 50 năm hoạt động. Theo Quyết định 864 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi mô hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty Chè Việt Nam MTV chính thức chuyển đổi mô hình sang Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP. Công ty Cổ phần thừa hưởng tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng Công ty Chè Việt Nam trước đó. Vinatea sở hữu quỹ đất khai thác rộng lớn, vùng nguyên liệu trồng chè và nhà máy sản xuất chè trải dài khắp các tỉnh miền Bắc gồm Phú Thọ, Mộc Châu, Thái Nguyên, Yên Bái, Hà Tĩnh, Hà Nội...

Việt Nam hiện là quốc gia xuất khẩu chè lớn thứ 5 trên thế giới, với sản lượng trên 127.000 tấn năm 2018. Thị trường chè toàn cầu đạt 24,3 tỷ USD trong năm 2016, được dự báo sẽ đạt 37,5 tỷ USD vào năm 2025. Với tốc độ 5%/năm trong giai đoạn 2018 – 2025, nhu cầu tiêu thụ chè toàn cầu ngày càng tăng trong trung hạn, đặc biệt tại các thị trường như Ấn Độ và Trung Quốc. Theo nghiên cứu của Tổ chức Nông Lương Liên Hiệp Quốc (FAO), xuất khẩu chè của Việt Nam trong thời gian tới có nhiều triển vọng.

Vinatea hiện đang là nhà sản xuất có quy mô và địa bàn hoạt động lớn nhất ngành chè tại Việt Nam với tổng diện tích trồng chè gần 4.700 ha với các vườn chè năng suất cao, chất lượng tốt; các nhà máy chế biến hiện đại, hệ thống phụ trợ và phục vụ sản xuất kinh doanh hoàn chỉnh; đội ngũ cán bộ và công nhân có trình độ chuyên môn và tay nghề cao. Tổng sản lượng tiêu thụ của Vinatea năm 2018 đạt mốc 10.000 tấn, trong đó, vùng nguyên liệu Mộc Châu đóng góp 35%, Thanh Sơn – Phú Thọ đóng góp 50%, bên cạnh một số vùng chè khác. Dự kiến sản lượng trong các năm tới sẽ tiếp tục tăng do Vinatea mở rộng mảng chè thương mại và đẩy mạnh khai thác các vùng nguyên liệu chè mới. Năm 2018, tổng doanh thu của Vinatea đạt 390 tỷ đồng và được dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh trong những năm tới, khi doanh nghiệp đang đẩy mạnh hoạt động chuyển dịch thị trường xuất khẩu, tập trung vào các thị trường khát khe và có giá trị cao như Đài Loan, Mỹ, Nga và châu Âu.

Thị trường trà xuất khẩu

-  Trung Quốc
-  Cộng Hòa Séc
-  Đông Âu
-  Đức
-  Trung Đông
-  Pakistan
-  Afghanistan
-  Oman
-  Nga
-  Đông Nam Á
-  Thụy Điển NEW
-  Đài Loan
-  Anh Quốc NEW
-  Mỹ NEW



Trong năm 2018, mảng Chè nguyên liệu vẫn đóng góp phần lớn doanh thu cho Vinatea, tương đương 90% tổng doanh thu. Với ưu thế mạng lưới quan hệ thương mại rộng khắp toàn cầu với trên 120 công ty, tổ chức thương mại tại trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong năm 2018, Vinatea sẽ tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời tập trung chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu từ các thị trường truyền thống như Trung Đông, Nam Á sang các thị trường cao cấp như Đài Loan, Mỹ, Nga, châu Âu. Các sản phẩm chè của Vinatea đạt chất lượng cao, đáp ứng được các yêu cầu kiểm duyệt gắt gao của các thị trường khó tính, là cơ sở để Vinatea tự tin vào việc mở rộng hoạt động xuất khẩu tại các thị trường này. Ghi nhận tại thị trường Đài Loan, sản

lượng chè xuất khẩu sang thị trường này tăng dần qua các năm, đạt mức tăng trưởng xấp xỉ 150%/năm. Song hành cùng việc mở rộng hoạt động xuất khẩu tại các thị trường khó tính và có giá trị cao, giá chè xuất khẩu trung bình của Vinatea cũng đã được nâng cao, vượt qua mặt bằng giá xuất khẩu chè chung của Việt Nam và đã tiệm cận mức giá chè trung bình của thế giới là \$2,8/kg. Các sản phẩm được khách hàng ưa chuộng bao gồm chè đen chế biến theo công nghệ Orthodox, CTC, chè Oolong, Pouchung, chè Gunpowder, chè xanh chế biến theo công nghệ OTD, chè xanh theo công nghệ Nhật Bản, các loại chè được thảo, chè ướp hương hoa. Trong nước, Vinatea là nhà cung cấp sản phẩm cho gần 200 công ty kinh doanh chè trên toàn quốc.

Sau hơn 3 năm cổ phần hoá, Vinatea đã có những bước chuyển mình rõ rệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nổi bật là sự kiện toàn trong bộ máy nhân sự. Các quy trình, quy chế được đảm bảo thực hiện và hoàn thiện, chất lượng sản phẩm nâng cao rõ rệt. Đây là kết quả của quá trình kiểm soát các quy trình trồng trọt, quy trình sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Hiện nay, hầu hết các vùng nguyên liệu lớn của Vinatea đều được cấp chứng nhận Rainforest Alliance về phát triển nông nghiệp bền vững. Đây là điều kiện tiên quyết và là lợi thế cạnh tranh tốt cho các sản phẩm của Vinatea trong hoạt động xuất

khẩu sang các thị trường khó tính, yêu cầu kiểm soát chất lượng gắt gao đối với sản phẩm nhập khẩu như Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ và châu Âu. Trong năm 2018, Vinatea vinh dự được Hiệp hội Chè Việt Nam vinh danh là Đơn vị dẫn đầu trong chương trình phát triển chè bền vững của ngành chè Việt Nam. Vinatea kỳ vọng trong những năm tới, với việc thực hiện những chiến lược đúng đắn đang được vạch ra, Vinatea sẽ không chỉ gặt hái được những thành công trên thị trường chè nguyên liệu, mà còn đưa trà thương hiệu trở thành sản phẩm thân thuộc trong đời sống hằng ngày của người tiêu dùng trong nước.

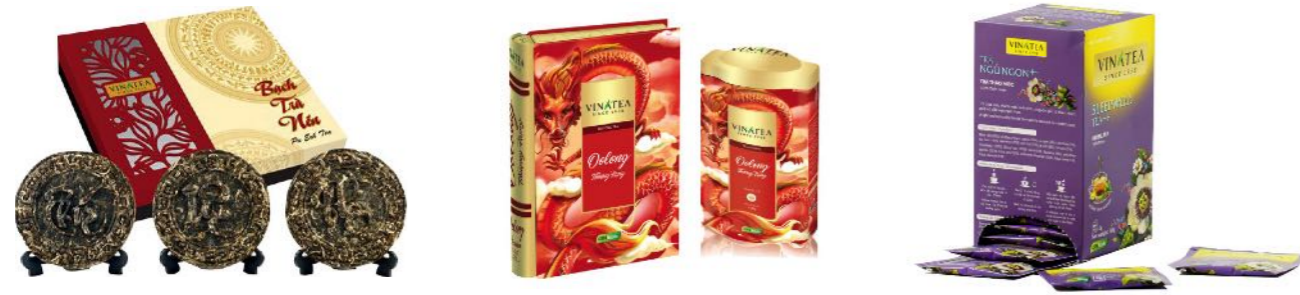
Thị trường trà thương hiệu nội địa

Song hành cùng chiến lược mở rộng thị trường chè nguyên liệu, Vinatea cũng đã cho ra mắt các sản phẩm trà thương hiệu dành cho thị trường nội địa từ tháng 11/2016 và bước đầu đã gặt hái được những thành công nhất định. Mỗi năm, Vinatea đều nghiên cứu và đưa ra thị trường nhiều dòng trà mới nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của người tiêu dùng, phục vụ đa dạng các phân khúc khách hàng, tiêu biểu có thể kể đến như dòng trà thượng đỉnh (Đình Xuân Trà, Hồng Vương Trà, Bạch Trà Trăm Năm, Trà Oolong Thượng Hạng và Bộ sản phẩm Trà Hương Việt); dòng trà phổ thông (Trà xanh Thái Nguyên, Trà Hoa Nhài và Trà Đen Thượng hạng); dòng trà thảo mộc (Trà Ngủ ngon, Trà Gừng, Trà Hoa Cúc Mật và Bộ Trà Quý Phi)... Ngoài ra, trong năm 2018, Vinatea cũng đẩy mạnh hợp tác qua kênh B2B với các doanh nghiệp lớn như Vietnam Airlines, kênh MT thông qua các chuỗi siêu thị Vinmart, Lottemart, BigC, Coopmart, AEON Mall, Lanchi Mart... chuỗi các nhà hàng, khách sạn cao cấp như Metropole, Sheraton, Grandiose, JW Marriott, Hotel de l'opéra... Bên cạnh đó, Vinatea cũng tích cực mở

rộng hệ thống showroom như một kênh giới thiệu, quảng bá và phân phối hiệu quả các sản phẩm trà chất lượng. Cuối năm 2018, Vinatea đã liên tiếp khai trương 02 showroom giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, bên cạnh Siêu thị trà tại 46 Tầng Bạt Hồ - Hà Nội vốn đã là địa chỉ quen thuộc với những người yêu trà. Vinatea kỳ vọng những nỗ lực này sẽ đem lại hiệu quả ghi nhận qua sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho mảng trà thương hiệu trong những năm tiếp theo.

Trong hơn 60 năm lịch sử hoạt động, Vinatea vẫn luôn không ngừng hoàn thiện để đáp ứng những nhu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng: cung ứng các sản phẩm chất lượng cao, an toàn và thân thiện với môi trường. Trong định hướng phát triển dài hạn, Vinatea sẽ phát triển ngành trà thành tổ hợp sản phẩm nông nghiệp - ẩm thực - văn hóa - du lịch, kiến tạo những nguồn cảm hứng mới cho công chúng và nâng cao tầm vóc tương xứng với vị thế của doanh nghiệp dẫn đầu ngành trà Việt Nam.

Các sản phẩm trà thương hiệu



Phân phối



SHOWROOMS & KPPT

Showroom và kênh phân phối truyền thống: Phân phối tại Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh...



>10 CHUỖI NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN

Trên 10 chuỗi nhà hàng khách sạn đang đồng hành cùng Vinatea như: Metropole, Sheraton, JW Marriott, Sunway, Sunrise...



>20 CHUỖI SIÊU THỊ LỚN CUNG CẤP

Trên 20 chuỗi siêu thị lớn cung cấp sản phẩm trà Vinatea như: BigC, VinMart, Lanchi, LotteMart, Co.op Mart, TMart, AEON, FiviMart, V+, Citimart, Hapro...

Vùng trồng



Tổng diện tích
4700^{ha}

Sản lượng
10.000^{tấn}

Chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín của Vinatea



6.3. LADOFOODS

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods) là Công ty liên kết của CTCP GTNfoods với 35% tỷ lệ sở hữu. Công ty được kế thừa trên nền tảng xưởng rượu Lafaro của người Pháp, được xây dựng từ thế kỷ 19, chuyên sản xuất các loại rượu dâu tằm, được ưa chuộng và sử dụng rộng rãi bởi người Đà Lạt trong thời tiết giá lạnh vùng cao nguyên.

Trong lịch sử hơn 25 năm phát triển, Ladofoods đã không ngừng thay đổi, chuyển đổi mô hình từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp cổ phần, tạo ra những sự chuyển mình trong thời kỳ hội nhập. Trong những năm qua, Ladofoods đã rất thành công trong việc xây dựng thương hiệu Vang Đà Lạt, một thương hiệu uy tín và tạo được ấn tượng mạnh với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Ladofoods được đặc biệt chú trọng, nhằm tạo ra những dòng sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, đáp ứng nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng.

Với Nhà máy công suất 6 triệu lít mỗi năm nằm trên khuôn viên 6 hecta đặt tại Điểm công nghiệp Phát Chi – Đà Lạt và vùng nho nguyên liệu chuẩn quốc tế rộng 25 hecta tại Ninh Sơn - Ninh Thuận, Ladofoods sở hữu quy trình sản xuất hiện đại theo chuẩn công nghệ làm vang hàng đầu tại châu Âu. Ngày 24/09/2016, Ladofoods chính thức khánh thành nhà làm vang chuyên nghiệp Ladora Winery, đây là một bước tiến lớn mang tính chiến lược để hiện thực hóa tham vọng trở thành nhà làm vang lớn nhất khu vực Đông Nam Á, ghi dấu ấn vang Việt trên bản đồ thế giới. Ladora Winery được đầu tư bài bản, là nơi quy tụ của đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm đến từ châu Âu cùng với lực lượng kỹ sư làm vang được đào tạo và làm việc trong môi trường chuyên nghiệp tại nhiều quốc gia như Pháp, Ý, Thụy Sĩ... Đến nay, Ladora Winery đã cung cấp cho thị trường nhiều dòng vang từ phổ thông đến cao cấp, được giới chuyên môn và những người sành vang đánh giá cao. Trong đó, tiêu biểu là các dòng sản phẩm Vang Đà Lạt và dòng vang Việt cao cấp Chateau Dalat.

Trong tương lai gần, vùng nho nguyên liệu cao cấp của Ladora Winery tại Ninh Thuận sẽ được mở rộng lên đến

100 ha, áp dụng những tiêu chuẩn, quy trình và công nghệ canh tác hiện đại nhất. Đây hứa hẹn là một mô hình điển hình về sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, khởi xướng một hướng đi mới cho nông nghiệp Việt Nam theo hướng khoa học, hiện đại và hiệu quả.

Đến nay, các sản phẩm rượu vang của Ladofoods đã được phân phối trên khắp 63 tỉnh thành của đất nước, thông qua hệ thống showroom và hơn 80.000 điểm bán lẻ phủ rộng khắp cả nước. Ngoài ra, Ladofoods cũng đã kết hợp cùng rất nhiều chuỗi siêu thị lớn nhỏ trên khắp cả nước như Metro, Big C, Coop Mart, Hapro Mart, Coop Food, Citimart, ... nhằm đa dạng hóa kênh phân phối. Cuối tháng 9/2018, Ladofoods đã khai trương showroom Ladora Winery đầu tiên tại Hà Nội, nhằm quảng bá và phân phối rộng rãi các sản phẩm vang Việt tại thị trường phía Bắc. Bên cạnh việc phát triển mạnh tại thị trường trong nước, các sản phẩm Vang Đà Lạt hay nhân hạt điều cũng được Công ty xuất khẩu đi các nước châu Âu, châu Á, Mỹ, Úc với hơn 50 đối tác xuất khẩu.

Những nỗ lực của Ladofoods đã được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng tại các cuộc thi vang quốc tế, ví dụ: giải Bạc tại cuộc thi Cathay Pacific vào tháng 11 năm 2016; giải Đồng tại cuộc thi vang tại San Francisco, Hoa Kỳ vào tháng 8 năm 2017... Đặc biệt, trong năm 2017, loại vang thượng hạng của Việt Nam – Chateau Dalat Signature Shiraz đã được chọn là loại vang chính thức và duy nhất được sử dụng để chiêu đãi các Nguyên thủ Quốc gia và các đoàn khách VIP tháp tùng sự kiện trong hội nghị APEC 2017 diễn ra tại Đà Nẵng. Cũng trong năm này, Chateau Dalat còn trở thành thương hiệu vang đầu tiên của Việt Nam được trưng bày tại Bảo tàng vang Thế giới Vineum Bodensee (Đức). Năm 2018, Chateau Dalat và Vang Đà Lạt của Ladofoods đã vinh dự được Chính phủ công nhận là Thương hiệu quốc gia. Đây là giải thưởng quan trọng và danh giá được trao tặng cho các doanh nghiệp có vị thế đầu ngành, cùng chia sẻ và theo đuổi những giá trị mà quốc gia hướng tới trong giai đoạn hội nhập hiện nay là chất lượng – đổi mới, sáng tạo – năng lực tiên phong.



6.4. CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH KHÁC

Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (Vilico)

Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 862/NN-TCCB/QĐ ngày 21/6/1996 trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp có quan hệ gắn bó kinh tế, công nghiệp, thương mại, thông tin, khoa học kỹ thuật, nghiên cứu ... hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi trên toàn quốc, trực thuộc thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Năm 2013, Tổng công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 26/10/2015, cổ phiếu Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP (mã chứng khoán VLC) chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành, Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP và các công ty thành viên, tiêu biểu là Mộc Châu Milk (công ty con Vilico sở hữu 51%) đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách phát triển và hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự tăng trưởng chung của ngành chăn nuôi, cung cấp thực phẩm cho xã hội, cộng đồng; bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tạo việc

làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.

Tháng 1/2017, GTNfoods mua cổ phần đạt tỷ lệ sở hữu Vilico lên 65% và đến cuối năm 2018, đã đạt tỷ lệ sở hữu 74,49%. GTNfoods tham gia vào hệ thống quản trị của Vilico và đã tiến hành tái cơ cấu mạnh mẽ. Tập đoàn đã xác định các mảng kinh doanh chính là chăn nuôi bò sữa và kinh doanh các sản phẩm sữa tại Mộc Châu Milk, chủ động thoái vốn và cắt giảm các hoạt động kinh doanh không cốt lõi. Trong vận hành sản xuất kinh doanh, Ban điều hành Vilico đã tiến hành đơn giản hóa mô hình tổ chức, tăng cường quản trị và giám sát, tối ưu hóa chi phí hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời, hệ thống quy trình, quy chế cho các phòng ban và quản trị nội bộ trại chăn nuôi được chuẩn hóa và ban hành, tăng cường kiểm soát. Đối với tổ chức nhân sự, Vilico đẩy mạnh cắt giảm nhân sự dư thừa, bổ sung và hoàn thiện đội ngũ nhân sự có chất lượng, áp dụng KPI trong quản lý và giám sát.

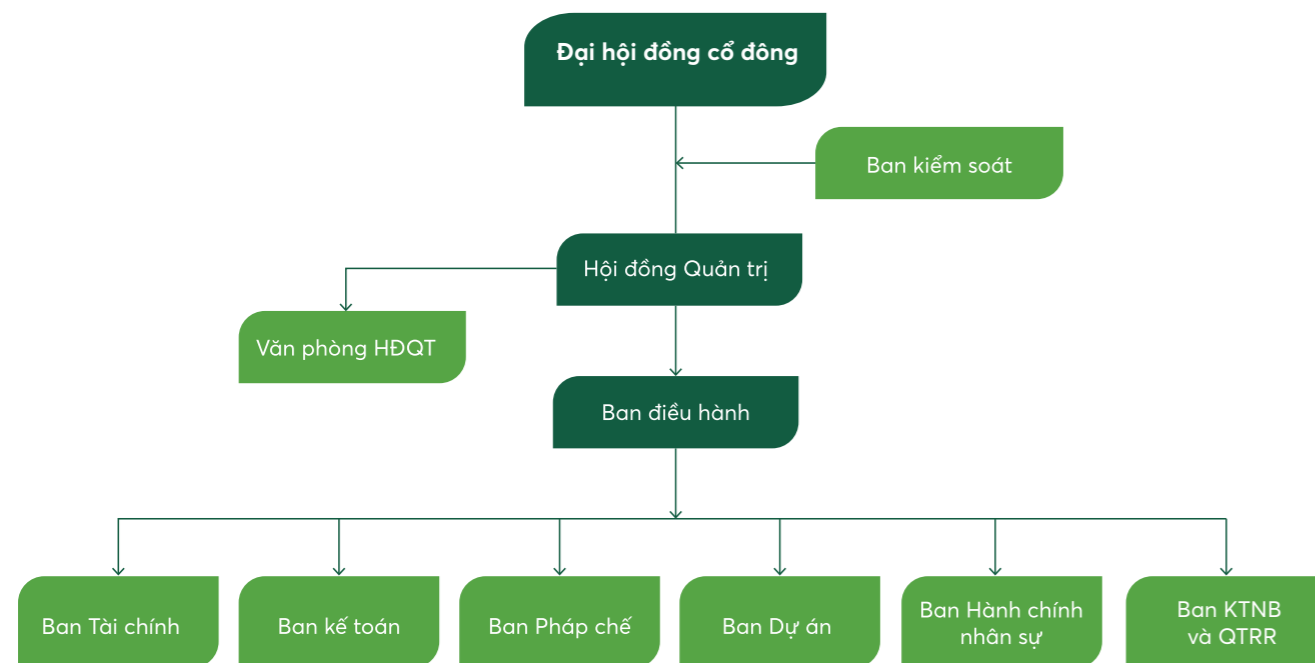


7. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

7.1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN



7.2. BỘ MÁY QUẢN LÝ



7.3. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần GTNfoods hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm thông qua các công ty con, công ty liên kết trên cơ sở hoạt động mua bán và sáp nhập. Thông tin tóm tắt các công ty con và công ty liên kết:

TT	Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2018	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2018
Công ty con					
1	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	Số 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi	74,49%	74,49%
2	Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP	Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh, sản xuất chè	95%	95%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Cụm công nghiệp Bó Bun, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	96,37%	96,37%
4	Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	100%	100%
5	Công ty Cổ phần Chè Liên Sơn (*)	Thị trấn nông trường Liên Sơn, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái	Kinh doanh, sản xuất chè	48,66%	51,22%
6	Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ (*)	Khu 4B, Thị trấn nông trường Nghĩa Lộ, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái	Kinh doanh, sản xuất chè	48,45%	51%
7	Công ty Cổ phần Vinatea Kim Anh (*)	Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Kinh doanh, sản xuất chè	92,79%	97,67%
8	Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (**)	Tiểu khu Cơ Quan, Thị trấn nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	37,98%	51%
Công ty liên kết					
9	Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	Số 8 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	Trồng rừng, chế biến gỗ phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa	35,04%	35,04%
10	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Số 31 Ngô Văn Sở, Phường 9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm	35%	35%
11	Công ty Chè Phú Đa (*)	Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh, sản xuất chè	42,75%	45%

12	Công ty Cổ phần Chè Trán Phú (*)	Khu 10B, Thị trấn nông trường Trán Phú, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái	Kinh doanh, sản xuất chè	27,36%	28,8%
13	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Lô 5, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Xã Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa, sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	45%	45%
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng (**)	Số 16 Cù Chính Lan, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi	19,5%	30%
15	Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành (**)	Xã Nam Hùng, Huyện Nam Trực, TP. Nam Định	Chăn nuôi gia cầm	25,58%	39,35%
16	Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao (**)	Xã Yên Sơn, Thị xã Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; nhân giống và chăm sóc cây giống nông nghiệp	23,69%	36,44%
17	Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh (**)	Khu phố 8, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	29,25%	45%
18	Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ (**)	Số 17 Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	24,23%	37,37%
19	Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (**)	Số 56 đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	17,67%	27,19%
20	Công ty Cổ phần An Đại Việt (**)	Số 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống	22,65%	34,84%
21	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội (**)	Số 36 Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	23,4%	36%
22	Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ (**)	Xã Hoàng Văn Thụ, Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Chăn nuôi gia cầm	23,4%	36%
23	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Á (**)	Số 135 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	22,76%	35,02%

(*) Công ty con, công ty liên kết gián tiếp thuộc Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP

(**) Công ty con, công ty liên kết gián tiếp thuộc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

8. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

8.1. TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ 2018

GDP cả năm 2018 đạt 7,08%, mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây

GDP Việt Nam giai đoạn 2008 - 2018



Theo Tổng cục thống kê, tính từ khủng hoảng kinh tế năm 2008 trở lại đây, GDP đạt 7,08% là mức cao kỷ lục. Trong đó, khu vực nông - lâm - thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%, khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Cụ thể với khu vực nông - lâm - thủy sản tăng chủ yếu nhờ việc giữ ổn định được sản phẩm nông - lâm - thủy sản và đẩy mạnh xuất khẩu.

Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành hơn 5,53 triệu tỷ đồng. GDP bình quân đầu người khoảng 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Và dù tăng trưởng cao, chỉ số CPI vẫn giữ được ở mức dưới 3,54%, đảm bảo một nền kinh tế vĩ mô ổn định và hỗ trợ tiềm năng tiêu dùng.

Đặc điểm nhân khẩu học và mức thu nhập bình quân đầu người hiện nay của Việt Nam đang thúc đẩy rất tốt cho sức tiêu dùng trong nước. Độ tuổi trung bình của Việt Nam năm 2018 là 31 tuổi, và 69,3% dân số trong độ tuổi từ 15 đến 64. Cùng với quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, dự kiến các năm tới là thời kỳ tăng trưởng tốt cho ngành thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam.

Một trong những sự kiện kinh tế nổi bật năm 2018 là cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung được IMF dự báo gây thiệt hại 430 tỷ USD cho toàn cầu. Khi cuộc xung đột thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc nổ ra, trong ngắn hạn, Việt Nam có thể đón nhận dòng chuyển dịch đầu tư và sản xuất thay thế Trung Quốc, đồng thời tăng cường xuất khẩu. Thực tế trên thị trường, niềm tin người tiêu dùng Việt Nam đã đạt mức cao kỷ lục trong một thập kỷ qua. Theo Nielsen, chỉ số

niềm tin người dùng Việt Nam trong quý 3/2018 đã tăng 9 điểm so với quý trước, giúp Việt Nam trở thành nước lạc quan thứ 2 toàn cầu. Điều này thể hiện mức độ sẵn sàng chi tiêu của người Việt.

Nắm bắt tín hiệu kinh tế vĩ mô lạc quan, đặc biệt là niềm tin của người tiêu dùng, GTNfoods với nhóm sản phẩm kinh doanh chính trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống bán lẻ luôn chủ động xây dựng các chiến lược kinh doanh, tung ra các sản phẩm hương vị trà và sữa mới trong năm.

Ngành bán lẻ và xu hướng Cách mạng công nghiệp 4.0

Ngành bán lẻ Việt Nam có một năm 2018 cạnh tranh khốc liệt và khá thú vị. Theo Kantar Worldpaner Việt Nam đang nằm trong Top 5 thị trường bán lẻ cạnh tranh nhất hiện nay và đang là điểm đến hấp dẫn của các nhà bán lẻ thế giới.

Nielsen đánh giá Việt Nam vẫn là thị trường bán lẻ nổi bật với sự chi phối lớn của bán lẻ truyền thống (chiếm 76%) nhưng tốc độ tăng trưởng của kênh bán lẻ này rất chậm, chỉ 1% mỗi năm. Nguyên nhân là do người tiêu dùng Việt Nam vẫn giữ thói quen mua sắm đã hình thành từ lâu, kèm thêm các e ngại về chất lượng, xuất xứ hàng hóa và dịch vụ đổi/trả hàng. Tuy nhiên, bán lẻ hiện đại dù chiếm 24% thị phần nhưng đang tăng trưởng 2 con số, ở mức 11,8%. Xu hướng tiêu dùng hiện tại phát triển nhanh nhờ hỗ trợ của công nghệ và động lực từ tầng lớp dân số trẻ. Trong một báo cáo mới đây của iPrice Group về top 10 sàn thương mại điện tử Đông Nam Á, Việt Nam có 5 đại diện, lần lượt là Lazada, Shopee, Tiki,

Thegioididong và Sendo. Nếu như Lazada và Shopee là các tập đoàn đa quốc gia nên việc họ nắm giữ hai vị trí dẫn đầu không gây nhiều ngạc nhiên thì sự xuất hiện của 3 đơn vị còn lại là một minh chứng rõ rệt cho quy mô của thương mại điện tử Việt Nam.

Ngành sữa

Ngành sữa Việt Nam đang có sự chuyển dịch trong nhu cầu tiêu dùng sữa, người tiêu dùng ngày càng quan tâm hơn tới các sản phẩm sữa có hàm lượng dinh dưỡng cao, dòng sữa cao cấp (organic, sữa A2) và các loại sữa thay thế từ thực vật (sữa óc chó, sữa đậu nành, sữa macca). Sự phân biệt giữa "sữa hoàn nguyên" truyền thống có giá trị dinh dưỡng thấp và sữa tươi nguyên chất ngày càng được người mua quan tâm. Ngoài ra, họ cũng gia tăng tiêu thụ các sản phẩm khác từ sữa như sữa chua, sữa chua nước, sữa chua nếp cẩm.

Hiện mức tiêu thụ sữa bình quân đầu người của Việt Nam còn khá thấp so với các nước trong khu vực, chỉ vào khoảng 26 lít/năm so với mức tiêu thụ 35 lít/năm tại Thái Lan hay Singapore với 45 lít/người. Tiềm năng tăng trưởng cho ngành sữa vẫn còn rất lớn. Cộng với các yếu tố thuận lợi về nhân khẩu học cùng thu nhập tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng, chúng ta có cơ sở về niềm tin cho sự tăng trưởng của ngành trong dài hạn.

Mặc dù tổng lượng sữa tiêu thụ toàn ngành có dấu hiệu giảm tốc trong năm nay, phân tích cho thấy giảm chính ở lượng tiêu thụ sữa hoàn nguyên và sự dịch chuyển nhu cầu tiêu dùng như ở trên đề cập. Mộc Châu Milk có lợi thế khi được thị trường biết đến là doanh nghiệp chuyên cung cấp dòng sữa tươi thanh trùng, tiệt trùng và sữa chua nếp cẩm hợp khẩu vị của người tiêu dùng Việt. Chiến lược đẩy mạnh truyền thông và tăng cường hiện diện các sản phẩm sữa tươi của Mộc Châu tại các kênh siêu thị, cửa hàng tiện lợi, các kênh bán hàng online, e-shop, thương mại điện tử theo xu hướng Cách mạng công nghiệp 4.0 chính là bước đi thích hợp theo xu hướng thị trường này.

Ngành chè

Năm 2018 là một năm khó khăn với thị trường xuất khẩu của chè Việt Nam. Mặc dù giá xuất khẩu trung bình của hầu hết các chủng loại chè chính tăng, nhưng trị giá xuất khẩu các chủng loại chè của Việt Nam vẫn giảm, do lượng chè xuất khẩu giảm mạnh. Cụ thể, lũy kế cả năm 2018, xuất khẩu chè đạt 127,3 nghìn tấn, trị giá 217,83 triệu USD, giảm 8,9% về lượng và giảm 4,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là chè đen, chè xanh, chè ướp hoa và chè ô long.

Để lấy lại sức cạnh tranh, các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm Vinatea với vị thế lớn của mình trong ngày, cần nâng cao khả năng cạnh tranh về giá và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Triển vọng nền kinh tế năm 2019

Kinh tế thế giới đang tiếp tục xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. WB; IMF và OECD đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới xuống 3,7% năm 2018 và 3,5% năm 2019. Xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị cũng là thách thức đối với kinh tế thế giới và gây ảnh hưởng tới kinh tế Việt Nam.

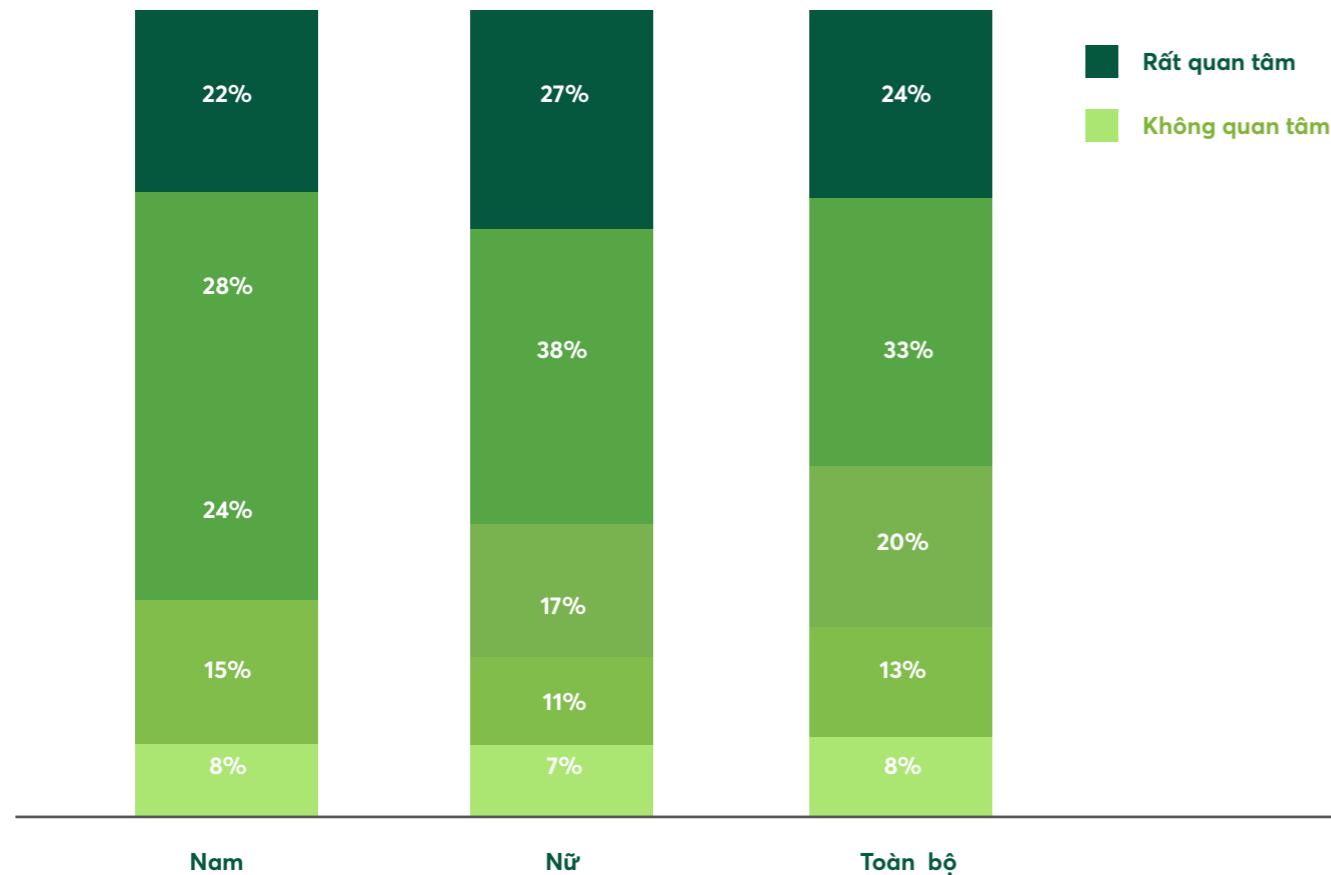
Năm 2019 là năm Việt Nam tiến sâu hơn vào quá trình hội nhập kinh tế thế giới qua việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và cắt giảm thuế quan theo Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, triển khai thực hiện các cam kết theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) với những cam kết sâu rộng, tiêu chuẩn cao và mở rộng trên nhiều lĩnh vực. Mặt khác, 2019 cũng sẽ là năm tiếp tục phát triển của Cách mạng công nghệ 4.0 và thương mại điện tử. Công nghệ sẽ dẫn dắt ngành bán lẻ và thay đổi thói quen người tiêu dùng Việt Nam.

Đối với ngành sữa, Mộc Châu Milk cùng các thương hiệu sữa của Việt Nam được dự báo sẽ bị cạnh tranh gay gắt về giá với các đối thủ ngoại ngay trên chính sân nhà. Khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực, thuế nhập khẩu sản phẩm sữa từ New Zealand, Singapore, Nhật Bản sẽ cắt giảm xuống còn 0% khiến các dòng sản phẩm này tăng khả năng cạnh tranh về giá. Mặt khác, người tiêu dùng đang ngày càng

quan tâm hơn tới sức khỏe bản thân, gia tăng nhận thức về các sản phẩm dinh dưỡng. Điều này dẫn tới nhu cầu sử dụng các sản phẩm sữa chua, sữa nước cao cấp (sữa tươi nguyên chất, organic, sữa A2) và các loại sữa thay thế từ thực vật (sữa óc chó, sữa đậu nành, sữa macca) ngày càng gia tăng; trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ sữa hoàn nguyên dự báo sẽ suy giảm. Đây vừa là thách thức và cũng là cơ hội lớn của những doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu sữa tươi nguyên chất chất lượng cao và chăn nuôi bền vững như Mộc Châu Milk.

Theo dự báo của ngành Công Thương, tình hình xuất khẩu năm 2019 tiếp tục đối mặt với một số khó khăn, thách thức khi kinh tế thế giới còn nhiều yếu tố bất ổn nên tăng trưởng được dự báo không ở mức cao, trong khi nguồn cung toàn cầu tiếp tục tăng và ngày càng nhiều nước tham gia cung ứng nông sản. Đối với hoạt động xuất khẩu chè, nhiều khó khăn sẽ phát sinh do áp lực cung vượt cầu trên thị trường thế giới, nhiều quốc gia tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất mà không chú ý đến thực tế nguồn cung đang lớn hơn nhu cầu của thị trường. Trong bối cảnh nhu cầu chè không tăng, để phát triển ngành chè cần nâng cao khả năng cạnh tranh về giá và chú ý hơn đến chất lượng sản phẩm. Từ khi cổ phần hóa đến nay, GTNfoods và Vinatea đã chủ động đón đầu xu hướng này với rất nhiều hoạt động đầu tư trọng điểm vào quản trị nông nghiệp, tăng chất lượng sản phẩm, vùng chè, đàm phán xây dựng quan hệ giao thương dài hạn với các đối tác mua chè tại các thị trường tiêu thụ truyền thống và thị trường mới với yêu cầu chất lượng cao.

Thang đo mức độ quan tâm của người tiêu dùng đối với dòng sản phẩm sữa organic cao cấp



8.2. PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH - Strength

- GTNfoods xác định rõ tầm nhìn chiến lược phát triển trong lĩnh vực thực phẩm an toàn với nền tảng chuỗi giá trị khép kín và nông nghiệp bền vững, hướng tới cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu với mong muốn khẳng định đẳng cấp, chất lượng các sản phẩm của Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.
- GTNfoods nắm giữ những công ty có thương hiệu tốt và lâu đời trong các lĩnh vực thế mạnh của Việt Nam (có chất lượng sản phẩm và quy trình quản lý chất lượng), gia tăng giá trị thông qua kinh nghiệm chuyên sâu về tài chính và kinh nghiệm marketing/phân phối, tư vấn hoạt động và theo đuổi phối hợp hoạt động giữa các công ty con, bao gồm tìm nguồn cung ứng, quá trình sản xuất, hậu cần và phân phối.
- Vinatea chủ động nắm giữ nguồn nguyên liệu chè sạch 4.700 ha, đạt tiêu chuẩn VIETGAP và chứng chỉ quốc tế Rainforest Alliance về phát triển nông nghiệp bền vững.
- Mộc Châu Milk kết hợp việc chủ động nguồn cung sữa bò tươi nguyên chất với hỗ trợ nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân địa phương với hơn 660 hộ chăn nuôi, hơn 1.000 ha chăn nuôi tại Mộc Châu, quy trình hệ thống từ chăn nuôi bò đến sản xuất sữa khép kín, đạt chuẩn quốc tế.

- Đội ngũ nhân sự có nền tảng kiến thức chuyên sâu về tài chính, chuẩn mực trong vận hành và kinh nghiệm trong lĩnh vực marketing, giúp Tập đoàn gia tăng giá trị thông qua việc tích hợp chuỗi giá trị trong các ngành Thực phẩm và Nông nghiệp.

ĐIỂM YẾU - Weakness

- Việc tiếp nhận, kế thừa tái cơ cấu và sắp xếp lại các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, các quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp từ các doanh nghiệp tiền thân Nhà nước và quá trình bàn giao cổ phần hóa kéo dài tại một số đơn vị thành viên tạo áp lực không nhỏ lên bộ máy quản lý và vận hành.
- Tốc độ tăng trưởng cao và liên tục trong những năm vừa qua tạo sức ép lên hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro và nhân sự của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Việc xây dựng bộ máy nhân sự quản trị cao cấp tại tập đoàn và các công ty con vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu phát triển và áp lực cạnh tranh của thị trường.

CƠ HỘI - Opportunity

- Nền kinh tế Việt Nam đang bước vào thời kỳ tăng trưởng, nền kinh tế vĩ mô ổn định với sự hỗ trợ tích cực từ Nhà nước, đặc biệt các chính sách khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất với chuỗi giá trị nông nghiệp, tiêu biểu là Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Thu nhập người tiêu dùng và tốc độ đô thị hóa tại Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong năm 2019, người dân quan tâm và chủ động tìm hiểu về vấn đề sản phẩm thực phẩm, nông sản sạch và dinh dưỡng cao.
- Cơ hội phát triển sản xuất gắn liền với du lịch sinh thái tại các vùng nguyên liệu lớn của Tập đoàn như Mộc Châu, Phú Thọ, Lâm Đồng... theo xu hướng chung của ngành và chính sách phát triển của Nhà nước.
- Phát triển của nền tảng công nghệ, thương mại điện tử hỗ trợ tích cực cho quá trình sản xuất, kiểm soát chất lượng và các kênh bán hàng hiện đại của Tập đoàn.

THÁCH THỨC - Threat

- Mức độ cạnh tranh trên thị trường thực phẩm, hàng tiêu dùng ngày càng tăng đến từ các nhà cung cấp trong nước và cả các sản phẩm nước ngoài đổ bộ về thị trường trong nước qua các hiệp định, cam kết mở cửa của Việt Nam.
- Năm 2019 được dự báo vẫn là năm khó khăn của ngành chè chung trên toàn thế giới khi lượng cung đang cao hơn cầu.
- Khí hậu biến đổi phức tạp và khắc nghiệt hơn, gây khó khăn cho chăn nuôi và nuôi trồng các sản phẩm nông nghiệp, ảnh hưởng đến năng suất vườn chè.



8.3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN

GTNfoods cơ bản đã đi được một bước dài vào ngành thực phẩm an toàn với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín. Công ty có được trụ cột vững chắc là Mộc Châu Milk và Trà Vinatea, đồng thời có Vang Đà Lạt bổ trợ trong mô hình kinh doanh của mình với định hướng trở thành công ty hàng đầu về thực phẩm tại Việt Nam trong tương lai gần.

Trên bức tranh tổng thể, GTNfoods đã sở hữu 4.700 ha đất chè xanh mướt hút tầm mắt khắp cả nước, đàn bò sữa hơn 24.500 con cùng hơn 1.000 ha đất nông nghiệp tập trung ở Mộc Châu kết hợp với trên 3.000 ha của các nông hộ liên kết; chưa kể đến vùng nguyên liệu nho đang có định hướng mở rộng lên tới 100 ha tại Ninh Thuận của Ladofoods. Các vùng nguyên liệu nông nghiệp sạch này với quy trình nông nghiệp được quản lý chặt chẽ, khép kín với quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng tới tận tay người tiêu dùng cuối cùng, chính là các bộ phận cho GTNfoods phát triển trong ngành nông nghiệp sạch tại Việt Nam.

I. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn

Tập trung phát triển mảng kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực Thực phẩm và Nông nghiệp

Việc phát triển trọng tâm trong các lĩnh vực cốt lõi sẽ giúp GTNfoods tối ưu hóa được nguồn lực (nguồn vốn, nhân sự, tài sản đất đai...), kinh nghiệm quản lý, hiểu biết và quản lý tốt các rủi ro trong lĩnh vực mà Tập đoàn đang hoạt động, giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Trong bối cảnh ngành Thực phẩm và Nông nghiệp đang được đánh giá là rất tiềm năng ở Việt Nam, việc tập trung chiến lược khai thác các cơ hội từ các lĩnh vực này sẽ đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn trong dài hạn.

Đối với mảng Sữa, đánh giá sản phẩm từ sữa hoàn nguyên truyền thống với giá trị dinh dưỡng thấp hơn nhiều so với sữa tươi nguyên chất vẫn chiếm tới 70% sản lượng sữa nước sản xuất tại Việt Nam, trong khi xu hướng tiêu dùng ngày càng hướng tới sữa tươi nguyên chất và các dòng sản phẩm cao cấp, GTNfoods và Mộc Châu Milk vẫn kiên định với mô hình kinh doanh trang trại bò sữa với các nông hộ liên kết của mình, đầu tư phát triển cả về chất và lượng. Với nguồn cung nguyên liệu ổn định và chủ động, Mộc Châu Milk luôn kiểm soát tốt chất lượng nguyên liệu sữa đầu vào, không bị ảnh hưởng từ sự biến động giá nguyên liệu trên thế giới, tập trung đầu tư vào R&D và hệ thống sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng "khắt khe" của thị trường. Mặt khác, Mộc Châu Milk tiếp tục công tác tăng cường định vị sản phẩm với các hoạt động truyền thông, xúc tiến bán hàng; củng cố và phát triển kênh phân phối, tăng cường điểm bán, mở rộng thị trường với mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10% mỗi năm.

Đối với mảng Trà, trong bối cảnh nhu cầu thị trường chè thế giới không tăng, Vinatea luôn hướng tới việc nâng cao khả năng cạnh tranh về giá và chú ý đến chất lượng sản phẩm. GTNfoods và ban điều hành Vinatea tiếp tục đẩy mạnh phát triển quy trình canh tác nông nghiệp đạt tiêu chuẩn Quốc tế, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nhà máy

sản xuất đồng bộ, đẩy mạnh xuất khẩu chè nguyên liệu vào các thị trường khó tính với tỷ suất lợi nhuận cao; đồng thời tiếp tục phát triển mảng nội tiêu chè thương hiệu, xây dựng kênh phân phối, gia tăng hiện diện trên thị trường. Ngoài ra, Vinatea tiếp tục nghiên cứu và triển khai các phương án đầu tư vào công nghệ chế biến sâu sản phẩm chè, nghiên cứu phương án phối trộn để tạo nên hương vị đa dạng, chế biến các sản phẩm công nghệ cao, để bắt kịp sự thay đổi thị hiếu tiêu dùng chè trên thế giới.

Phát triển các hệ thống quản trị vận hành, quản trị tài chính và quản trị rủi ro phù hợp với quy mô và mô hình của Tập đoàn GTNfoods

Tập đoàn GTNfoods đang hoạt động theo mô hình công ty đầu tư, sở hữu các công ty trong lĩnh vực Thực phẩm và Nông nghiệp. Vấn đề quản trị vận hành doanh nghiệp và quản trị tài chính luôn được quan tâm hàng đầu. Trong năm 2018, sau bước đầu tiếp quản tìm hiểu và tái cơ cấu hoạt động của các công ty thành viên, GTNfoods đã nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy trình, quy chế, hệ thống báo cáo tại Công ty mẹ và các công ty thành viên, chuẩn hóa hệ thống quản trị vận hành và quản trị tài chính của Tập đoàn, ví dụ: Quy chế đại diện Vốn, Quy chế các phòng ban và cơ chế thông tin, phối hợp theo chiều dọc, các hệ thống Báo cáo quản trị... Theo chiến lược phát triển, GTNfoods sẽ tiếp tục chú trọng các nội dung sau trong các năm tiếp theo:

- Hoàn thiện mô hình quản trị tài chính công ty mẹ - công ty con theo chuẩn mực quốc tế nhưng vẫn phù hợp với quy mô, đặc điểm kinh doanh của GTNfoods. Tập đoàn dự kiến sẽ hợp tác với các công ty có kinh nghiệm như Big4 để được tư vấn chuyên nghiệp trong nghiệp vụ này.
- Hoàn thiện hệ thống báo cáo giữa công ty mẹ - công ty con trên cơ sở các thông tin liên tục được cập nhật, giúp tối ưu hóa mô hình quản trị cũng như nguồn vốn giữa công ty mẹ và các công ty con, công ty thành viên, và giữa các công ty với nhau. Hệ thống báo cáo sẽ được sử dụng cho cả công tác quản trị nội bộ và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị vận hành, quản trị rủi ro của GTNfoods để đảm bảo sự tuân thủ và chuyên nghiệp của Công ty, tối ưu hóa hoạt động vận hành của Tập đoàn.

Triển khai hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư không cốt lõi và khai thác tối ưu hóa hoặc thanh lý các tài sản không cốt lõi

Với lịch sử phát triển từ một công ty đa lĩnh vực từ kinh doanh nông sản thực phẩm, sản xuất tre công nghiệp tới vật liệu xây dựng hạ tầng, thông qua quá trình hợp nhất các Tổng công ty nhà nước có bề dày lịch sử, GTNfoods đang dần định hình và khẳng định chiến lược kinh doanh trở thành một công ty thực phẩm có chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín và bền vững.

Bởi vậy, bắt đầu từ cuộc họp HĐQT quý III năm 2017, Ban lãnh đạo và HĐQT GTNfoods đã đề ra các mục tiêu và trình tự cụ thể cho lộ trình thoái vốn khỏi các hoạt động đầu tư không cốt lõi, cụ thể là Công ty Cổ phần Nhựa miền Trung, các công ty liên kết không hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi tại hai công ty con là Vilico và Vinatea... Theo đó, tất cả các khoản đầu tư đều được đánh giá cẩn trọng dựa trên các phương pháp thẩm định giá, tạo cơ sở cho ban lãnh đạo có các quyết sách đúng đắn và mức giá bán hợp lý nhất. Trong năm 2018, Tập đoàn đã hoàn thành việc thoái vốn khỏi Công ty con là

Nhựa miền Trung và nhiều khoản đầu tư tại Vilico và Vinatea.

Giai đoạn 2019-2020, khi các công việc chuyển giao sau cổ phần hóa tại các công ty con đã hoàn thành, GTNfoods sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn tại nhiều khoản đầu tư không cốt lõi, tìm kiếm các đối tác để thanh lý hoặc thực hiện các dự án khai thác các tài sản không cốt lõi, đặc biệt là các nguồn lực về đất đai, tối ưu hóa hiệu quả kinh tế cho Tập đoàn để có nguồn lực tập trung vào các hoạt động phát triển mảng sữa và trà.

II. Chiến lược phát triển trung và dài hạn



III. Các mục tiêu môi trường – xã hội – cộng đồng

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh những chỉ tiêu về mặt kinh tế, Tập đoàn GTNfoods luôn thiết lập những mục tiêu hướng đến Môi trường – Xã hội – Cộng đồng. Việc xây dựng các mục tiêu dựa trên những thách thức đã được nhận biết, đánh giá tầm quan trọng theo kế hoạch dài hạn và điều kiện thực tế của GTNfoods và các đơn vị thành viên.

Sản phẩm chất lượng và an toàn

Cung cấp các sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, an toàn cho người sử dụng, có nguồn gốc tin cậy không chỉ là trách nhiệm mà còn là sứ mệnh, triết lý nền tảng mà GTNfoods theo đuổi.

Bảo vệ môi trường

Tuân thủ luật pháp về môi trường là cam kết hàng đầu của Tập đoàn GTNfoods. Tập đoàn với cơ chế hỗ trợ và giám sát nỗ lực đảm bảo tất cả công ty thành viên sẽ tuân thủ các yêu cầu pháp lý về môi trường. Bên cạnh đó, GTNfoods và

các công ty thành viên luôn hoạt động theo các định hướng mục tiêu: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng, xử lý nước thải và rác thải, hoàn thiện chuỗi để tận dụng các nguồn nguyên liệu bền vững.

An toàn lao động

Tập đoàn GTNfoods cũng như mọi doanh nghiệp khác đều coi sức khỏe, an toàn lao động là vấn đề được ưu tiên hàng đầu và yêu cầu mọi công ty áp dụng các biện pháp để đảm bảo trong quá trình sản xuất kinh doanh. Mọi rủi ro đang được nhận biết và đánh giá đúng mức độ ảnh hưởng để có biện pháp ứng phó phù hợp.

Bảo vệ quyền lợi của người lao động và cộng đồng

Với tinh thần phát triển kinh tế song song với sự phát triển chung của cộng đồng, GTNfoods và các đơn vị thành viên luôn chú trọng đến quyền lợi của cộng đồng, với các mục tiêu nâng cao điều kiện sống và tạo việc làm tại địa phương các vùng hoạt động của Tập đoàn, thực hiện các công tác xã hội. Đối với người lao động, GTNfoods chú trọng nâng cao chất lượng môi trường làm việc, thu nhập và điều kiện sống, đảm bảo lợi ích và sự gắn bó lâu dài của người lao động.

9. QUẢN TRỊ RỦI RO

9.1. MỤC ĐÍCH QUẢN TRỊ RỦI RO

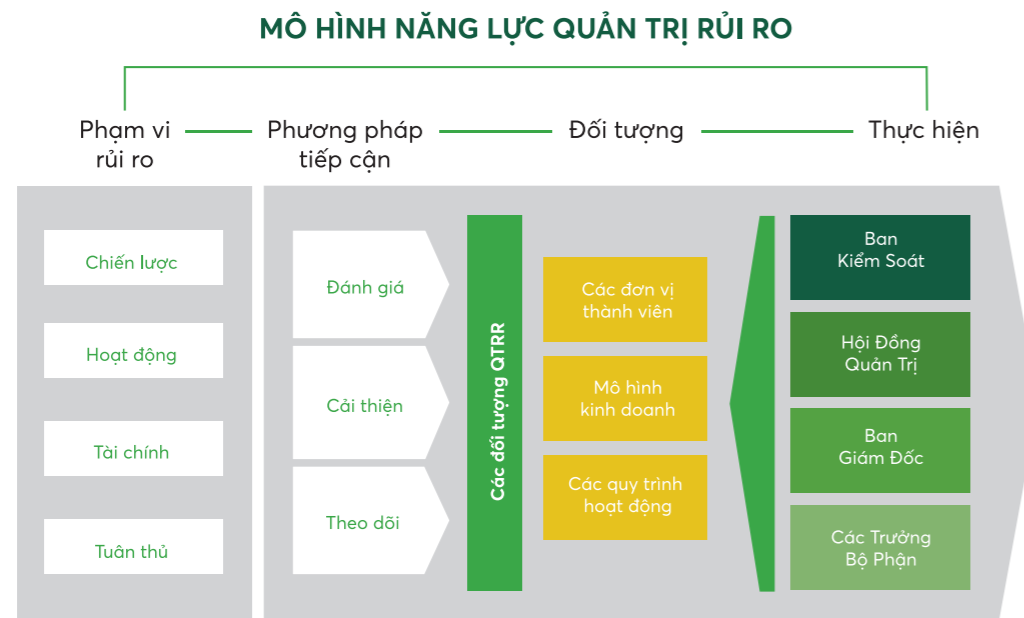
Quản trị rủi ro luôn được coi là hoạt động trọng tâm của GTNfoods. Mục tiêu của hoạt động quản trị rủi ro:

- Kịp thời nhận diện các rủi ro có thể xảy ra có thể ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, từ đó nhìn ra các cơ hội và thách thức.
- Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập

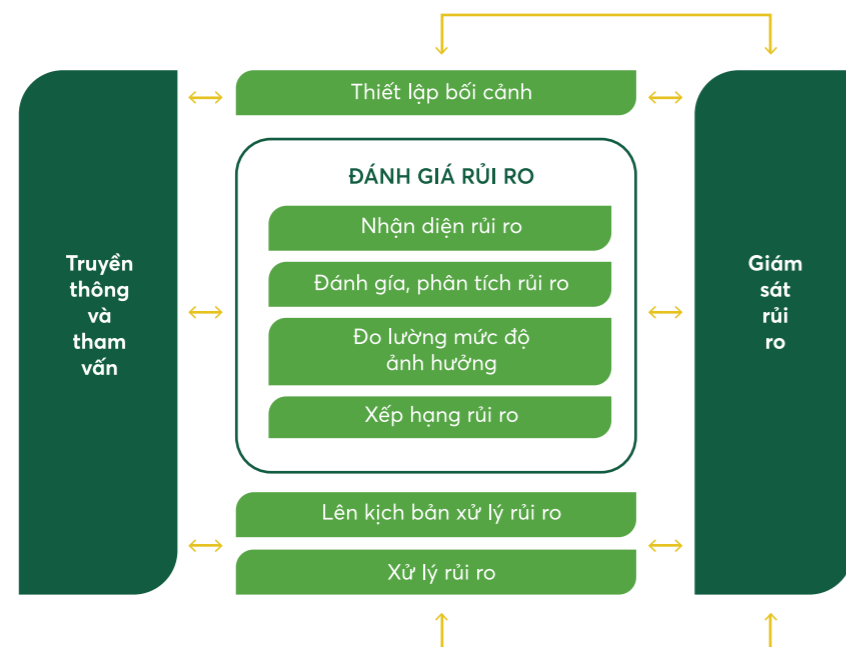
kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của Tập đoàn.

- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Tập đoàn.

I. Mô hình tổ chức quản trị rủi ro



II. Quy trình quản trị rủi ro



III. Nhận diện và xếp hạng rủi ro

Các rủi ro chủ yếu	Xếp hạng
Các rủi ro đặc thù của lĩnh vực kinh doanh	Cao
Rủi ro về thương hiệu	Cao
Rủi ro về thị trường	Trung bình
Rủi ro trong hoạt động vận hành, quản trị doanh nghiệp	Trung bình
Rủi ro pháp lý	Thấp
Rủi ro thanh khoản	Thấp

IV. Phân tích rủi ro và phương thức quản trị các rủi ro

A. Rủi ro chiến lược

Rủi ro chiến lược là những rủi ro phát sinh từ các quyết định của ban giám đốc liên quan đến các mục tiêu của doanh nghiệp. Về cơ bản, rủi ro chiến lược là rủi ro không đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp để ra, bao gồm:

- Rủi ro kinh doanh – là rủi ro xuất phát từ các quyết định của ban giám đốc về những sản phẩm hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp. Bao gồm các rủi ro gắn liền với sự phát triển và tiếp thị các sản phẩm hoặc dịch vụ, rủi ro kinh tế tác động đến doanh thu và chi phí của sản phẩm và các rủi ro phát sinh từ sự thay đổi công nghệ kỹ thuật tác động đến số lượng sản phẩm sản xuất và bán ra.
- Rủi ro phi kinh doanh – là rủi ro không xuất phát từ các sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp. Ví dụ, các rủi ro gắn liền với những nguồn tài chính dài hạn. Mức độ rủi ro chiến lược gắn liền với tổng thể doanh nghiệp trong mối quan hệ với môi trường và không chỉ bị tác động bởi các quyết định của ban giám đốc. Những hành động của đối thủ cạnh tranh sẽ tác động đến mức độ rủi ro trong các thị trường sản phẩm và sự phát triển của công nghệ kỹ thuật sẽ dẫn đến các quy trình sản xuất hoặc các sản phẩm bị lỗi thời một cách nhanh chóng.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để hạn chế rủi ro về chiến lược, GTNfoods thiết lập kế hoạch chiến lược chi tiết, truyền thông đến các bên liên quan và được giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.

B. Rủi ro đặc thù của từng lĩnh vực kinh doanh

Trong lĩnh vực kinh doanh sữa đóng hộp, rượu vang đóng chai, trà thương hiệu túi lọc, và chăn nuôi bò sữa, GTNfoods và các đơn vị thành viên phải đối mặt với nhiều rủi ro đặc thù của ngành trong quá trình chăn nuôi và trồng trọt, như: rủi ro thời tiết, thiên tai, rủi ro dịch bệnh, rủi ro về con giống nuôi trồng, rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm...

Các rủi ro của ngành nông nghiệp:

- Rủi ro về thiên tai, thời tiết: Rủi ro về thiên tai thời tiết

là một trong những yếu tố ảnh hưởng nặng nề nhất đến vật nuôi và cây trồng. Các vùng nguyên liệu của GTNfoods đều có điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi, khí hậu ôn hòa, tuy nhiên hiện tượng biến đổi khí hậu khiến thời tiết ngày càng khắc nghiệt làm tăng cao nguy cơ về mưa lũ, hạn hán hoặc băng tuyết lạnh giá.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để khắc phục rủi ro này, GTNfoods đã chủ động mở rộng vùng chăn nuôi, nguyên liệu đối với đàn bò và chè tại nhiều địa phương lân cận các tỉnh Sơn La, Phú Thọ, Yên Bái... Luôn có trữ lượng hàng đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm: Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm xảy ra khi doanh nghiệp mất đi các thị trường tiêu thụ đang có sẵn hoặc không thâm nhập được vào các thị trường mục tiêu như đề ra.

Đối với sản phẩm sữa, Mộc Châu milk hướng tới thị trường số đông, giá cạnh tranh theo sát các đối thủ trong ngành, tuy nhiên thị trường hiện tại tập trung chủ yếu tại các vùng lân cận tỉnh Sơn La, thị trường mục tiêu thời gian tới là các tỉnh miền bắc với trọng tâm là thị trường Hà Nội, thị trường vốn có mức độ cạnh tranh khốc liệt do tập trung nhiều đối thủ lớn. Việc tăng đàn để đáp ứng thị trường mới thâm nhập có rủi ro khi vốn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất chưa thể được bù đắp bởi doanh thu.

Đối với sản phẩm trà của Vinatea, với mong muốn phát triển các sản phẩm trà thương hiệu, tiếp cận trực tiếp tới người tiêu dùng, thay vì chỉ bán trà nguyên liệu như trước đây. Việc thâm nhập thị trường mới với các đối thủ mạnh là thách thức không nhỏ với Vinatea, bởi người tiêu dùng ngày càng thông thái và khó tính trong lựa chọn sản phẩm, trong bối cảnh thị trường ngập tràn các sản phẩm trà túi lọc.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để đối phó với rủi ro này, GTNfoods đã bắt đầu khảo sát, nghiên cứu thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng, đồng thời áp dụng các công nghệ tiên tiến vào phục vụ sản xuất sữa và trà, cho chất lượng sản phẩm tốt hơn, đa dạng hơn. Ngoài ra, chính sách giá, chiết khấu phù hợp được nghiên cứu để áp dụng.

- Rủi ro về quỹ đất nông nghiệp: Đất đai là nguồn lực quan trọng của mỗi quốc gia, đặc biệt là quỹ đất phục vụ cho mục đích Nông nghiệp, nhằm đảm bảo an ninh

lượng thực cho nước nhà. Tuy nhiên, diện tích đất Nông nghiệp của Việt Nam manh mún và phân tán do đặc điểm văn hóa canh tác của người dân, đồng thời ngày càng bị thu hẹp bởi quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa mạnh thời gian gần đây.

Đối với các ngành kinh doanh chủ lực của GTNfoods như chè và sữa, quỹ đất phục vụ sản xuất nguyên liệu lại càng trở nên vô cùng quan trọng. Mộc Châu là vùng đất đặc biệt được thiên nhiên ưu đãi phù hợp cho đàn bò sữa phát triển và canh tác chè. GTNfoods có quỹ đất rộng lớn, với diện tích nuôi đàn bò lên tới 1.040 ha, diện tích canh tác chè lên tới 4.700 ha. Công ty đang tiếp tục mở rộng vùng nguyên liệu ra các khu vực lân cận của các tỉnh Sơn La, Phú Thọ, Yên Bái... Hiện tại rủi ro về diện tích đất nông nghiệp của công ty đang ở mức thấp.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để đối phó với rủi ro về diện tích đất, công ty chủ động cùng với tỉnh tái cơ cấu vùng trồng và chăn nuôi của người dân, duy trì và tối ưu hóa chuỗi giá trị từ nguyên liệu, thức ăn, chăn nuôi, và sản xuất các sản phẩm đạt chất lượng tốt.

Các rủi ro của ngành thực phẩm:

Ngành thực phẩm của GTNfoods tập trung vào các mảng chính bao gồm: Sữa, Trà từ công ty con và Rượu Vang từ công ty liên kết. Rủi ro chính gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào, rủi ro về biến động nhu cầu của người tiêu dùng, rủi ro giảm doanh thu mất thị phần do chịu sức ép cạnh tranh của các công ty trong ngành.

- Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào: GTNfoods có vùng nguyên liệu rộng lớn và ổn định về giá, sản lượng và chất lượng của nguyên liệu đầu vào do sự liên kết chặt chẽ giữa công ty đối với địa phương và nông hộ nuôi trồng. Việc sở hữu quỹ đất lớn, khoán đất và sản lượng về từng hộ dân theo hợp đồng dài hạn trong nhiều năm giúp cho GTNfoods có được thể chủ động về nguồn nguyên liệu của mình, đặc biệt không bị chi phối, lệ thuộc bởi tình hình lạm phát chung. Rủi ro biến động về giá nguyên liệu đầu vào của GTNfoods đang ở mức thấp.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để hạn chế rủi ro về biến động giá đầu vào, GTNfoods tiếp tục duy trì mô hình khoán đất và sản lượng về các hộ dân như hiện tại, đồng thời mở rộng quy mô ra khu vực lân cận của các vùng nguyên liệu chính. Các hợp đồng khoán đất cho dân để nuôi trồng được ký thời hạn lâu dài sẽ duy trì thể chủ động không chỉ về giá đầu vào nguyên liệu mà còn tạo ưu thế cạnh tranh về giá của sản phẩm thương hiệu so với các đối thủ mạnh trên thị trường.

- Rủi ro về biến động nhu cầu thị trường và sức ép cạnh tranh: Sức ép cạnh tranh trên thị trường hàng tiêu dùng nói chung và thực phẩm nói riêng tại Việt Nam ngày càng tăng cao do sự góp mặt của nhiều ông lớn trên thế giới, đồng thời là sự vào cuộc của các doanh nghiệp có tiềm lực trong nước. Đi cùng với sự phát

triển của nền kinh tế, nhu cầu về thực phẩm của người tiêu dùng Việt nam đang thay đổi nhanh chóng và hướng tới những sản phẩm sạch có chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và tiện dụng. Với các công cụ nghiên cứu người tiêu dùng và thị trường, các đối thủ liên tục thay đổi, cải tiến sản phẩm phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của khách hàng. GTNfoods sở hữu các thương hiệu lâu đời và có tiếng trên thị trường, tuy nhiên với tiền thân là đơn vị nhà nước, chiến lược bén nhạy đối với thị trường khá chậm thay đổi so với các đối thủ cùng ngành. Mặc dù vậy, sự tăng trưởng ngoạn mục của nền kinh tế những năm vừa qua, kéo theo đó là sự nở rộ tăng trưởng liên tục của các ngành hàng tiêu dùng, đặc biệt là thực phẩm vẫn giúp các thương hiệu của GTNfoods tạm thời đứng vững trên thị trường. Rủi ro về biến động nhu cầu thị trường và sức ép cạnh tranh mất thị phần, giảm doanh thu là tương đối rõ nét.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để hạn chế rủi ro về biến động nhu cầu của người tiêu dùng, GTNfoods đang bước đầu có những đánh giá, nghiên cứu định kỳ, nhằm thăm dò nhu cầu của người tiêu dùng. Từ đó có chiến lược tập trung phát triển sản phẩm, tạo tính cạnh tranh mạnh hơn cho công ty. Ngoài việc rót vốn cho hoạt động R&D, GTNfoods đang tích cực cải thiện hình thức Marketing như TVC sáng tạo hơn, tái định vị thương hiệu các sản phẩm, cho ra bao bì mới, và đẩy mạnh câu chuyện thương hiệu nhằm đưa sản phẩm tới gần hơn đối với người tiêu dùng. Đồng thời với đó là việc bắt đầu tái cấu trúc kênh phân phối đã có và phát triển thêm các kênh mới tại các thị trường mới như Hà Nội và các tỉnh lân cận, hướng tới kênh phân phối hiện đại.

C. Rủi ro về thương hiệu

Rủi ro về thương hiệu là những tổn thất và thiệt hại về giá trị của công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhu cầu sử dụng dịch vụ và sản phẩm. Những rủi ro do tin đồn sai sự thật ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của công ty, làm suy giảm lòng tin của khách hàng đối với công ty, cổ đông, đối tác và cộng đồng, dẫn đến những thiệt hại lớn về mặt tài chính.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Quản trị thương hiệu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các doanh nghiệp. GTNfoods bắt đầu xây dựng quy định về quản trị rủi ro thương hiệu thông qua hoạt động quản trị doanh nghiệp và hệ thống quản trị rủi ro.

D. Rủi ro về tài chính

D.1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là những yếu tố có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty có nguyên nhân xuất phát từ những thay đổi của thị trường, ví dụ như lãi suất, giá cổ phiếu, giá hàng hóa...
- Rủi ro về lãi suất: Hiện tại, nợ vay của công ty ở mức thấp, chỉ số nợ vay/Tổng tài sản của Công ty là 0,2 lần, Công ty không chịu nhiều rủi ro về lãi suất.

- Rủi ro về giá hàng hóa thành phẩm: Đây là rủi ro phát sinh khi giá thành phẩm sụt giảm mạnh khiến Công ty không đạt được mức doanh thu dự kiến.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Công ty đã giảm thiểu tối đa rủi ro bằng cách tích cực chủ động tiếp nhận các nguồn thông tin thị trường có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của GTNfoods nhằm xác định thời điểm và lượng hàng tồn kho hợp lý.

- Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Rủi ro về tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền tương lai được tính toán trong các kế hoạch, phương án tài chính sẽ bị biến động do tác động của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, GTNfoods có thể phải đối mặt với nguy cơ tỷ giá hối đoái liên quan tới các hoạt động xuất nhập khẩu của công ty.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Trong các công ty GTNfoods đang sở hữu hiện nay, nghiệp vụ xuất nhập khẩu chủ yếu được thực hiện tại tổng công ty chè, phụ vụ hoạt động xuất khẩu chè. Trong khi Vinatea sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, kiểm soát được giá cả thì việc xuất khẩu thu tiền ngoại tệ lại càng có lợi khi tỷ giá luôn có xu hướng

tăng. Bên cạnh đó, GTNfoods vẫn chủ động để phòng dự tính biến động rủi ro bằng cách tính toán thời điểm, lập kế hoạch xuất nhập khẩu hợp lý.

D.2. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi GTNfoods gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty đánh giá rủi ro này ở mức thấp do công ty luôn có kế hoạch quản trị dòng tiền hiệu quả cũng như tình hình tài chính lành mạnh tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên: Vilico, Vinatea, Mộc Châu Milk.... Để ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro này, Công ty chủ động thực hiện quản trị dòng tiền chặt chẽ, duy trì lượng tiền mặt và tiền gửi hợp lý với từng giai đoạn phát triển, thu xếp các nguồn tài chính khác để đảm bảo vốn khi cần, duy trì các chỉ số khả năng thanh toán ở mức lành mạnh và tỷ lệ đòn bẩy ở mức hợp lý, cân đối. Hàng tuần, các báo cáo dòng tiền của GTNfoods đều được các bộ phận liên quan lập và báo cáo kịp thời với Ban điều hành.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

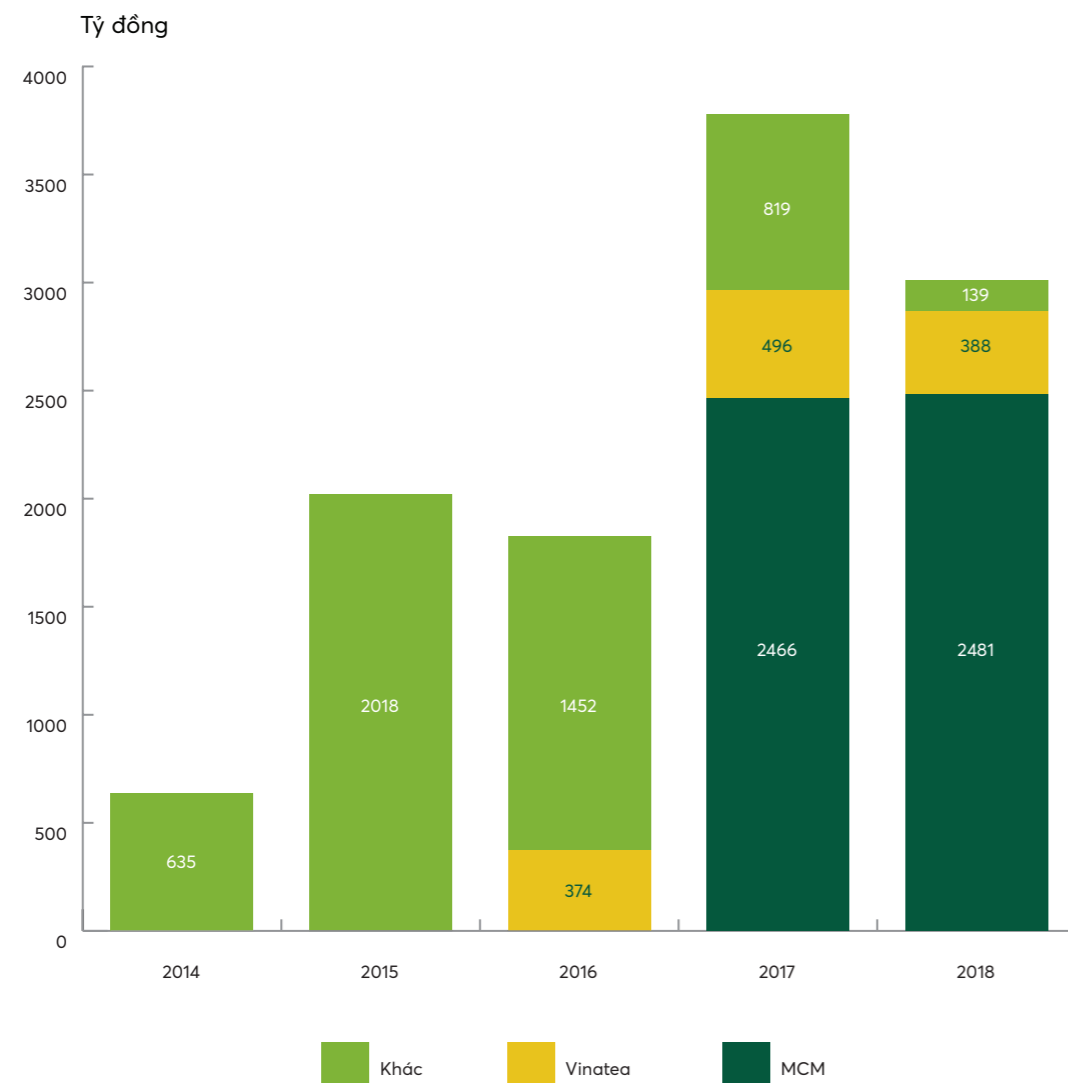
Trong năm 2018, GTNfoods tiếp tục thực hiện chuyển dịch trọng tâm kinh doanh thành một doanh nghiệp thực phẩm sạch, đồng thời nỗ lực không ngừng tái cơ cấu các đơn vị thành viên. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên chủ lực gặp nhiều khó khăn do tác động của thị trường và ảnh hưởng của quá trình bàn giao quyết toán vốn Nhà nước tại Công ty con Vinatea. Tuy nhiên, GTNfoods vẫn đang tiến dần những bước chắc chắn trong quá trình tái cơ cấu và phát triển các công ty thành viên, phần nào được thể hiện qua bức tranh kết quả kinh doanh 2018.

Kết quả kinh doanh năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017

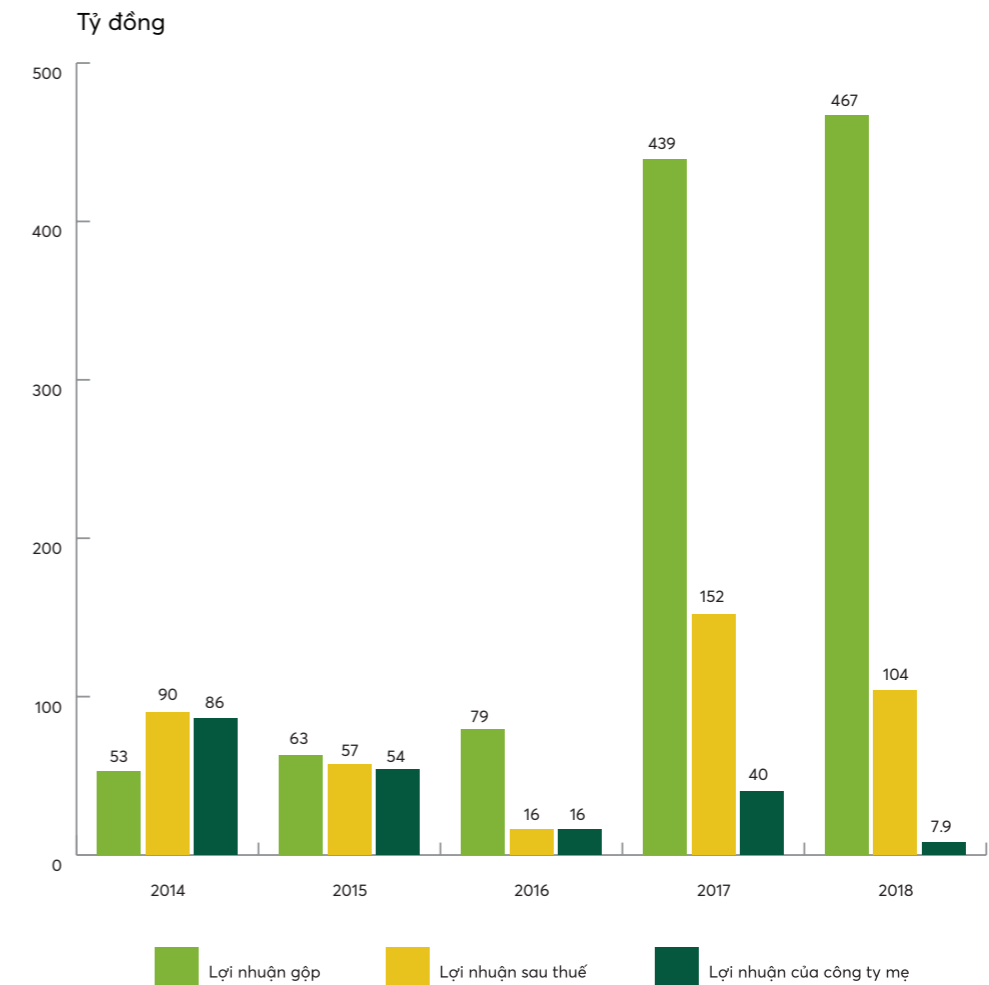
Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017	CHÊNH LỆCH 2018/2017
Doanh thu thuần	3.008	3.781	(20,44%)
Lợi nhuận gộp	467	439	6,4%
Lợi nhuận thuần sau thuế	104	152	(31,58%)
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	7,9	40,4	(80,44%)

Cơ cấu doanh thu qua các năm



Lợi nhuận qua các năm



Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực hoạt động

Đơn vị tính: tỷ đồng

HOẠT ĐỘNG	DOANH THU			LỢI NHUẬN GỘP		
	NĂM 2018	NĂM 2017	THAY ĐỔI	NĂM 2018	NĂM 2017	THAY ĐỔI
Hoạt động SXKD Sữa	2.481	2.466	0,6%	466	450	3,5%
Hoạt động SXKD Chè	388	496	(21,7%)	33	24	37,5%
Hoạt động khác	139	819	(83,2%)	(32)	(35)	8,6%
Tổng cộng	3.008	3.781	(20,4%)	467	439	6,37%

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần GTNfoods tiếp tục thực hiện chuyển đổi trọng tâm kinh doanh thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, đồng thời tiếp tục thực hiện tái cấu trúc các đơn vị thành viên. Hiện nay các mảng kinh doanh cốt lõi của GTNfoods bao gồm:

Mảng Sữa: thông qua Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu - MCM

Mảng Trà: thông qua Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCPC

Mảng Rượu: lợi nhuận từ Công ty liên kết thông qua Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng - Ladofoods

Ngoài ra, kết quả kinh doanh của GTNfoods còn được đóng góp bởi các thu nhập khác như: thu nhập từ hoạt động tài chính, cổ tức, thu nhập từ hoạt động thoái vốn các mảng kinh doanh không cốt lõi...

Kết quả kinh doanh năm 2018 so với kế hoạch

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu thuần	3.350	3.008	90%
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	300	104	35%
3	Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	165	7,9	5%

Về doanh thu hợp nhất

Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn: đạt 3.008 tỷ đồng, giảm 773 tỷ đồng, tương đương 20,5% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 90% kế hoạch. Trong tổng doanh thu thể hiện rõ xu hướng dịch chuyển sang 02 mảng kinh doanh chính là sữa và trà, cắt giảm các hoạt động kinh doanh khác.

Doanh thu Mộc Châu Milk: đạt 2.481 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,6% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng tích cực từ 18% lên 19%, thể hiện phần nào kết quả của quá trình tái cơ cấu, tăng hiệu quả chi phí trong quá trình sản xuất, thu mua nguyên liệu đầu vào.

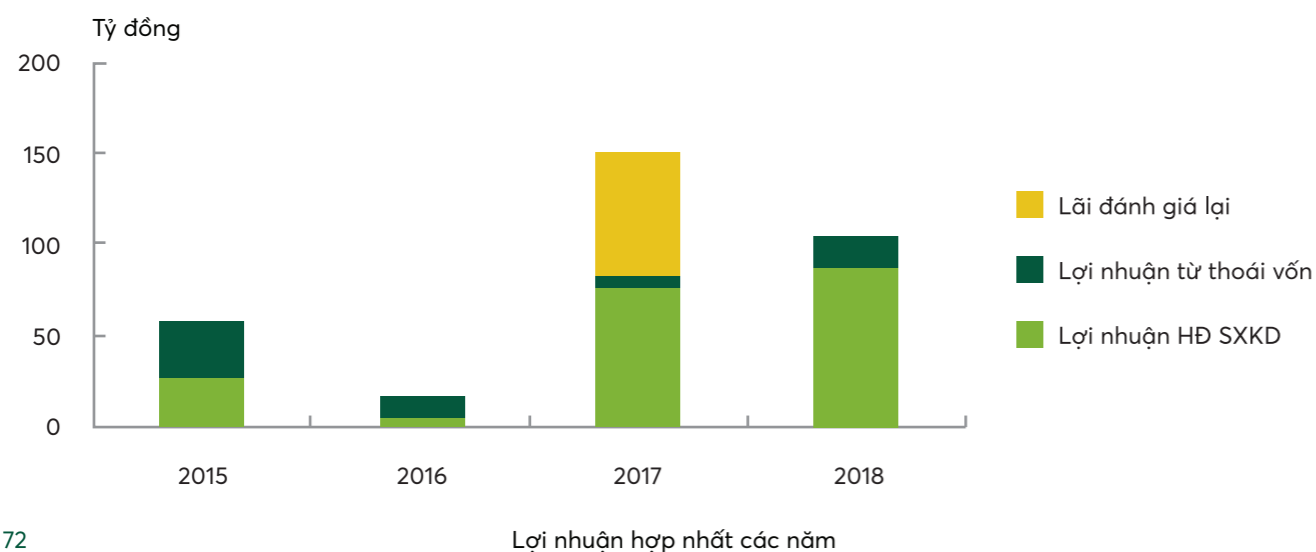
Doanh thu Vinatea: đạt 394 tỷ đồng, giảm 103 tỷ đồng, tương đương 20,8% so với năm 2017. Nguyên nhân chính do trong năm 2017, Vinatea đẩy mạnh thanh lý hàng tồn kho từ trước quá trình cổ phần hóa, dẫn đến doanh thu tăng mạnh; tuy nhiên lượng hàng tồn kho này không còn ảnh hưởng trong năm 2018. Việc chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu sang các thị trường có giá trị cao hơn và tái cơ cấu hoạt động nông nghiệp sản xuất đã giúp cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp từ 4,8% lên 9,7%.

Các mảng kinh doanh khác: Thực hiện theo chiến lược phát triển dài hạn của Công ty là trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm và hàng tiêu dùng, với các mảng kinh doanh cốt lõi là sữa và trà. Trong năm 2018, GTNfoods đã thực hiện cắt giảm và đẩy mạnh thoái vốn tại các mảng kinh doanh không cốt lõi. Trong năm 2018, doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm 4,6% tổng doanh thu của Tập đoàn (134 tỷ đồng), giảm 685 tỷ đồng, tương đương 83,6% so với năm 2017.

Về lợi nhuận hợp nhất

Năm 2018, **Lợi nhuận sau thuế hợp nhất** đạt 104 tỷ đồng, tương đương 35% kế hoạch và **Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ** đạt 7,9 tỷ đồng tương đương 5% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động thanh lý tài sản không cốt lõi chưa được thực hiện theo như kế hoạch đầu năm, hoạt động quyết toán vốn nhà nước lần 2 để bàn giao sang Công ty Cổ phần tại Vinatea chưa hoàn thành trong năm 2018 như dự kiến gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh lý tài sản tại Công ty. Ngoài ra tại một số đơn vị thành viên như Vinatea và Tre Mộc Châu phát sinh trích lập khoản dự phòng phải thu các khoản kế thừa từ giai đoạn trước Cổ phần hóa, dự phòng hàng tồn kho, dự phòng đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp đầu tư không cốt lõi, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Bóc tách cơ cấu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất và so sánh với cùng kỳ năm 2017, nếu loại trừ giá trị lãi từ đánh giá lại tài sản phát sinh do giao dịch hợp nhất kinh doanh Vilico và Mộc Châu Milk trong năm 2017, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính vẫn cho thấy sự cải thiện dù phát sinh nhiều chi phí xử lý và tái cơ cấu các tài sản không cốt lõi. Hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư không cốt lõi tại GTNfoods, Vinatea và Vilico diễn ra tích cực đem lại lợi nhuận hơn 20 tỷ VNĐ trong năm 2018.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Là một Tập đoàn với lực lượng nhân sự trên 4.000 người tính trên cơ sở hợp nhất, trải dài từ Bắc đến Nam, với các công ty con tiền thân là các Tổng công ty của Nhà nước (Vinatea và Vilico), GTNfoods có sự giao thoa giữa lực lượng nhân sự mới và lực lượng nhân sự theo môi trường Nhà nước cũ. Hiểu rõ ưu điểm và nhược điểm của mô hình này, GTNfoods hướng tới xây dựng văn hóa doanh nghiệp kết hợp giữa niềm tự hào của các công ty tiền thân nhà nước, có chiều dài lịch sử lâu đời, với sức trẻ và lòng nhiệt huyết của lực lượng lao động thuộc thế hệ mới và chất xúc tác là các nhân sự cao cấp và chuyên gia quốc tế với nguyên tắc làm việc chuyên nghiệp, khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế. Hiểu rõ đặc điểm và mục tiêu chung cần hướng tới, GTNfoods dựa vào những giá trị cốt lõi để tạo nên văn hóa doanh nghiệp riêng biệt của mình: trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người, môi trường làm việc thân thiện, năng động và công bằng, tạo cơ hội cho tất cả mọi người để làm việc, phát triển bản thân cả về sự nghiệp và nhân cách.

Giới thiệu Ban điều hành Công ty Cổ phần GTNfoods và các đơn vị thành viên



Ông NGUYỄN HỒNG ANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC GTNFOODS,
TỔNG GIÁM ĐỐC VINATEA VÀ VILICO

Ông Hồng Anh là chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp với hơn 20 năm kinh nghiệm trong vị trí quản lý như Chủ tịch hiệp hội khuyến nông và Phó Giám đốc Chi cục bảo vệ thực vật Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2014.

Ông Hồng Anh hiện là Thạc sĩ Nông nghiệp, tốt nghiệp tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ông Hồng Anh tham gia GTNfoods từ năm 2015 với cương vị cố vấn về Nông nghiệp tại Vinatea và sau đó là thành viên HĐQT GTNfoods vào tháng 3 năm 2017.



Ông LẠI CAO LÊ
CHỦ TỊCH HĐQT VINATEA VÀ VILICO

Ông Lại Cao Lê có trên 18 năm kinh nghiệm trong nghiên cứu cơ khí, giảng dạy và 25 năm kinh nghiệm trong quản lý sản xuất gồm: năng lượng, sản phẩm cơ khí và sản phẩm nông nghiệp. Ông là nhà kinh doanh đầy nhiệt huyết.



Ông TRẦN CÔNG CHIẾN
TỔNG GIÁM ĐỐC MỘC CHÂU MILK

Ông Trần Công Chiến có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong mảng sản xuất sữa công nghiệp. Ông là một trong những người tiên phong khởi nghiệp trong ngành sữa Việt Nam, là người có công đầu trong việc đưa sữa Mộc Châu trở thành thương hiệu sữa Việt đầu tiên và thân thuộc với người tiêu dùng Việt Nam như ngày nay.



Ông NGUYỄN TUẤN ANH
TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH CTCP GTNFOODS

Ông Nguyễn Tuấn Anh là chuyên gia phân tích tài chính, quản lý, kinh tế, cấu trúc doanh nghiệp, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán. Ông có chứng chỉ CFA và từng giữ vị trí Giám đốc Tài chính tại một Tập đoàn thực phẩm lớn tại Việt Nam.



Ông HOÀNG MẠNH CƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG CTCP GTNFOODS

Ông Hoàng Mạnh Cường có trên 20 năm kinh nghiệm, từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại các doanh nghiệp: Kế toán CTCP Liên hợp thực phẩm Hà Tây; Kế toán trưởng CTCP XNK Thực phẩm Bách hợp; Giám đốc CTCP Đầu tư và Sản xuất Trung Kiên. Ông Hoàng Mạnh Cường tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế và có sự am hiểu sâu sắc về lĩnh vực Tài chính – Kế toán.



Ông LÊ HẢI CHÂU
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VINATEA

Ông Lê Hải Châu có trên 15 năm kinh nghiệm quản lý công nghệ và là chuyên gia kỹ thuật nông nghiệp. Hiện ông Châu chịu trách nhiệm mảng chế xuất khẩu và vùng chè lớn tại Phú Thọ của Vinatea.



Ông HOÀNG ĐĂNG TIẾN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VINATEA

Ông Hoàng Đăng Tiến có trên 15 năm kinh nghiệm trong kiểm soát và điều hành hoạt động doanh nghiệp, ông có kinh nghiệm lâu năm trong quản lý nguồn nhân lực, có kiến thức chuyên sâu về sản xuất thực phẩm.



Ông NGUYỄN DUY CHÁNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VINATEA

Ông Nguyễn Duy Chánh là lãnh đạo lâu năm của Vinatea từ giai đoạn là Tổng công ty Nhà nước. Ông có trên 30 năm kinh nghiệm trong kiểm soát và điều hành hoạt động trong ngành sản xuất và chế biến chè, đồng thời, ông có hiểu biết sâu rộng trong nông nghiệp và sản xuất chè. Ông Nguyễn Duy Chánh đang chịu trách nhiệm quản lý tại Vinatea Mộc Châu.

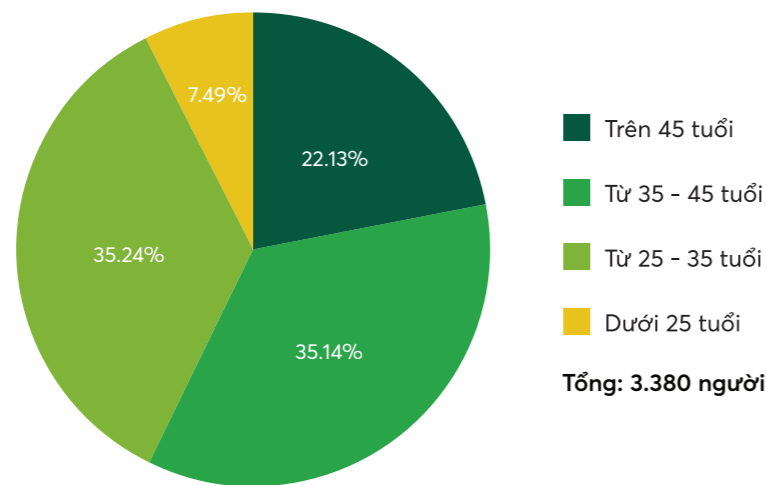
Các thay đổi trong Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần GTNfoods trong năm 2018

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ban Tổng giám đốc
1	Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc GTNfoods	Từ nhiệm ngày 22/10/2018
2	La Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc GTNfoods Tổng Giám đốc Vinatea	Từ nhiệm ngày 03/07/2018
3	Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Tài chính GTNfoods	Từ nhiệm ngày 10/10/2018
4	Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc GTNfoods	Bổ nhiệm ngày 03/07/2018

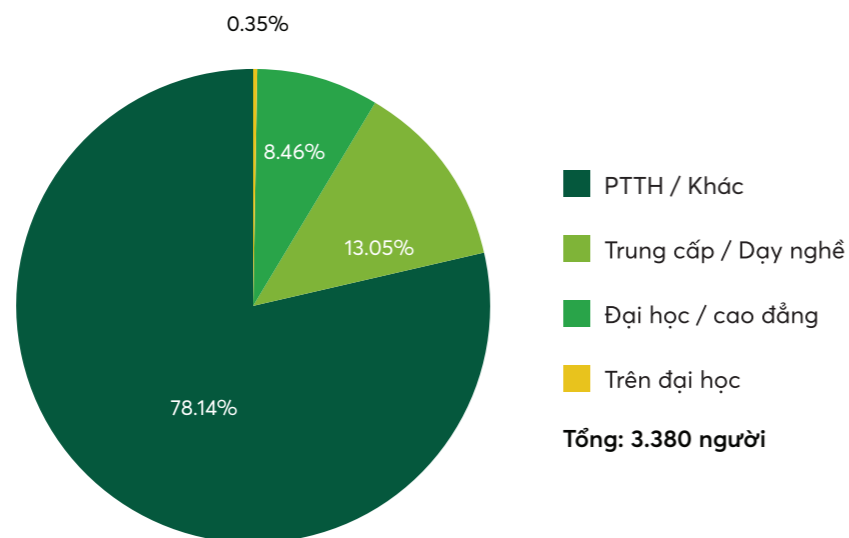
2.1. CẤU TRÚC NHÂN SỰ

Năm 2018, GTNfoods tiếp tục có sự tăng trưởng về quy mô bổ sung thêm các cán bộ nhân sự cao cấp. Tại công ty mẹ, 100% CBNV có trình độ từ đại học trở lên. Tại các Công ty con và Công ty liên kết, số lượng lao động phổ thông, công nhân tương đối lớn phù hợp với đặc điểm của ngành Nông nghiệp nên tỷ lệ CBNV chất lượng cao tại các đơn vị này chủ yếu tập trung ở khối văn phòng. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên luôn là nhiệm vụ ưu tiên của GTNfoods và các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của mô hình hoạt động, các mục tiêu định hướng phát triển chung của Tập đoàn và nhu cầu thị trường.

Cơ cấu độ tuổi



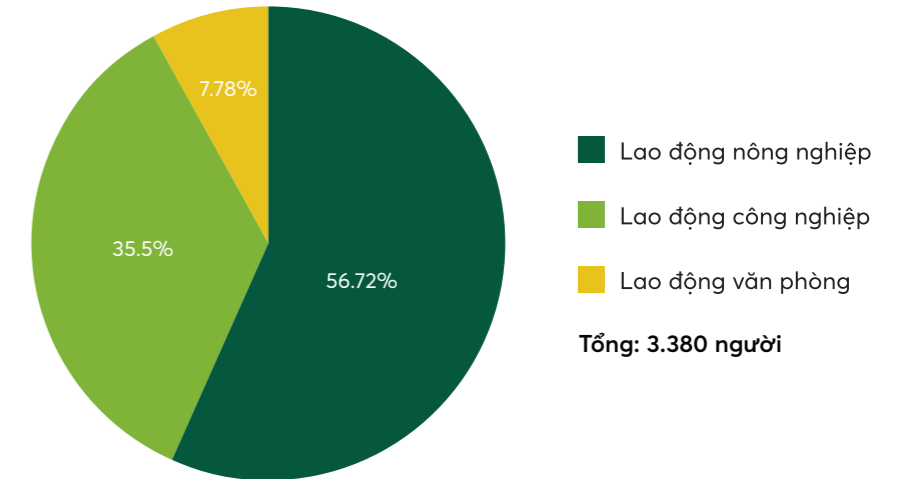
Cơ cấu trình độ



Các khối lao động



8% Lao động là người dân tộc thiểu số



2.2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Công tác tuyển dụng

Phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên, thu hút nguồn ứng cử viên chất lượng cao trên thị trường, đầu tư đào tạo phát triển nguồn nhân lực nội bộ là trọng tâm của GTNfoods. Kế hoạch tuyển dụng hàng năm được xây dựng song hành cùng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực để thực hiện các mục tiêu mà GTNfoods đã đề ra. Mục tiêu tuyển dụng của GTNfoods và các đơn vị thành viên là các ứng cử viên giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao từ các công ty, tập đoàn lớn, các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, công nhân/nhân viên tay nghề cao.

Quy trình tuyển dụng được hoàn thiện để đáp ứng được với những thay đổi trong thực tế hoạt động. Công tác tuyển dụng của GTNfoods và các đơn vị thành viên luôn được thực hiện minh bạch, khách quan tuyệt đối tuân thủ quy trình đã ban hành từ việc đăng thông tin tuyển dụng, sàng lọc ứng cử viên, phỏng vấn, lựa chọn các ứng cử viên phù hợp với từng vị trí chức danh cần tuyển dụng.

Công tác đào tạo

Mục tiêu đào tạo của GTNfoods và các đơn vị là nâng cao chất lượng các khóa học đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm mang tới cho CBNV cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Công ty.

Một số các chương trình đào tạo tiêu biểu của GTNfoods và các đơn vị thành viên năm 2018:

- Đào tạo hội nhập: diễn ra thường xuyên khi có nhân sự mới
- Duy trì định kỳ khóa tập huấn an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm tại các nhà máy sản xuất.

Định hướng của GTNfoods trong thời gian tới là tiếp tục duy trì và triển khai các hoạt động đào tạo cho năm 2019, ưu tiên các khóa học cho đội ngũ nhân sự nòng cốt, quản lý cấp cao; tập trung nâng cao nghiệp vụ, phát triển năng lực quản lý chuẩn hóa đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững, phục vụ tối ưu cho kế hoạch sản xuất và kinh doanh đã đề ra.



Công tác lương thưởng

Công tác lương thưởng của GTNfoods và các đơn vị được thực hiện tuyệt đối tuân thủ quy trình, quy chế và quy định của pháp luật. Tất cả các CBNV được hưởng lương theo đúng theo chức danh công việc đang đảm nhiệm, đảm bảo đúng với năng lực. Trong thời gian tới, GTNfoods và các công ty thành viên sẽ tiếp tục cập nhật và kiện toàn để phù hợp với tình hình thực tế:

- Điều chỉnh hệ thống thang bảng lương theo quy định của pháp luật
- Cập nhật và hoàn thiện thư viện mô tả công việc cho từng chức danh
- Thực hiện giao mục tiêu công việc định kỳ
- Xây dựng hệ thống quản trị thành tích
- Xây dựng và hoàn thiện chính sách khen thưởng.



Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Bên cạnh việc tuân thủ các chế độ lương thưởng đã cam kết với người lao động, GTNfoods và các đơn vị còn xây dựng và thực hiện các chế độ đãi ngộ khác để động viên, ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể.

- Duy trì các hoạt động văn hóa thể thao thu hút nhiều CBNV tham gia
- Khen thưởng các con của CBNV trong Công ty học giỏi, hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập
- Kết hợp với tổ chức Công đoàn phát huy vai trò tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho CBNV; tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên các gia đình có hoàn cảnh, tặng quà trong các dịp lễ Tết, quan tâm đến đời sống của người lao động

Chính sách thăng tiến

GTNfoods xây dựng chính sách thăng tiến dựa trên môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng. Mọi thành viên đều có cơ hội phát huy tối đa các năng lực chuyên môn đồng thời nâng cao các kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí chức danh để phát triển toàn diện. Chính sách thăng tiến cởi mở ưu tiên nhân viên trong Công ty có năng lực và đủ trình độ.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM 2018

Công ty Cổ phần GTNfoods được vận hành theo mô hình Tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò là Công ty quản lý vốn và điều phối hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong những năm qua, hoạt động đầu tư của Công ty Cổ phần GTNfoods chủ yếu bao gồm các hoạt động đầu tư thông qua M&A các Công ty tiền thân là Công ty Nhà nước với bề dày lịch sử hoạt động, thương hiệu phổ biến, cơ sở hạ tầng tốt, tuy nhiên có rào cản trong phát triển kênh phân phối, bán hàng và marketing. Các thương vụ M&A của GTNfoods đều được cân nhắc và xem xét kỹ về tính hiệu quả, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn là trở thành một Công ty Thực phẩm và Hàng tiêu dùng hàng đầu tại Việt Nam với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín.

ĐẦU TƯ GIA TĂNG SỞ HỮU TẠI TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Động lực thực hiện	Công ty Cổ phần GTNfoods xác định chiến lược phát triển dài hạn trở thành Công ty Thực phẩm và Hàng tiêu dùng hàng đầu Việt Nam với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín, với mũi nhọn đầu tư vào hai mảng sữa (Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu) và trà (Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP)
	Gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Vilico (Vilico hiện nắm giữ 51% vốn điều lệ của Mộc Châu Milk) và Mộc Châu Milk
Cách thức và tiến độ thực hiện	Trong năm 2018, Công ty Cổ phần GTNfoods đã tiếp tục mua thêm cổ phiếu để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Vilico), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • Năm 2015 - 2016: Mua 4.833.162 cổ phiếu, tương đương 7,66% vốn điều lệ • Năm 2017: Mua thêm 41.686.074 cổ phiếu, tương đương 66,06% vốn điều lệ • Năm 2018: Mua thêm 483.900 cổ phiếu, tương đương 0,77% vốn điều lệ
Kết quả đầu tư	Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty Cổ phần GTNfoods đã sở hữu 47.003.136 cổ phiếu VLC, tương đương 74,49% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư lũy kế: 1.427 tỷ đồng

3.2. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN CỐT LÕI

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Vilico)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch 2018/2017
Doanh thu thuần	2.545	2.712	(6,2%)
Lợi nhuận gộp	467	431	8,4%
LN thuần từ HĐKD	231	193	19,7%
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	209	188	11,2%
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ lệ lãi gộp	18%	16%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	9%	7%	

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch 2018/2017
Tài sản ngắn hạn	1.297	1.184	9,5%
Tổng tài sản	1.594	1.577	1,1%
Nợ phải trả	315	325	(3,1%)
Nợ ngắn hạn	303	313	(3,2%)
Vốn chủ sở hữu	1.279	1.252	2,2%

Tình hình kinh doanh: Năm 2018, Mộc Châu Milk đạt 2.481 tỷ đồng doanh thu, tăng 0,6% so với cùng kỳ. Năm 2018 là một năm khó khăn với thị trường sữa do nhu cầu tiêu dùng tổng thể tăng trưởng chậm lại, nhiều mặt hàng mới tham gia vào thị trường, các doanh nghiệp cạnh tranh gay gắt, dẫn đến thị trường chung suy giảm so với cùng kỳ. Doanh thu của Mộc Châu Milk cũng bị ảnh hưởng, tuy nhiên vẫn giữ vững được thị phần của mình, các sản phẩm mới ra mắt thành công, đặc biệt là các ngành hàng sữa chua với sản phẩm Sữa chua nếp cẩm.

Tại Công ty mẹ Vilico, tiếp tục với chiến lược tái cơ cấu của Tập đoàn, Công ty đã cắt giảm mạnh các mảng hoạt động không cốt lõi và không hiệu quả, tập trung xử lý và tăng hiệu quả sử dụng tài sản.

Tỷ suất lợi nhuận: Tỷ lệ lãi gộp có cải thiện so với cùng kỳ 2017 nhờ các công tác tái cơ cấu tại Công ty mẹ Vilico, tối ưu hóa sản xuất và giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào tại Mộc Châu Milk.

Công tác đầu tư và XDCB: Trong năm 2018, Mộc Châu Milk đã triển khai xây dựng một số hạng mục quan trọng như: nâng cấp dây chuyền rót sữa chua nếp cẩm, khởi công giai đoạn 1 cho dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ nhằm khép kín chuỗi sản xuất và chăn nuôi tại khu vực.

Phát triển sản phẩm mới: nhờ đẩy mạnh đầu tư công tác R&D, trong năm 2018 MCM đã thành công đưa ra thị trường một số sản phẩm mới được đánh giá tốt từ thị trường như sữa chuối, sữa chua uống vị ổi, sữa chua phô mai.

Tình hình thoái vốn: Trong năm 2018, căn cứ theo chủ trương tái cơ cấu Tập đoàn của GTNfoods, Vilico đã thực hiện thoái vốn thành công 04 khoản đầu tư tại 01 Công ty con; 02 Công ty liên kết và 01 đơn vị đầu tư với lợi nhuận trước thuế đem lại trên 23 tỷ đồng.

Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT			
KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch 2018/2017
Doanh thu thuần	393,9	495,7	(20,54%)
Lợi nhuận gộp	37,9	23,7	59,92%
LN thuần từ HĐKD	(8,3)	(17,2)	51,74%
LN hợp nhất sau thuế	(9,4)	(13,1)	26,72%
LNST của CĐ công ty mẹ	(9)	(12,2)	26,23%
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ lệ lãi gộp	9,62%	4,78%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	(2,11%)	(3,47%)	
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Tài sản ngắn hạn	530,9	530,4	0,09%
Tổng tài sản	772,2	788,6	(2,08%)
Nợ phải trả	454,4	463,8	(2,11%)
Nợ ngắn hạn	445	453	(1,77%)
Vốn chủ sở hữu	317,8	324,8	(3,16%)
Lợi ích của CĐ thiểu số	2,8	3,2	(12,50%)

Tình hình kinh doanh: Trong năm 2018, Vinatea đạt doanh thu 393,9 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế (9,4) tỷ đồng, hoàn thành 78,8% kế hoạch doanh thu và không đạt kế hoạch lợi nhuận.

Về doanh thu: trong năm 2017, Vinatea tập trung đẩy mạnh thanh lý hàng tồn kho từ trước giai đoạn cổ phần hóa, dẫn đến doanh thu có sự tăng trưởng đột biến. Năm 2018, lượng chè tồn kho này không còn, dẫn đến doanh thu có sự sụt giảm.

Về lợi nhuận sau thuế: trong năm 2018 và đặc biệt trong giai đoạn Quý 4 cuối năm, Vinatea phát sinh nhiều khoản trích lập dự phòng phải thu các khoản kế thừa từ giai đoạn trước Cổ phần hóa, dự phòng hàng tồn kho, xử lý tái cơ cấu các tài sản không cốt lõi, dẫn đến kết quả kinh doanh lỗ.

Tỷ suất lợi nhuận: Năm 2018 ghi nhận tỷ lệ lãi gộp của Vinatea tăng 101%, từ mức 4,78% năm 2017 lên 9,62% năm 2018. Trong năm 2017, Vinatea đã đẩy mạnh thanh lý hàng tồn kho từ trước giai đoạn cổ phần hóa, giúp ghi nhận doanh thu cao nhưng tỷ lệ lãi gộp tương đối thấp. Trong năm 2018, lượng hàng tồn kho này không còn, tỷ lệ lãi gộp được cải thiện.

Phát triển sản phẩm mới: Công ty con phụ trách mảng chè thương hiệu của Vinatea là Công ty Cổ phần Vinatea Kim Anh đã đẩy mạnh việc nghiên cứu thị trường nội, nhu cầu của người tiêu dùng và đưa ra nhiều sản phẩm có lợi cho sức khỏe, tạo điểm khác biệt về mặt chất lượng cho thương hiệu trà Vinatea so với các sản phẩm khác trên thị trường, một số sản phẩm tiêu biểu như: bộ Tam Đế Vương Trà, bộ Trà Hoa Việt, Trà Quý Phi...

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods)

Đơn vị tính: tỷ đồng

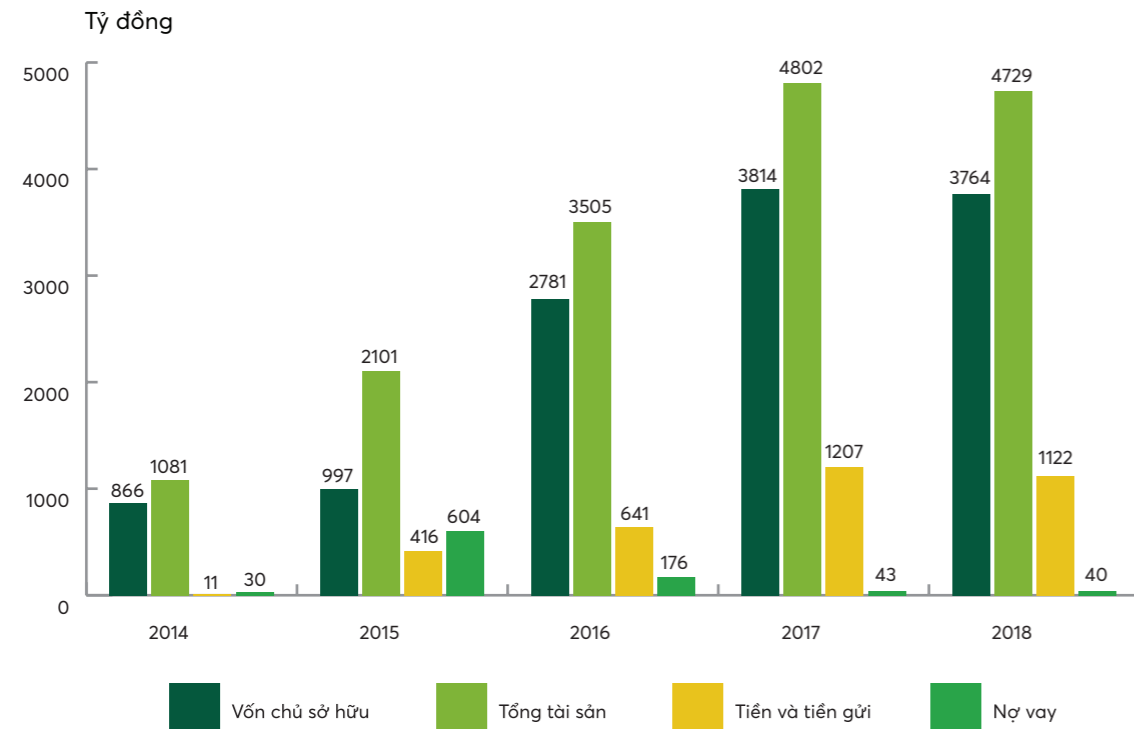
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT			
KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch 2018/2017
Doanh thu thuần	504,8	586,8	(13,97%)
LN hợp nhất sau thuế	17,5	20,9	(16,27%)
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận thuần	3,47%	3,56%	(2,67%)
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Tài sản ngắn hạn	152,8	139,5	9,53%
Tổng tài sản	209,1	197,7	5,77%
Nợ phải trả	27,5	12,8	114,84%
Nợ ngắn hạn	26,7	12,5	113,60%
Vốn chủ sở hữu	181,6	184,9	(1,78%)

* Năm tài chính 2018 chính thức của Ladofoods là từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/03/2019, do đó, số liệu trên là số liệu đã có điều chỉnh để phù hợp với năm tài chính chung của Tập đoàn là từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Do chưa có số liệu đã kiểm toán chính thức của Ladofoods cho năm 2018, Công ty chỉ cung cấp số liệu trên cho mục đích tham khảo.

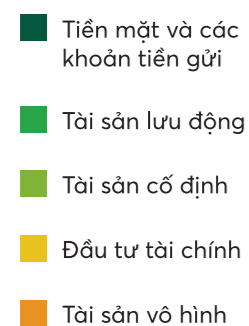
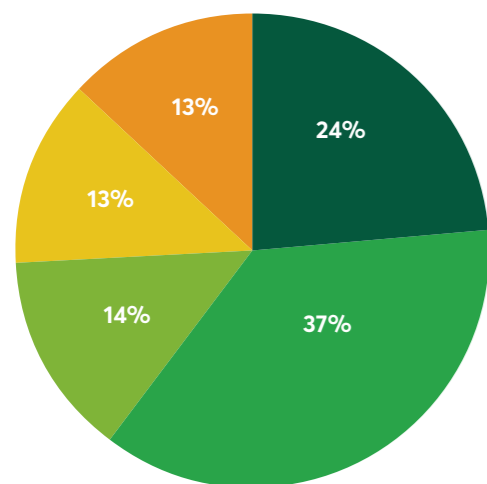


4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

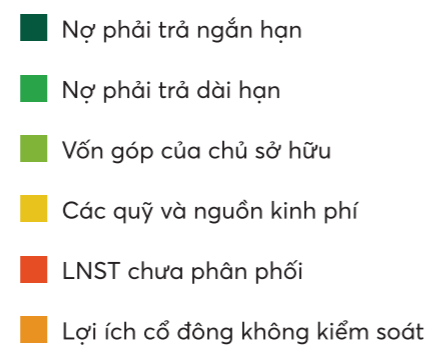
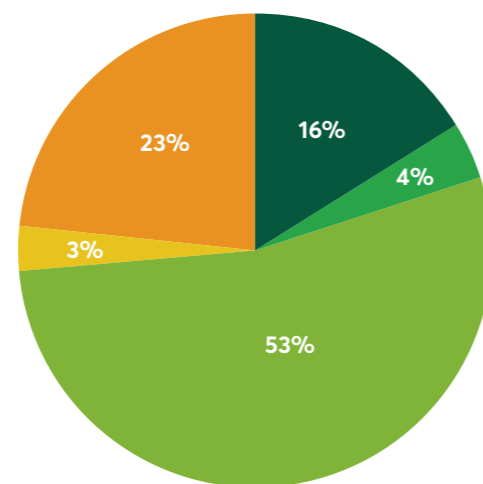
Tăng trưởng tài sản hợp nhất



Cơ cấu Tài sản hợp nhất



Cơ cấu Nguồn vốn hợp nhất



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.854	2.802	4.730	4.802
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	19	473	3.008	3.781
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	41,5	3,9	113,4	153,2
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	7,8	0,0	5,5	9,0
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	49,3	3,9	118,9	162,2
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	49,1	2,0	104,7	151,9
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%				
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	99,15	177,49	3,18	3,00
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	99,15	177,49	2,64	2,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,00	0,00	0,20	0,21
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,00	0,00	0,26	0,26
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng			6,27	8,36
+ Doanh thu thuần/ Tổng Tài sản	%	0,65	16,89	63,73	78,89
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	265,19	0,43	3,47	4,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	1,73	0,07	2,78	3,98
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	1,72	0,07	2,21	3,16
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	224,23	0,82	3,76	4,04

Phân tích cụ thể tình hình tài chính cũng như các chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần GTNfoods được trình bày chi tiết tại mục Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần GTNfoods (GTNfoods, GTN) được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch GTN và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Giá cổ phiếu ngày 29/12/2017: **16.200 đồng/cổ phiếu**

Giá cổ phiếu ngày 31/12/2018: **10.300 đồng/cổ phiếu**

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

(Cập nhật theo Công bố thông tin của các Cổ đông lớn đến ngày 31/12/2018 và theo Danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018)

STT	Danh mục cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài			
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	70.047.880	28,02%	1	69.999.990	28%	2
2	Cổ đông khác	62.701.837	25,08%	1.567	47.250.293	38,9%	41
	Tổng cộng	132.749.717	53,1%	1.568	117.250.283	46,9%	43

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	140.047.870	56,02%	3	3	-
	- Trong nước	70.047.880	28,02%	1	1	-
	- Nước ngoài	69.999.990	28%	2	2	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	109.952.130	63,98%	1.608	61	1.547
	- Trong nước	62.701.837	25,08%	1.567	39	1.528
	- Nước ngoài	47.250.293	38,9%	41	22	19
	TỔNG CỘNG	250.000.000	100%	1.611	64	1.547
Trong đó	- Trong nước	132.749.717	51,3%	1.568	40	1.528
	- Nước ngoài	117.250.283	46,9%	43	24	19

Thông tin cổ đông lớn sở hữu

STT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	70.047.880	28%
2	TAEL Two Partners	55.000.000	22%
3	PENM IV Germany GmbH & Co. KG	14.999.990	6%

Thông tin về cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng đến ngày 31/12/2018

	Số lượng hạn chế chuyển nhượng	Số lượng tự do chuyển nhượng	Tổng cộng
Cổ phiếu	0	250.000.000	250.000.000
Tỷ lệ (%)	0%	100%	100%

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty Cổ phần GTNfoods không phát sinh giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ trong năm 2018.

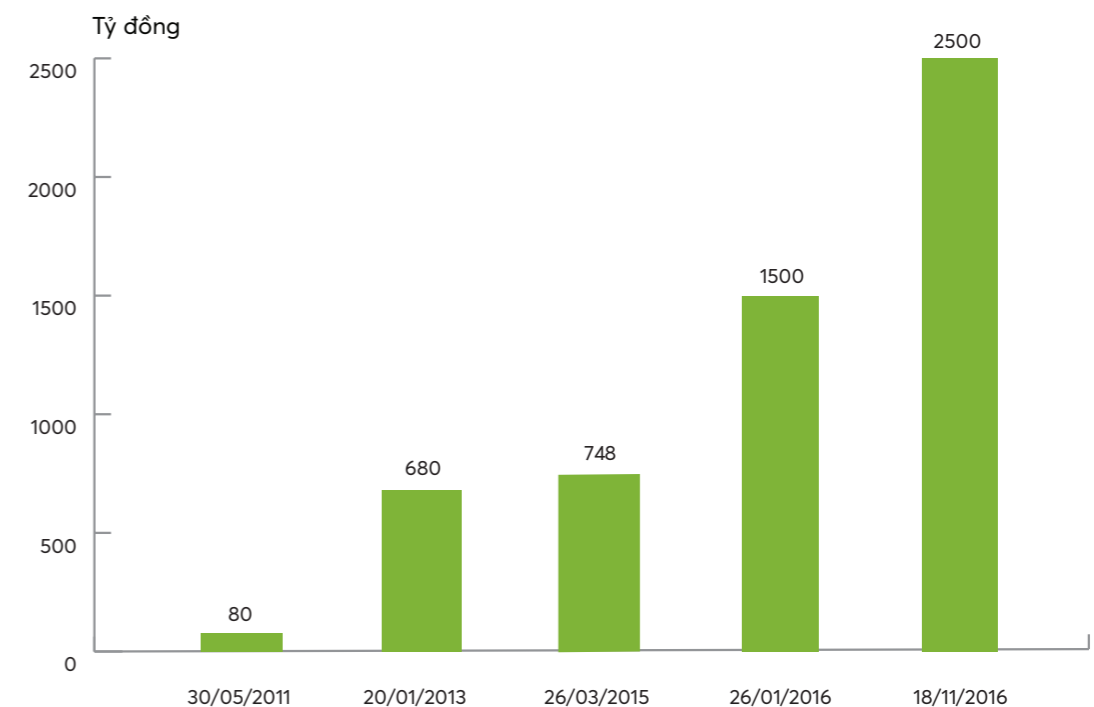
5.3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lịch sử tăng vốn điều lệ

Tóm tắt các mốc tăng vốn điều lệ

Thời gian	Số vốn trước khi thay đổi (tỷ đồng)	Số vốn sau khi thay đổi (tỷ đồng)
30/05/2011	-	80
20/01/2013	80	680
26/03/2015	680	748
26/01/2016	748	1.500
18/11/2016	1.500	2.500

Quá trình thay đổi vốn điều lệ



- Công ty Cổ phần GTNfoods thành lập ngày 30/05/2011 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực như sản xuất tre công nghiệp, xây dựng hạ tầng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, nhựa, nông sản và thực phẩm.
- Ngày 20/01/2013, Công ty tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 680 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2013/NQ/ĐHĐCĐ/ĐV.
- Ngày 26/03/2015, triển khai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08/05/2015, Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty quyết nghị triển khai phương án chia cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo hình thức chi trả bằng cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện 10:1, nâng vốn điều lệ từ 680 tỷ đồng lên 748 tỷ đồng.
- Ngày 08/05/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 748 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng. Tại ngày 26/01/2016, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn này.
- Ngày 26/04/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua phương án phát hành riêng lẻ cổ phần tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng, thay đổi tên Công ty thành "Công ty Cổ phần GTNfoods". Vào ngày 18/11/2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành riêng lẻ này, tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành, trái phiếu niêm yết thị trường nước ngoài, sở hữu của cổ đông nội bộ, giao dịch của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Sở hữu của cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Tạ Văn Quyền	Chủ tịch HĐQT	100.000	0,04%	200.000	0,08%
2	Nghiêm Văn Thắng	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	100.000	0,04%
3	Chew May Ying	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	100.000	0,04%
4	Lars Kjaer	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%
5	La Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	200.000	0,08%
6	Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT	7.150.000	2,86%	0	0%
7	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	300.000	0,12%
8	Nguyễn Văn Minh	Giám đốc KTNB & QTRR	0	0%	100.000	0,04%
9	Trần Việt Thắng	Trưởng BKS	524.700	0,2%	13.600	0,01%
10	Pan Mun Kit	Thành viên BKS	50.000	0,02%	50.000	0,02%
11	Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
12	Hoàng Mạnh Cường	Kế toán trưởng	10.000	0,004%	10.000	0,004%

Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Tạ Văn Quyền		100.000	0,04%	200.000	0,08%
2	Michael Louis Rosen		7.150.000	2,86%	0	0%
3	Nguyễn Hồng Anh		100.000	0,04%	300.000	0,12%
4	Trần Việt Thắng		524.700	0,2%	13.600	0,01%
5	Phạm Thị Thủy	Vợ ông Trần Việt Thắng	387.896	0,16%	6	0,01%
6	La Mạnh Tiến		100.000	0,04%	200.000	0,08%
7	Nguyễn Văn Minh		0	0%	100.000	0,04%

5.4. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Các hoạt động trong năm 2018

Trong năm 2018, Bộ phận Quan hệ cổ đông đã có gần 30 lượt gặp gỡ với cổ đông, nhà đầu tư tổ chức và cá nhân thông qua nhiều hình thức và tại nhiều địa điểm khác nhau. Cụ thể như sau:

- Gặp gỡ Cổ đông và Nhà đầu tư cá nhân thông qua các đối tác Công ty chứng khoán: 07 lượt
- Gặp gỡ Cổ đông và Nhà đầu tư Tổ chức: 20 lượt
- Tham dự các Hội thảo Nhà đầu tư lớn: 02 lượt

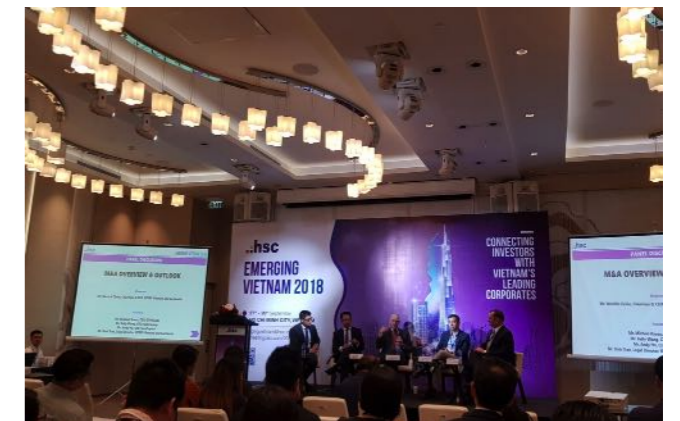
Định kỳ hàng quý, Công ty đã tiến hành cập nhật các nội dung chính liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các sự kiện tiêu biểu diễn ra trong quý đến các cổ đông và nhà đầu tư.

Công tác công bố thông tin được thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công bằng và minh bạch đối với tất cả các bên liên quan.

Đặc biệt, các Công ty con của Công ty là Mộc Châu Milk và Vinatea đã kỷ niệm thành công 60 năm thành lập và phát triển của Nông trường Sữa – Chè Mộc Châu vào tháng 4/2018, ghi nhận và đánh dấu quá trình hình thành và phát triển của Nông trường Quốc doanh Mộc Châu, tiền thân của Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk) và Công ty Cổ phần Vinatea Mộc Châu – đơn vị thành viên của Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea).



Hội thảo gặp gỡ Nhà đầu tư tại các đối tác Công ty chứng khoán



Đại diện GTNfoods – Ông Michael Rosen, phát biểu tại Hội thảo Emerging Việt Nam 2018 do HSC tổ chức





Tháng 10/2018, Mộc Châu Milk đã tổ chức thành công Lễ hội Hoa hậu Bò sữa Mộc Châu lần thứ 15. Đây không chỉ là sự kiện độc đáo thường niên để vinh danh những người nông dân chăn nuôi bò sữa cũng như các sản phẩm sữa tuyệt vời, mà còn là cơ hội giới thiệu mô hình nông nghiệp bền vững và khép kín của Mộc Châu Milk đến các cổ đông, nhà đầu tư.

Ngoài ra trong năm 2018, Công ty cũng đã tổ chức 4 lần tham quan hệ thống các nhà máy, trang trại, vùng nguyên liệu của Mộc Châu Milk và Vinatea cho các cổ đông, nhà đầu tư trong nước và quốc tế.



Hoạt động gặp gỡ các Chuyên viên phân tích CTCK (Analyst Meeting) được tổ chức tại Mộc Châu tháng 06/2018



Các chuyến thăm quan của Nhà đầu tư đến Cơ sở vật chất của Tập đoàn GTNfoods

Các nội dung chính được Cổ đông và Nhà đầu tư quan tâm

Thông qua các buổi làm việc với các cổ đông, nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, trong nước và nước ngoài, Công ty đã ghi nhận những vấn đề chính được quan tâm:

- Những yếu tố vĩ mô và vi mô ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018
- Kết quả đạt được qua từng giai đoạn tái cơ cấu và định hướng tái cơ cấu trong các năm tiếp theo
- Chiến lược của Công ty trong việc mở rộng thị trường trong nước và quốc tế đối với các mảng kinh doanh cốt lõi là sữa và trà
- Triển vọng phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty là sữa và trà
- Chính sách cổ tức của Công ty
- Mối quan hệ của Công ty với các cổ đông lớn và xung đột lợi ích (nếu có)



Kế hoạch hành động năm 2019

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Quan hệ cổ đông, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông và nhà đầu tư, Công ty cam kết:

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về công tác công bố thông tin, đảm bảo tính công bằng và minh bạch đối với tất cả các bên liên quan
- Luôn tạo điều kiện linh hoạt và thuận tiện nhất cho các cổ đông và nhà đầu tư trong việc tiếp xúc, làm việc với Công ty
- Thường xuyên trao đổi, cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến các cổ đông, nhà đầu tư
- Luôn duy trì nhân sự chuyên trách nhằm tiếp nhận, giải đáp các yêu cầu, thắc mắc của các cổ đông, nhà đầu tư

Một số sự kiện tiêu biểu trong năm 2019

- Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2019; dự kiến được tổ chức vào cuối tháng 04/2019
- Lễ hội Hoa hậu Bò sữa Mộc Châu lần thứ 16; dự kiến được tổ chức vào cuối tháng 10/2019



Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần GTNfoods

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Việt Nam là nước có nền sản xuất nông nghiệp làm nền tảng khi lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của nền kinh tế. Các lĩnh vực này còn nhiều tiềm năng để phát triển hơn nữa với những ưu đãi về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. Định hướng phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói chung và đối với GTNfoods nói riêng là việc cân bằng lợi ích kinh tế giữa các bên; bảo vệ tài nguyên môi trường; đảm bảo sức khỏe cộng đồng đồng thời chia sẻ các trách nhiệm xã hội. GTNfoods đã mở rộng và áp dụng các hoạt động thiết thực tại các đơn vị thành viên theo những nguyên tắc chặt chẽ, rõ ràng, được giám sát và lập báo cáo định kỳ. Năm 2017 và 2018 là 2 năm bản lề đối với GTNfoods khi thực hiện tái cơ cấu toàn diện tại các công ty thành viên theo các chính sách nhất quán và được các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc, góp phần tạo nên văn hóa và mô hình hoạt động của Tập đoàn.

6.1. MÔI TRƯỜNG

Năm 2018, các hoạt động bảo vệ môi trường, sản xuất kinh doanh có trách nhiệm gắn với phát triển bền vững đã được triển khai tại GTNfoods từ cấp Tập đoàn đến các công ty thành viên. Cán bộ công nhân viên của Tập đoàn luôn ý thức và thực hiện các việc làm thiết thực tiết kiệm

năng lượng điện, nước sạch, giấy văn phòng. Các chương trình tiết kiệm, hợp lý hóa nguồn năng lượng trong các hoạt động luôn được công ty chú trọng, việc sử dụng tài nguyên nước sạch được công ty chỉ đạo trong sản xuất, chăn nuôi và khuyến cáo tới cán bộ công nhân viên và cả các hộ nông dân chăn nuôi, người trồng chè...

Các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải cũng được thực hiện nghiêm túc tại khu vực nông nghiệp và sản xuất của các đơn vị thành viên. Năm 2018, Vinatea đã xây dựng lại quy trình đầu tư thâm canh chăm sóc cây chè, cải tạo nông nghiệp dùng 100% phân bón hữu cơ, kiểm soát nghiêm ngặt việc phun thuốc bảo vệ thực vật, áp dụng các chế tài quản lý tại các đơn vị nông nghiệp rất chặt chẽ như cấm phun thuốc ngoài luồng, không sử dụng thuốc diệt cỏ... nhằm đảm bảo chất lượng chè xuất khẩu, bảo vệ nguồn tài nguyên đất, môi trường và đảm bảo sức khỏe của người lao động.

Cũng trong năm 2018, Mộc Châu Milk đã triển khai hướng dẫn việc xử lý môi trường tại các nông hộ, coi đây là một trong những chỉ tiêu đánh giá và thành lập những tổ kiểm tra giám sát xử lý các hộ không thực hiện đúng theo quy định. Mộc Châu Milk cũng tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn để mua máy ép phân. Trung tâm giống của công ty, ngoài việc triển khai các giải pháp như hiện tại thì trong



năm nay đã khởi công xây dựng thêm nhà máy chế biến phân với mức đầu tư 4,5 tỷ đồng. Đối với các chất thải độc hại (các chai lọ, thuốc thú y tiêm cho đàn bò...), Mộc Châu Milk đã ký Hợp đồng với công ty chuyên xử lý chất thải độc hại theo đúng quy định, đảm bảo môi trường sống của thiên nhiên, con người.

Các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững theo các tiêu chuẩn của chứng chỉ Rainforest Alliance, Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP được Tiếp tục duy trì, áp dụng tại Vinatea Mộc Châu, Phú Đa và Mộc Châu Milk, nhờ đó đã có nhiều cải thiện về môi trường, nâng cao chất lượng các sản phẩm của Tập đoàn.

Trên thực tế, GTNfoods đã và đang nỗ lực thực hiện, tích cực triển khai các hoạt động hiệu quả nhằm bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển bền vững tại các đơn vị và công ty thành viên của Tập đoàn.

6.2. XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường, các vấn đề về xã hội và cộng đồng cũng được GTNfoods ưu tiên và quan tâm. Các vấn đề việc làm của cán bộ nhân viên, người lao động, đặc biệt là đối với phụ nữ, người dân tộc thiểu số như nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi, nhân quyền đều được đảm bảo; trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua chất lượng các sản phẩm của Tập đoàn là tiêu chí tiên quyết trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tại các đơn vị thành viên, Công ty luôn cố gắng củng cố niềm tin, ổn định tư tưởng cho cán bộ nhân viên, người lao động, tổ chức Hội nghị tại từng đơn vị để đối thoại trực tiếp, nắm bắt được hết những nguyện vọng, ý kiến của người nông dân, trên cơ sở đó đưa ra những chính sách hợp lý. Bên cạnh đó, các chính sách tạo việc làm cho người dân tại địa phương, các chương trình an sinh xã hội, chương trình từ thiện trên địa bàn các Công ty thành viên luôn được quan tâm và thực hiện thường niên, đặc biệt là các chương trình sửa học đường cho trẻ em mầm non, chương trình hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, người dân tộc thiểu số...

6.3. ĐỊNH HƯỚNG

Các nỗ lực và hoạt động tích cực về môi trường và xã hội trong năm 2018 vừa qua của GTNfoods đã thể hiện rõ những định hướng và quyết tâm của mình trong việc giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực tới môi trường và xã hội, xây dựng quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả, kiến tạo môi trường sống, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế bền vững và xác định rõ ràng chiến lược của Tập đoàn. Thế giới đang đối mặt với rất nhiều các vấn đề nghiêm trọng như thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, đói nghèo... đe dọa và làm ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của nhân loại. Trong bối cảnh đó, chiến lược phát triển bền vững là phương pháp hiệu quả nhất để đạt được hài hòa giữa các yếu tố trong đời sống, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, thúc đẩy xã hội phát triển. Ban lãnh đạo GTNfoods mong muốn, ủng hộ và xác định trong tương lai xa hơn sẽ luôn theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.



Mộc Châu Milk tổ chức chương trình bàn giao nhà Đại đoàn kết và tặng quà cho người nghèo nhân dịp Tết 2018



Đảng bộ Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu nhận giúp đỡ em Lương Thị Tuyết và Tráng Thị Pà



Đại diện lãnh đạo Mộc Châu Milk tặng nhà Đại đoàn kết cho người dân tộc thiểu số tại địa phương



Lãnh đạo Vinatea Mộc Châu tặng nhà Đại đoàn kết cho người nghèo tại địa phương

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
4. KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT 2019



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh thị trường các ngành sản xuất kinh doanh chính năm 2018 gặp nhiều khó khăn và quá trình tái cơ cấu các công ty thành viên sau khi tiếp quản các Doanh nghiệp tiền thân Nhà nước, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực cốt lõi; đẩy mạnh tái cơ cấu và cắt giảm các hoạt động không cốt lõi.

Ban Tổng giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh và tái cơ cấu trong năm 2018 đóng vai trò nền móng để lợi nhuận Tập đoàn tăng trưởng vững chắc trong các năm tiếp theo.

Kết quả kinh doanh năm 2018 so với kế hoạch (tỷ đồng)

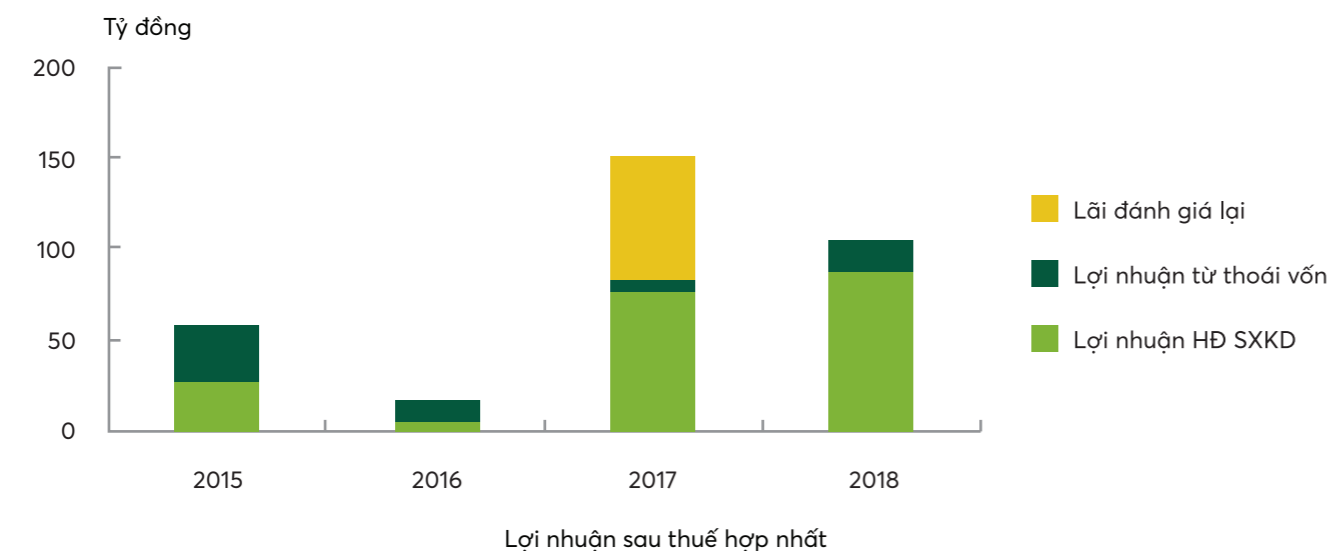
STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu thuần	3.350	3.008	90%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	300	104	35%
3	Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	165	7,9	5%

Doanh thu hợp nhất: toàn Tập đoàn đạt 3.008 tỷ đồng, giảm 773 tỷ đồng, tương đương 20,5% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 90% kế hoạch. Trong tổng doanh thu thể hiện rõ xu hướng dịch chuyển sang 02 mảng kinh doanh chính là sữa và trà, cắt giảm các hoạt động kinh doanh khác.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: đạt 104 tỷ đồng, tương đương 35% kế hoạch và Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ đạt 7,9 tỷ đồng tương đương 5% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động thanh lý tài sản không cốt lõi chưa được thực hiện theo như kế hoạch đầu năm, hoạt động quyết toán vốn nhà nước lần 2 để bàn giao sang Công ty Cổ phần tại Vinatea chưa hoàn thành trong năm 2018 như dự kiến gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh lý tài sản tại Công ty. Ngoài ra tại một số đơn vị thành viên như Vinatea và Tre Mộc Châu phát sinh trích lập khoản dự phòng phải thu các khoản kế thừa từ giai đoạn trước Cổ phần hóa, dự phòng hàng tồn kho, dự phòng đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp đầu tư không cốt lõi, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2018 so với 2017

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017	CHÉNH LỆCH 2018/2017
Doanh thu thuần	3.008	3.781	(20,44%)
Lợi nhuận gộp	467	439	6,4%
Lợi nhuận thuần sau thuế	104	152	(31,58%)
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	7,9	40,4	(80,44%)



Năm 2018, **Lợi nhuận sau thuế hợp nhất** giảm 31% so với năm 2017 và **Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ** giảm 81% so với năm 2017. Tuy nhiên, trong năm 2017 có phát sinh lãi từ đánh giá lại tài sản từ việc hợp nhất kinh doanh Vilico và Mộc Châu Milk, đây là một giao dịch không thường xuyên. Như vậy, nếu bóc tách cơ cấu Lợi nhuận hợp nhất và loại bỏ ảnh hưởng của giao dịch này, so sánh với cùng kỳ năm 2017, Ban Giám đốc đánh giá:

- Hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư không cốt lõi tại GTNfoods, Vinatea và Vilico diễn ra tích cực, theo đúng chiến lược của Tập đoàn, đem lại lợi nhuận hơn 20 tỷ VNĐ trong năm 2018.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính vẫn cho thấy sự cải thiện so với năm 2017 dù phát sinh nhiều chi phí xử lý và tái cơ cấu các tài sản không cốt lõi.

Đánh giá kết quả kinh doanh các lĩnh vực chính

HOẠT ĐỘNG	DOANH THU			LỢI NHUẬN GỘP		
	NĂM 2018	NĂM 2017	THAY ĐỔI	NĂM 2018	NĂM 2017	THAY ĐỔI
Hoạt động SXKD Sữa	2.481	2.466	0,6%	466	450	3,5%
Hoạt động SXKD Chè	388	496	(21,7%)	33	24	37,5%
Hoạt động khác	139	819	(83,2%)	(32)	(35)	8,6%
Tổng cộng	3.008	3.781	(20,4%)	467	439	6,37%

Mộc Châu Milk

Doanh thu Mộc Châu Milk đạt 2.481 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,6% so với cùng kỳ. Trong năm 2018, thị trường sữa tại Việt Nam được đánh giá là khá khó khăn do người tiêu dùng tại cả khu vực nông thôn và thành thị có xu hướng giảm chi tiêu cho các mặt hàng bách hóa và tăng chi tiêu cho các mặt hàng công nghệ, đồ xa xỉ và hoạt động giải trí (Kantar World Panel). Ngoài ra, việc tham gia của các đối thủ sữa ngoại và các sản phẩm thay thế sữa truyền thống khiến cho thị trường cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp sữa đẩy mạnh chiết khấu bán hàng, marketing. Mộc Châu Milk, với lợi thế là sữa bò tươi nguyên chất 100%, được hưởng lợi từ việc dịch chuyển nhu cầu tiêu dùng sữa từ sữa hoàn nguyên sang sữa tươi, nhưng vẫn bị ảnh hưởng không nhỏ từ tình hình thị trường. Đối mặt với vấn đề này, Mộc Châu Milk đã đẩy mạnh định vị thương hiệu, khẳng định vị thế nhà chăn nuôi hàng đầu Việt Nam và chất lượng sữa tươi nguyên chất, điều chỉnh dịch chuyển cơ cấu hàng hóa sang các ngành sản phẩm sữa đang có đà tăng trưởng tốt như sữa chua ăn, sữa chua uống, kết quả vẫn giữ vững thị phần của mình, đặc biệt là thị trường vùng nông thôn phía Bắc và có tăng trưởng ở các thị trường khác.

Tăng trưởng doanh thu thuần và sản lượng sữa tiêu thụ



Tỷ suất lợi nhuận gộp doanh thu bán sản phẩm Sữa tăng tích cực từ 19,6% lên 21,4%; thể hiện kết quả của quá trình tái cơ cấu, tăng hiệu quả chi phí trong quá trình sản xuất, thu mua nguyên liệu đầu vào.

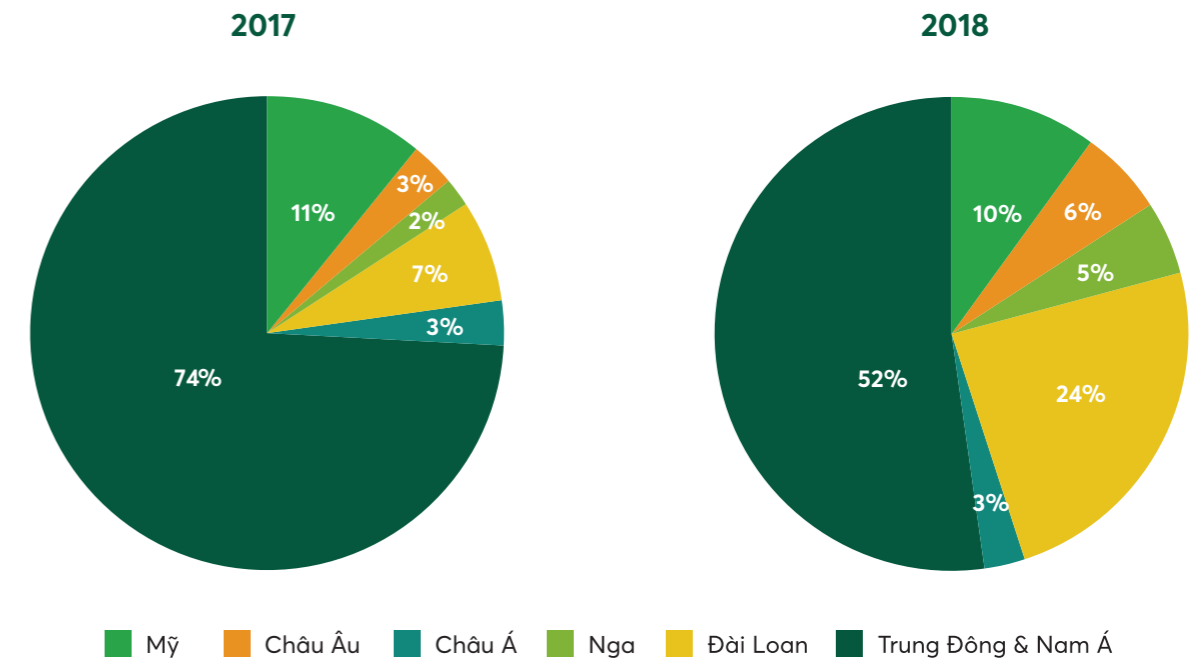
Lợi nhuận sau thuế đạt 180 tỷ đồng, giảm 12,2% so với cùng kỳ, ảnh hưởng chính bởi: (i) thay đổi thuế suất TNDN tại đơn vị và (ii) sự tăng cường đẩy mạnh các hoạt động marketing, khuyến mại nên và xây dựng hệ thống phân phối dẫn đến chi phí bán hàng của Mộc Châu Milk tăng cao. Ban Giám đốc tin tưởng việc đầu tư vào hệ thống phân phối mở rộng thị trường và marketing, PR sẽ là nền tảng của việc tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu và thị phần của Mộc Châu Milk trong tương lai.

Vinatea

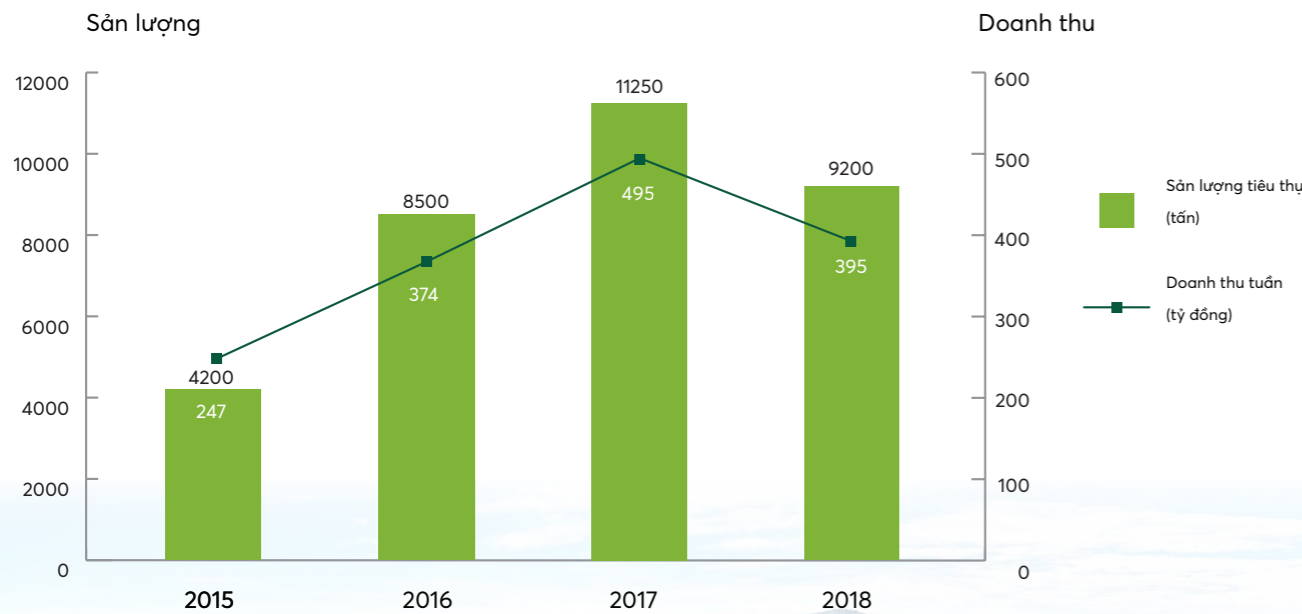
Doanh thu Vinatea đạt 394 tỷ đồng, giảm 103 tỷ đồng, tương đương 20,8% so với năm 2017, nguyên nhân chính trong năm 2017, Vinatea đẩy mạnh thanh lý hàng tồn kho từ trước quá trình cổ phần hóa, dẫn đến doanh thu tăng mạnh; tuy nhiên lượng hàng tồn kho này không còn ảnh hưởng trong năm 2018, dẫn đến doanh thu giảm. Ngoài ra, thị trường chè đen trong nước và quốc tế gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2018, đặc biệt là trong 06 tháng cuối năm, nhu cầu tiêu thụ không tăng trưởng đồng nhất với nguồn cung hàng hóa, kèm theo sự gia tăng cạnh tranh từ những nhà cung cấp đến từ các nước xuất khẩu chè lớn trên thế giới như Ấn Độ, Trung Quốc, Sri Lanka, Kenya...

Việc chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu từ các thị trường truyền thống như Trung Đông, Nam Á... sang các thị trường có giá trị cao như châu Âu, Đài Loan, Mỹ, ... đã đạt được những thành công bước đầu, thể hiện qua sự tăng trưởng lợi nhuận gộp (58,3%) so với cùng kỳ, cũng như tỷ suất lợi nhuận gộp (từ 4,8% năm 2017 lên 9,7% năm 2018). Đây chính là sự ghi nhận những thành quả ban đầu của quá trình tái cấu trúc Vinatea, từ việc cải tiến các quy trình trồng trọt, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật,... nhằm đáp ứng các điều kiện xuất khẩu khắt khe của các thị trường khó tính, đến việc nỗ lực cho ra đời các dòng sản phẩm trà cao cấp mang thương hiệu Vinatea cho thị trường nội địa.

Tỷ trọng thị trường theo Sản lượng xuất khẩu trực tiếp



Về lợi nhuận sau thuế: trong năm 2018 và đặc biệt trong giai đoạn Quý 4 cuối năm, Vinatea phát sinh nhiều khoản trích lập dự phòng phải thu các khoản kế thừa từ giai đoạn trước Cổ phần hóa, dự phòng hàng tồn kho, xử lý tái cơ cấu các tài sản không cốt lõi, dẫn đến kết quả kinh doanh lỗ. Trong các năm sau, Ban giám đốc tin tưởng với việc không còn phát sinh chi phí tái cơ cấu này, kết quả kinh doanh của Vinatea sẽ có lãi và tăng trưởng.



2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	CHÉNH LỆCH 2018/2017
Tổng Tài sản	2.854	2.802	2%
Doanh thu thuần	19	473	(96%)
Lợi nhuận trước thuế	49,3	3,9	180%
Lợi nhuận sau thuế	49,1	2,0	214%

Kết quả kinh doanh: Năm 2018, Công ty mẹ đã giảm hầu hết các giao dịch hoạt động thương mại (kinh doanh phân bón, vật tư...) nên doanh thu giảm 96% so với cùng kỳ năm 2017, chỉ đạt 18,5 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 82,7 tỷ đồng, tăng 71% so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu từ cổ tức năm 2017 và ứng cổ tức 2018 của VLC và cổ tức 2017 của Ladofoods (VDL); ngoài ra lãi từ tiền gửi cũng đóng góp đáng kể vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty mẹ cũng thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính (tại Tre Mộc Châu và Vinatea) và dự phòng khoản phải thu dẫn đến chi phí quản lý và chi phí tài chính tăng cao so với cùng kỳ năm 2018.

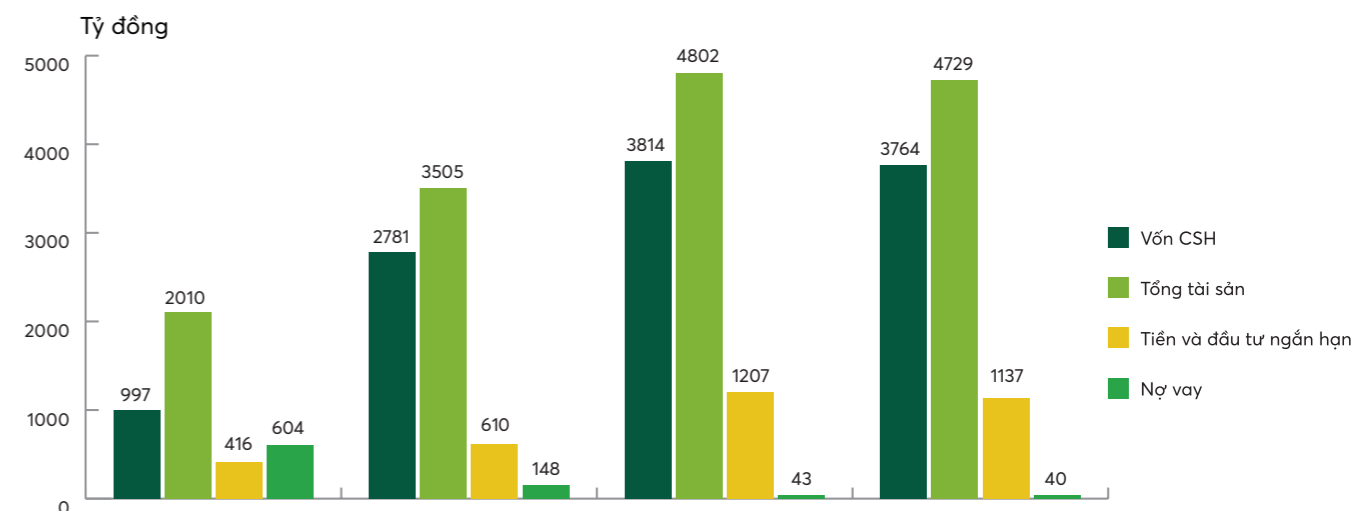
Kết quả năm 2018, Công ty mẹ đạt lợi nhuận sau thuế 49 tỷ đồng, tăng trưởng 214% so với cùng kỳ 2017. Công ty duy trì tình hình tài chính tốt với số dư tiền gửi đạt hơn 280 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư và thoái vốn: trong năm 2018, Công ty mẹ thực hiện đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại VLC từ 73,72% lên 74,49% với giá trị đầu tư khoảng 10 tỷ đồng. Hoạt động thoái vốn: Công ty mẹ hoàn thành giao dịch bán 45% cổ phần tại Công ty Nhựa Miền Trung, theo đúng lộ trình kế hoạch.



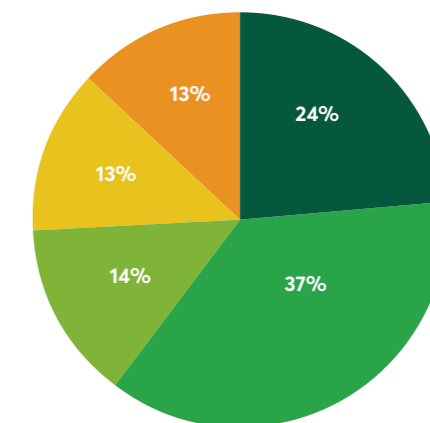
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu bảng cân đối kế toán

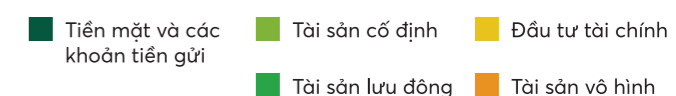


Cơ cấu Tài sản hợp nhất

Tại thời điểm 31/12/2018, giá trị tổng tài sản hợp nhất toàn Công ty đạt 4.729 tỷ đồng, giảm nhẹ 1% so với cuối năm 2017 và tăng 2,3 lần so với thời điểm cuối năm 2015, nguyên nhân chủ yếu do trong giai đoạn 2014-2018 Tập đoàn GTNfoods đã liên tục thực hiện các vòng tăng vốn để đầu tư M&A vào các doanh nghiệp tiềm năng trong ngành Thực phẩm và Nông nghiệp, kết quả là hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của các công ty M&A mới được hợp nhất vào Tập đoàn dẫn đến giá trị tổng tài sản tăng mạnh.

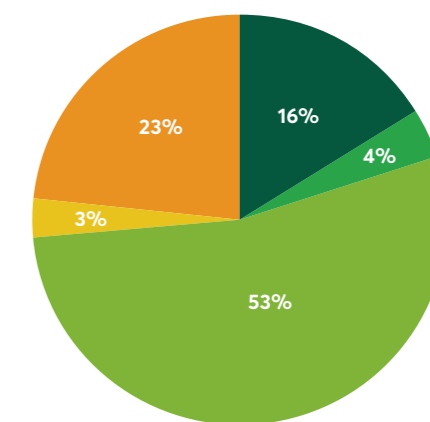


Thông qua hợp nhất các công ty con trong giai đoạn từ 2014 - 2018 gồm các đơn vị có tiềm lực tài chính tốt, cơ cấu tài chính ổn định trong ngành thực phẩm và nông nghiệp, giá trị tiền và tương đương tiền, phải thu thương mại, hàng tồn kho và tài sản cố định chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty.



Cơ cấu Nguồn vốn hợp nhất

Tổng nợ phải trả chỉ chiếm 21% trong cơ cấu Nguồn vốn thể hiện cơ cấu tài chính khỏe mạnh. Lợi ích cổ đông thiểu số đang ở mức cao và chủ yếu đến từ việc Hợp nhất kinh doanh Công ty cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu, trong tương lai, HĐQT GTNfoods đã thông qua chủ trương gia tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp vào Mộc Châu Milk.

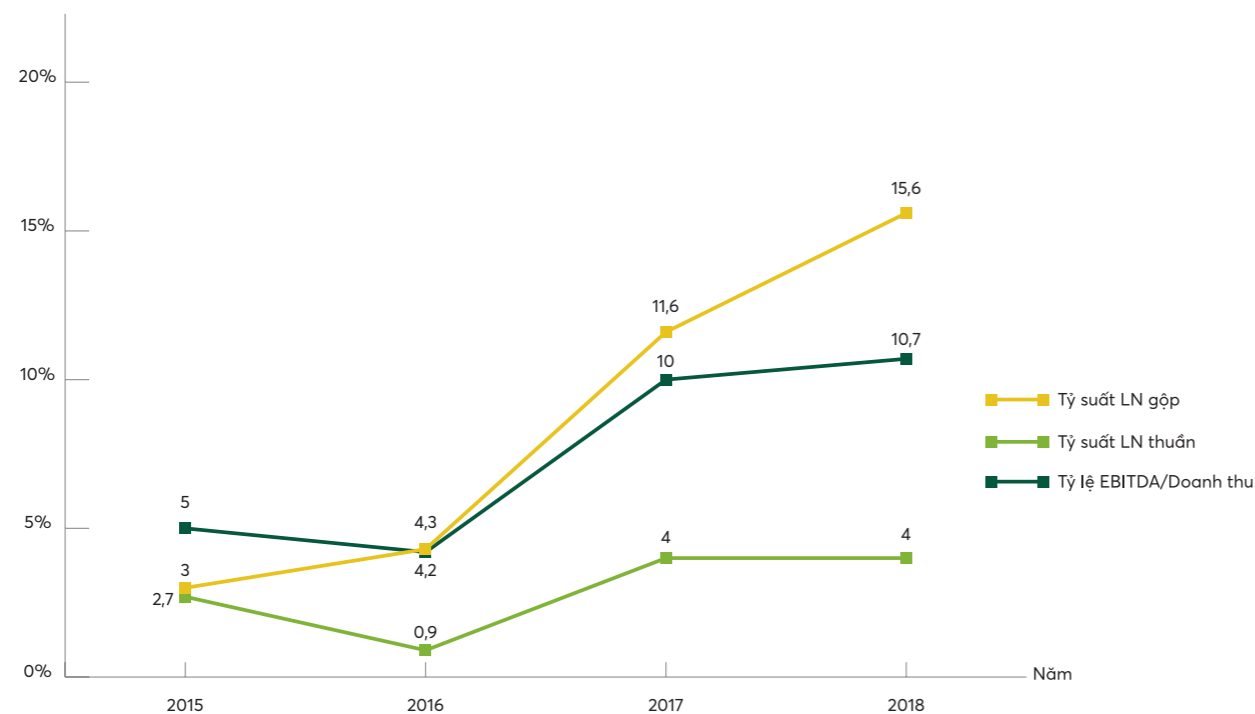


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	99,15	177,49	3,18	3,00
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	99,15	177,49	2,64	2,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/ Tổng Tài sản	Lần	0,00	0,00	0,20	0,21
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,00	0,00	0,26	0,26
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng			6,27	8,36
+ Doanh thu thuần/ Tổng Tài sản	%	0,65	16,89	63,73	78,89
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	265,19	0,43	3,47	4,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	1,73	0,07	2,78	3,98
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	1,72	0,07	2,21	3,16
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	224,23	0,82	3,76	4,04

Bằng việc quản lý tài chính chặt chẽ, các hệ số về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn của Công ty trên cơ sở Báo cáo Công ty mẹ và Hợp nhất tiếp tục được duy trì ở mức an toàn, đảm bảo nguồn tài chính vững mạnh cho các dự án trong tương lai. Các chỉ số về khả năng sinh lời Hợp nhất chưa cao do Công ty đang trong quá trình tập trung tái cơ cấu, tuy nhiên có sự cải thiện khi so sánh với năm 2017 và vẫn đúng theo lộ trình kế hoạch.

Biểu đồ thể hiện các tỷ suất sinh lời giai đoạn 2015-2018



4. KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT 2019

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2018 THỰC HIỆN	NĂM 2019 KẾ HOẠCH	TĂNG TRƯỞNG
1	Doanh thu thuần	3.008	3.160	5%
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	104	110	6%

(*) Chỉ tiêu kế hoạch phụ thuộc vào sự phê duyệt của HĐQT và thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019.

Giải trình cơ sở cho Kế hoạch Kinh doanh 2019

CHỈ TIÊU DOANH THU: dựa trên chỉ tiêu doanh thu dự kiến trình để thông qua bởi HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Các chỉ tiêu này được xây dựng dựa vào các đánh giá, dự báo thị trường, tình hình cạnh tranh và các sách lược kinh doanh của từng công ty trong năm 2019.

Mộc Châu Milk tiếp tục công tác tăng cường định vị sản phẩm với các hoạt động truyền thông, xúc tiến bán hàng; củng cố và phát triển kênh phân phối, tăng cường điểm bán, mở rộng thị trường với mục tiêu tăng trưởng doanh thu 6% trong năm.

Vinatea tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu chè nguyên liệu vào các thị trường khó tính với tỷ suất lợi nhuận cao, đặc biệt tiếp tục có sự dịch chuyển lớn từ thị trường Trung Đông và Nam Á sang thị trường Đài Loan và Nga; đồng thời tiếp tục phát triển mảng nội tiêu chè thương hiệu, xây dựng kênh phân phối, gia tăng hiện diện trên thị trường. Dự kiến doanh thu chè nguyên liệu tăng 10% so với năm 2018, chè thương hiệu nội địa tăng 50%.

CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN: được hợp nhất dựa trên chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trên cơ sở tỷ lệ sở hữu hiện nay. Kế hoạch Lợi nhuận này không bao gồm ảnh hưởng của các hoạt động thoái vốn, thanh lý tài sản không cốt lõi và tái cấu trúc Tập đoàn.

So với cùng kỳ năm 2018, kế hoạch lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2019 tăng 6%, thể hiện hiệu quả tích cực từ lợi nhuận của mảng Chè và tối ưu hóa các mảng hoạt động khác toàn Tập đoàn, ngoài ra có điều chỉnh yếu tố ảnh hưởng từ việc dự phòng chi phí bán hàng, kế hoạch tăng cường chiết khấu, xây dựng mạng lưới phân phối bán hàng và mở rộng thị trường tại Mộc Châu Milk.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu thuần	3.350	3.008	90%
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	300	104	35%
3	Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ	165	7,9	5%

Trong bối cảnh thị trường các ngành sản xuất kinh doanh chính năm 2018 gặp nhiều khó khăn và quá trình tái cơ cấu các công ty thành viên sau khi tiếp quản các Doanh nghiệp tiền thân Nhà nước, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực cốt lõi. Mặc dù kết quả năm 2018 không đạt kế hoạch, Hội đồng quản trị đánh giá đây vẫn là các nỗ lực rất đáng ghi nhận trong điều kiện tồn tại một số khó khăn như sau:

- Hoạt động quyết toán vốn nhà nước lần 2 tại Vinatea chưa hoàn thành trong năm 2018 như dự kiến gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu tài sản tại Tập đoàn.
- Hoạt động kinh doanh chè xuất khẩu và chè thương hiệu nội địa trong nước gặp nhiều khó khăn do tình hình thị trường, lượng hàng chè tồn kho lớn.
- Hoạt động kinh doanh sữa năm 2018 của Mộc Châu Milk gặp nhiều khó khăn từ áp lực cạnh tranh rất lớn của các đối thủ cạnh tranh dẫn đến việc đẩy mạnh marketing, khuyến mại nhằm giữ vững thị trường và duy trì doanh thu, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận.



Hoạt động tái cơ cấu và thoái vốn các mảng kinh doanh không cốt lõi

- Hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư tại Vinatea và Vilico được thực hiện tốt đem lại lợi nhuận trước thuế khoảng trên 25 tỷ đồng cho kết quả hợp nhất của Tập đoàn.
- Việc tái cơ cấu và cắt giảm các hoạt động không hiệu quả và không cốt lõi được thể hiện rõ nét qua cấu trúc doanh thu hợp nhất của Tập đoàn trong năm 2018 và sự cải thiện trong các tỷ suất lợi nhuận.

Hoạt động quản trị nội bộ và tuân thủ

Quản trị nội bộ: Tập trung củng cố cơ cấu tổ chức, hoàn thiện và ban hành hệ thống các quy chế quản trị nội bộ như Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản trị nội bộ, các Quy chế hoạt động các Phòng Ban, Quy chế đại diện Vốn, cùng hàng loạt các bộ quy trình hướng dẫn hoạt động của Công ty như: quy trình khóa sổ kế toán, quy trình lập Báo cáo quản trị, quy trình nhân sự, quy trình hành chính,...

Công bố thông tin: Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trong năm không phát sinh bất kỳ vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin liên quan đến Tập đoàn.

Tuân thủ pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông, người lao động: Tập đoàn GTNfoods thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định, nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị đánh giá rằng Ban Tổng giám đốc đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, quy mô của Công ty và toàn hệ thống GTNfoods gia tăng nhanh chóng trong thời gian ngắn, hệ thống ngành nghề kinh doanh đa dạng, địa bàn đầu tư rộng khắp, Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành tại các Công ty thành viên đã điều hành, chỉ đạo tất cả các khâu, các hoạt động đạt được kết quả nêu trên, về tổng thể đã tạo được một nền tảng tốt cho sự phát triển của Tập đoàn trong tương lai.

Hội đồng Quản trị nhận xét rằng tất cả các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

2. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và giám sát việc thực hiện kế hoạch xuyên suốt trong cả năm 2019.

Tiếp tục phát triển với nền tảng đã có của GTNfoods, hướng tới trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm sạch với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững & khép kín.

Tiếp tục tập trung xây dựng và chuẩn hóa quy trình cho từng bộ phận với mục tiêu đơn giản, tinh gọn nhưng hiệu quả. Công ty cũng đang nghiên cứu việc áp dụng các phần mềm quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, nhằm nâng cao và kiểm soát tốt hơn hiệu quả công việc.

Tiếp tục chiến lược tìm kiếm và mua cổ phần chi phối các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, tận dụng các cơ hội đầu tư phát triển để tối ưu hóa các tài sản trên toàn Tập đoàn.

Về hoạt động quản trị nội bộ

Tiếp đà 2018, GTNfoods tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tái cấu trúc đối với các công ty thành viên. Tạo dựng một lớp nhân sự tinh nhuệ, chuyên nghiệp và hiệu quả trong công việc. Đặc biệt nêu cao vai trò của các lãnh đạo cấp trung và cấp cao của công ty, nhằm nâng cao trách nhiệm đối với công việc và hiệu quả công việc. Đồng thời, việc đào tạo nuôi dưỡng và bồi đắp kỹ năng cho nhân sự, nuôi dưỡng đội ngũ kế cận được chú trọng trong những năm tới.

Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực về hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững của toàn Tập đoàn.

V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. BAN KIỂM SOÁT
3. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
4. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hiện tại gồm có các thành viên như sau:



ÔNG TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm 2012, Ông Tạ Văn Quyền trở thành Thành viên Hội đồng quản trị Công ty và giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị từ năm 2016.

Ông Tạ Văn Quyền tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành kỹ sư công nghệ thực phẩm. Ông có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực sản xuất, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như quản lý sản xuất tại Công ty Bánh Kẹo Hải Hà, Giám đốc điều hành Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Tiến Bảo, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Thực phẩm Q&Q Việt Nam.

Khát khao của Ông Quyền là xây dựng GTNfoods trở thành một công ty thực phẩm và hàng tiêu dùng hàng đầu Việt Nam với nhiều thương hiệu lớn.



ÔNG NGHIÊM VĂN THẮNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nghiêm Văn Thắng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội, chuyên ngành Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm. Ông Nghiêm Văn Thắng từng làm việc tại Phòng An toàn Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Ông có rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong việc quản lý các mảng hoạt động sản xuất về nông nghiệp và thực phẩm mà hiện nay đang là mảng kinh doanh cốt lõi của GTNfoods, từng là Phó Trưởng phòng Kế hoạch tại Bibica, Trưởng phòng Sản xuất tại Bánh kẹo Tráng An.

Ông Thắng cũng có kiến thức sâu rộng về quản lý tài chính, từng giữ vị trí Phó Trưởng phòng Giao dịch Tài sản, Morgan Stanley - Gateway, và Giám đốc Chi nhánh tại MBS. Năm 2012, ông Nghiêm Văn Thắng đầu tư vào Ladofoods, trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị Ladofoods.

Ông rất có kinh nghiệm trong việc xây dựng và định hướng các hệ thống quản trị, bán hàng và phân phối. Ông là thành viên sáng lập của GTNfoods, đã dẫn dắt việc chuyển hóa doanh nghiệp tập trung vào mảng Nông nghiệp và Thực phẩm.



ÔNG NGUYỄN HỒNG ANH
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Hồng Anh tốt nghiệp bằng Thạc sĩ nông nghiệp tại Đại học Quốc Gia Hà Nội. Ông là chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp với hơn 20 năm kinh nghiệm trong vị trí quản lý như Chủ tịch hiệp hội khuyến nông và Phó Giám đốc Chi cục bảo vệ thực vật Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2014.

Ông Hồng Anh được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Vilico, Công ty con của GTNfoods trong năm 2016 và sau đó là thành viên HĐQT GTNfoods vào tháng 3 năm 2017. Tháng 7 năm 2018, Ông Hồng Anh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc GTNfoods.



BÀ CHEW MEI YING
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Chew Mei Ying có kinh nghiệm 20 năm làm việc trong lĩnh vực kế toán và ngân hàng đầu tư, từng là trợ lý tại Công ty Kiểm toán Price Waterhouse Cooper trong 5 năm từ 1996 đến 2001, trước khi nắm giữ các chức vụ quản lý cấp cao như Trưởng phòng tại Public Investment Bank Berhad từ 2001 đến 2005, Quản lý Cấp cao tại RHB Investment Bank Berhad từ 2005 đến 2007, Phó Giám đốc tại Am Investment Bank Berhad từ 2007 đến 2008. Từ 2008 đến nay, bà Mei nắm giữ vị trí Giám đốc Hoạt động tại TAEI Partners Group, đối tác đầu tư chiến lược của GTNfoods.



ÔNG LARS KJAER
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lars hiện đang là Phó Giám đốc quỹ PENM Partner – Cổ đông lớn của GTNfoods từ năm 2016. Ông Lars đã có kinh nghiệm làm Thành viên Hội đồng quản trị của 11 Tập đoàn quốc tế và Việt Nam, bao gồm Tập đoàn Masan, Tập đoàn Hòa Phát, CTCP Nước khoáng Vĩnh Hảo, Coca-Cola Nordic Bottler. Ông Lars từng là Giám đốc quỹ Nordic Project Fund, tập trung vào các thị trường mới nổi với danh mục hơn 200 công ty; Giám đốc Công ty Inwear & IC và Giám đốc Carlsberg Đan Mạch.



ÔNG MICHAEL LOUIS ROSEN
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Michael Louis Rosen từng là Phó chủ tịch HĐQT và Giám đốc điều hành sáng lập Tập đoàn PAN khi công ty này tham gia vào ngành nông nghiệp và thực phẩm. Ông chịu trách nhiệm chính về các vòng gây quỹ ban đầu của PAN tại thời điểm công ty chuyển đổi vào lĩnh vực này. Ông đã đảm nhiệm công việc tương tự tại GTNfoods.

Tại New York, ông là CEO và chủ sở hữu chính của Oscar Gruss & Son Incorporated, một công ty thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán New York (NYSE). Ông là nhà phát triển bất động sản, nhà đầu tư và quản lý bất động sản ở Thành phố New York, ông đã đi tiên phong trong việc thuê nhà ở cao cấp ở Lower East Side của Manhattan. Ông là một phó giáo sư đoạt giải thưởng trong trường kinh doanh của NYU.

1.2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị thực hiện kiểm soát, giám sát, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty phù hợp với Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành kèm Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 71/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018 trọng tâm vào các điểm sau:

- Lập kế hoạch kinh doanh 2018 trình Hội đồng quản trị và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 2018.
- Giám sát việc hợp nhất báo cáo tài chính của Tập đoàn với các Công ty con và Công ty liên kết các quý, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2018.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty mẹ và các Công ty con.
- Giám sát hoạt động Đầu tư của Tập đoàn và các Công ty con.
- Rà soát và tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro.

Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Trong năm 2018, tuân thủ Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng lịch họp thường niên hàng năm, duy trì việc họp mặt trực tiếp định kỳ mỗi quý một (01) lần nhằm bàn bạc, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị để kịp thời đưa ra những chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với biến động của thị trường. Bên cạnh đó, trong năm 2018, Hội đồng quản trị còn tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó, các Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như các Nghị quyết/Quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Theo đó, trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành 09 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 16 Nghị quyết/Quyết định về các vấn đề chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty với sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty, các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định. Tất cả các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát với tư cách quan sát viên, và tất cả các trao đổi và họp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều có sự chứng kiến của Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát. Cụ thể các cuộc họp Hội đồng quản trị như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Tạ Văn Quyền	Chủ tịch	24/06/2016	9/9	100%
2	Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	24/06/2016	9/9	100%
3	Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	24/06/2016	9/9	100%
4	Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	28/03/2017	9/9	100%
5	Ông La Mạnh Tiến	Thành viên	03/07/2018	5/9	56%
6	Ông Lars Kjaer	Thành viên	28/03/2017	9/9	100%
7	Bà Chew Mei Ying	Thành viên	24/06/2016	9/9	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	01/02/2018	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự họp
2	02/2018/NQ-HĐQT	01/02/2018	Thông qua các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan giai đoạn 2017 – 2020
3	03/2018/NQ-HĐQT	01/02/2018	Thông qua các vấn đề liên quan đến Ban Dự án Tái cơ cấu và các vấn đề khác
4	04/2018/NQ-HĐQT	01/02/2018	Thông qua chủ trương tăng sở hữu của CTCP GTNfoods tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP ("Vilico")
5	05/2018/NQ-HĐQT	01/02/2018	Thông qua một số vấn đề liên quan đến CEO
6	06/2018/NQ-HĐQT	28/02/2018	Phê duyệt việc thoái vốn tại một số mảng kinh doanh không cốt lõi
7	07/2018/NQ-HĐQT	10/04/2018	Thông qua các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
8	08/2018/NQ-HĐQT	10/04/2018	Thông qua tờ trình mức giá đề xuất thoái vốn các khoản đầu tư không cốt lõi
9	09/2018/NQ-HĐQT	10/04/2018	Thông qua các nội dung liên quan đến việc thực hiện Tái cấu trúc doanh nghiệp
10	10/2018/NQ-HĐQT	14/06/2018	Phê duyệt việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018 cho CTCP GTNfoods
11	11/2018/NQ-HĐQT	03/07/2018	Miễn nhiệm & bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành CTCP GTNfoods
12	12/2018/NQ-HĐQT	03/07/2018	Phân biệt trách nhiệm giữa Tổng Giám đốc & Phó Tổng Giám đốc
13	13/2018/NQ-HĐQT	07/08/2018	Phê duyệt Cơ cấu tổ chức hoạt động của CTCP GTNfoods
14	14/2018/NQ-HĐQT	05/09/2018	Miễn nhiệm & bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
15	15/2018/NQ-HĐQT	10/10/2018	Miễn nhiệm Giám đốc Tài chính & bổ nhiệm Người phụ trách Ban Tài chính của CTCP GTNfoods
16	16/2018/NQ-HĐQT	22/10/2018	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc CTCP GTNfoods

1.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG

Nhằm nâng cao chất lượng, năng lực và tính minh bạch trong quản trị công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và thông lệ quốc tế, trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã có nhiều nỗ lực thông qua các hành động cụ thể:

- Hội đồng quản trị chấp hành việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị duy trì hoạt động thường xuyên, tổ chức họp bàn để thống nhất định hướng thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó, liên tục cập nhật tình hình và kết quả hoạt động, sát sao trong công tác giám sát Ban điều hành, đảm bảo số lượng và chất lượng cuộc họp theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, cũng như đảm bảo số thành viên tham dự đầy đủ để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả của các cuộc họp.
- Hội đồng quản trị định hướng và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư quan trọng của công ty, chú trọng công tác quản trị rủi ro & kiểm toán nội bộ.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát đều đáp ứng tư cách và có đủ năng lực thực thi nhiệm vụ của mình.

Thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm ngày 31/12/2018 như sau:

Họ và tên	Chức danh	Mức độ độc lập	Ghi chú
Ông Trần Việt Thắng	Trưởng Ban	Không phải là người lao động trong công ty	Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Pan Mun Kit	Thành viên	Không phải là người lao động trong công ty	Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Bà Trần Thị Thu	Thành viên	Không phải là người lao động trong công ty	Bổ nhiệm ngày 26/04/2016



Ông Trần Việt Thắng – Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Trần Việt Thắng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán và từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng như Trưởng phòng Kế toán tại CTCP Thép Thủ Đức, công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam; Quản lý Tài chính tại CTCP Nhựa Gia Lợi; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Xây dựng Miền Nam; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Bê tông Hồng Hà Bình Dương; Thành viên HĐQT tại CTCP Bất động sản Nghĩa Nhân; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Dược phẩm Phyto. Tại Ladofoods, ông Thắng giữ vị trí Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát công ty, ông cũng có nền tảng gia đình vững chắc trong ngành đầu tư và phát triển bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh.



Ông Pan Mun Kit – Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Pan Mun Kit có kinh nghiệm trên 10 năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, ông bắt đầu làm việc tại TAEI Partners Group từ 2013, hiện ông giữ vị trí Giám đốc. Ông từng làm việc tại Ngân hàng Đầu tư OSK – Malaysia từ 2007-2009; Ngân hàng Đầu tư May Bank – Malaysia, 2009-2013.



Bà Nguyễn Thị Thu – Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu trở thành Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần GTNfoods từ tháng 4/2016. Trước đó Bà Thu có từng giữ vị trí Kế toán tại CTCP Sản xuất và Thương mại Hachi và CTCP Đầu tư TMI Việt Nam, Bà Thu hiện đang là Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính.

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm:

Kiểm soát hoạt động, kiểm soát chiến lược và kiểm soát tài chính

Hiệu quả của công tác giám sát đã được tăng cường thông qua các hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo tuân thủ với các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Tham dự và tham gia đóng góp ý kiến tại tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Giám sát việc thực thi hoạt động công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng giám đốc lập, kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, khách quan và hợp lý của các số liệu tài chính.
- Đánh giá và giám sát tình hình các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các công ty có góp vốn khác. Định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của các công ty này nhằm đưa ra kiến nghị và đề xuất các phương án nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Thảo luận và trao đổi với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính.
- Tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát nhằm trao đổi và đưa ra phương hướng giúp nâng cao năng lực tài chính và hoạt động giám sát.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức hai (02) phiên họp chính thức như sau:

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
Phiên 1	3/3	Soát xét BCTC năm 2017, cập nhật kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I năm 2018, lên kế hoạch công việc năm 2019
Phiên 2	3/3	Soát xét BCTC giữa niên độ 2018, cập nhật và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị 06 tháng đầu năm của Công ty

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trên các khía cạnh chính: tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện thông qua các hoạt động sau:

a. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018. Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành.
- Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2018 của CTCP GTNfoods được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, đây là công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và

hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế, quy định khác về quản lý tài chính của Công ty và Nhà nước.

b. Kết quả giám sát chấp hành chế độ kế toán, quản lý tài chính

Năm 2018, công tác chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính của công ty được thực hiện tốt, cụ thể như: kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, quản lý và đôn đốc thu hồi nợ tốt, chú trọng công tác kế toán quản trị. Ban Tổng giám đốc Công ty định kỳ thực hiện việc báo cáo hiệu quả hoạt động sản xuất

c. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị CTCP GTNfoods đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong việc định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty duy trì họp thường kỳ và đột xuất thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đều bám sát tình hình thực tế hoạt động của Công ty, theo đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, từ đó thực hiện tốt chức năng quản trị và định hướng cho hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện những công việc chính như sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo sát sao công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Ban hành các Nghị quyết/Quyết định trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc CTCP GTNfoods đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. Trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các công việc sau:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu kinh tế đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.
- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành và chỉ đạo quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc phạm vi thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc.

Năm 2018, Ban kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty.

e. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Năm 2018, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Tổng giám đốc cùng các phòng ban trong Công ty nhằm hoàn thành các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng nhiều lần đưa ý kiến đóng góp với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Tổng giám đốc, từ đó góp phần giải quyết các khó khăn phát sinh trong quá trình điều hành doanh nghiệp.

2.3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Trong năm 2019, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm tra thường xuyên và định kỳ hàng quý theo đúng Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Đồng thời, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành của Công ty trên cơ sở giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.
- Phối hợp cùng Kiểm toán nội bộ kiểm tra, xem xét các báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính.
- Giám sát việc tuân thủ, tính minh bạch trong thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo quản trị tại các đơn vị thành viên của GTNfoods.
- Giám sát việc tuân thủ các chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Giám sát sự phối hợp trong công tác điều hành giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.
- Nghiên cứu, cải thiện hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát, trong đó chú trọng công tác quản trị rủi ro, tập trung kiểm soát và phát hiện các yếu tố rủi ro trọng yếu, tiềm ẩn giúp Công ty kịp thời nghiên cứu, thực thi các biện pháp phòng ngừa.

3. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2018

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Tạ Văn Quyền	Chủ tịch HĐQT	100.000	0,04%	200.000	0,08%
2	La Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	200.000	0,08%
3	Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT	7.150.000	2,86%	0	0%
4	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	300.000	0,12%
5	Trần Việt Thắng	Trưởng BKS	524.700	0,2%	13.600	0,01%
6	Phạm Thị Thủy	Vợ ông Trần Việt Thắng	387.896	0,16%	6	0%

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty không phát sinh thù lao, lương, thưởng. Lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2018 đã được trình bày tại Thuyết minh số 37, Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - Công ty cổ phần GTNfoods.

HỢP ĐỒNG VÀ GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM 2018

Trong năm tài chính 2018, Công ty có một số giao dịch với các bên liên quan

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị (đồng)
1	CTCP Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Tổ chức là công ty con của Công ty	Lãi vay	111.672.879
2	TCT Chè Việt Nam – CTCP	Tổ chức là công ty con của Công ty	Cho vay	1.400.000.000
3	TCT Chè Việt Nam – CTCP	Tổ chức là công ty con của Công ty	Thu hồi gốc vay	8.700.000.000
4	TCT Chè Việt Nam – CTCP	Tổ chức là công ty con của Công ty	Thuê văn phòng, dịch vụ quản lý	1.122.379.215
5	Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Tổ chức là công ty con của Công ty	Thu hồi gốc vay	10.000.000.000
6	TCT Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	Tổ chức là công ty con của Công ty	Nhận cổ tức	60.854.541.800
7	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	Tổ chức là công ty liên kết của Công ty	Nhận cổ tức	5.130.096.000

4. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2018, Công ty tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, đặc biệt là hoạt động ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý được ủy thác của GTNfoods luôn nhận thức và tuân thủ trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tránh xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty,

Công ty con, Công ty liên kết do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở giao dịch Chứng khoán.

- Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng những thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.



V BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
2. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
3. CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2018
4. TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2018-2020



Trong chiến lược dài hạn, GTNfoods không chỉ tập trung phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn đề cao vai trò của các mục tiêu và hoạt động mang tính phát triển bền vững. Các chính sách hoạt động của GTNfoods luôn hướng tới giá trị thực và tính bền vững đối với các bên có liên quan, bao gồm công ty mẹ, các công ty thành viên, chuỗi cung ứng, môi trường và xã hội. Gắn kết các hoạt động phát triển bền vững của GTNfoods với mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam luôn là định hướng chiến lược cho các hoạt động của Tập đoàn.

1. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CON NGƯỜI

Phát huy tối đa yếu tố con người với vai trò chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững, đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. Tạo lập điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho các thế hệ tiếp theo trong tương lai.



XÃ HỘI

Kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.



MÔI TRƯỜNG

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, đặc biệt là nguồn tài nguyên không thể tái tạo, gìn giữ và cải thiện môi trường sống; xây dựng xã hội học tập; xây dựng lối sống thân thiện môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững.



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Là nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước. Công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.



CHÍNH TRỊ

Phát triển bền vững là trách nhiệm và sự nghiệp của cả Đất nước, các cấp chính quyền, các Bộ, ngành và địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân.

Theo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam – Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng, để cụ thể hóa các giải pháp theo quyết định Số: 622/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch Hành động Quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì phát triển bền vững, ban hành vào ngày 10/05/2017 đã chi tiết hóa các định hướng, đồng hành cùng 17 mục tiêu SDGs của Liên Hiệp Quốc. Theo đó, các mục tiêu và hành động cụ thể đã được đề ra cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động mang tính bền vững.



1. Xóa nghèo dưới mọi hình thức ở mọi nơi



2. Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững.



3. Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.



4. Đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng và nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.



5. Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.



6. Đảm bảo sự sẵn có và quản lý bền vững nguồn nước và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người.



7. Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người.



8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, việc làm đầy đủ và năng suất và công việc tốt cho tất cả mọi người.



9. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới.



10. Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia.



11. Xây dựng các đô thị và các khu dân cư mở cửa cho tất cả mọi người, an toàn, vững chắc và bền vững.



12. Đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững.



13. Có biện pháp khẩn cấp để chống lại biến đổi khí hậu và các tác động của nó.



14. Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển cho phát triển bền vững.



15. Bảo vệ, tái tạo và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học.



16. Thúc đẩy xã hội hòa bình và rộng mở cho phát triển bền vững, mang công bằng đến với tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và rộng mở ở tất cả các cấp.



17. Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Sau thời gian 2 năm trong quá trình thực hiện tái cơ cấu, tuy còn nhiều những khó khăn, nhưng GTNfoods luôn nỗ lực từng bước thay đổi tích cực, phù hợp hơn với bối cảnh mới. Những khó khăn và thách thức trong các hoạt động phát triển bền vững cũng sẽ đồng thời mở ra cơ hội mới cho GTNfoods:

- Định hướng phát triển xanh và bền vững, tạo ra nhiều cơ hội cho GTNfoods hướng tới mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm của mình, đặc biệt là các sản phẩm sạch, có chất lượng tốt hơn, đảm bảo sức khỏe của người tiêu dùng. Đồng thời là yếu tố cốt lõi cho sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế của doanh nghiệp đi đôi với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.
- Nhờ sự phát triển ngày càng cao của Khoa học & Công nghệ, GTNfoods có cơ hội cải tiến công nghệ sản xuất trên quy mô lớn, học hỏi, áp dụng được các kinh nghiệm trong công nghệ vào tăng trưởng xanh.
- Góp phần giải quyết các vấn đề về việc làm, xóa đói giảm nghèo tại địa phương, đặc biệt khi các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của GTNfoods hoạt động nhiều ở các tỉnh miền núi (Mộc Châu, Phú Thọ,...) có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.
- Định hướng phát triển doanh nghiệp sản xuất thực phẩm sạch vì sức khỏe cộng đồng, trực tiếp giải quyết các vấn đề về sức khỏe con người trong bối cảnh nhiều thực phẩm không rõ nguồn gốc, có dư lượng kháng sinh và chất độc hại vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ trên thị trường.

2. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững của GTNfoods luôn gắn với bảo vệ môi trường và trách nhiệm với cộng đồng xã hội, đây là ba yếu tố tiên quyết cho sự phát triển trong tương lai. Mục tiêu gắn kết tăng trưởng kinh tế với đảm bảo các yếu tố về môi trường và xã hội góp phần củng cố quyền lợi lâu dài của các bên liên quan, từ đó hướng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Các hoạt động báo cáo dựa trên các tiêu chuẩn GRI

Hiện tại, GTNfoods và các đơn vị thành viên đang định hướng xây dựng hệ thống báo cáo dựa theo các tiêu chuẩn GRI được nêu ra dưới đây:

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG:

- GRI 201: Hiệu quả hoạt động kinh tế
- GRI 202: Sự có mặt trên thị trường
- GRI 203: Tác động kinh tế gián tiếp
- GRI 204: Phương thức mua sắm

- GRI 404: Giáo dục & Đào tạo
- GRI 405: Đa dạng và cơ hội bình đẳng

Tiểu mục: Quyền con người

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- GRI 302: Năng lượng
- GRI 303: Nước
- GRI 304: Đa dạng sinh học

- GRI 406: Không phân biệt đối xử
- GRI 407: Quyền thương lượng tập thể
- GRI 408: Lao động trẻ em
- GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc

Tiểu mục: Xã hội

- GRI 305, 306: Phát thải, nước thải và chất thải
- GRI 307: Tuân thủ

- GRI 205: Chống tham nhũng
- GRI 206: Hành vi hạn chế cạnh tranh
- GRI 413: Cộng đồng địa phương

Tiểu mục: Trách nhiệm đối với Sản phẩm

HƯỚNG TỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI:

Tiểu mục: Cách đối xử với người lao động và Việc làm bền vững

- GRI 401: Việc làm
- GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

- GRI 205: Chống tham nhũng
- GRI 206: Hành vi hạn chế cạnh tranh
- GRI 413: Cộng đồng địa phương
- GRI 416: Sự an toàn và sức khỏe của khách hàng
- GRI 417: Tiếp thị và nhãn hiệu

3. CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2018

Năm 2018, GTNfoods đã có những hoạt động tích cực và thiết thực nhằm hỗ trợ các gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, góp phần xây dựng phúc lợi, hướng tới an sinh xã hội, đặc biệt tại khu vực Mộc Châu, Sơn La:

Trong năm, các đơn vị thành viên của Tập đoàn là Mộc Châu Milk và Vinatea Mộc Châu đã tích cực tham gia các phong trào được phát động tại địa phương, đóng góp vào các quỹ hỗ trợ như: Quỹ phòng chống bão lũ, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ nhân đạo, Quỹ xóa đói giảm nghèo...

Các đơn vị thành viên của Tập đoàn còn tham gia các hoạt động từ thiện khác như hiến máu nhân đạo, hỗ trợ cơ sở vật chất tại nơi công cộng cho người dân tại địa phương, xây dựng nhà Đại đoàn kết cho các gia đình hộ nghèo và người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thuộc xã Lũng Sập – huyện Mộc Châu và các khu vực lân cận.



Chế độ lương thưởng, chính sách bảo hiểm của CBCNV thuộc Tập đoàn được đảm bảo và thực hiện đầy đủ.

GTNfoods và Mộc Châu Milk luôn chú trọng các hoạt động dành cho trẻ em - những thế hệ tương lai của đất nước: Tiếp tục triển khai chương trình Mộc Châu xanh sữa học đường.

Bên cạnh đó, Công ty cũng nhận đỡ đầu 2 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc xã Lóng Sập, thời gian hỗ trợ trong 3 năm.

Tổ chức cho hơn 3.000 em nhỏ ở 10 trường mầm non uống sữa miễn phí hàng ngày. Năm 2018 đã cấp cho chương trình sữa học đường hơn 51 tấn sữa và hơn 2,5 tấn đường, tổng giá trị gần 1 tỷ đồng.

Ngoài ra, các hoạt động khen thưởng thường kỳ cho con CBCNV trong nội bộ công ty có thành tích xuất sắc trong học tập cũng được thực hiện, Mộc Châu Milk đã trao tặng số tiền 214,4 triệu đồng tới các em nhỏ có thành tích tốt, khuyến khích các em tiếp tục cố gắng phấn đấu trong tương lai.



Chương trình "Sữa học đường" được Mộc Châu Milk thực hiện thường niên hằng năm

Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và xã hội tại các đơn vị thành viên:

- Công tác hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương: tặng phần quà Tết cho các hộ nghèo; Ủng hộ Trung tâm giáo dục truyền thống và lịch sử tổ chức hoạt động tri ân, thăm hỏi tới các gia đình thương binh liệt sỹ; Ủng hộ chương trình "Cặp lá yêu thương" tại huyện Mộc Châu 150 triệu đồng.
- Tài trợ kinh phí cho Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên 50 triệu; hỗ trợ kinh phí làm đường dân sinh với số tiền 218 triệu đồng; ủng hộ 80 triệu đồng tới Tiểu khu 70 xây dựng Nhà văn hóa.

Công tác xử lý môi trường:

- Mộc Châu Milk đã đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ vi sinh của cả hai xưởng chế biến sữa, đảm bảo chất lượng nước thải đúng quy định; ký kết các hợp đồng định kỳ xử lý chất thải độc hại với cơ sở xử lý hợp chuẩn. Ngoài ra, công ty đã tích cực tuyên truyền tới các hộ dân, các cơ sở chăn nuôi và đồng loạt triển khai xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng theo công nghệ sinh học của Viện nghiên cứu môi trường nông nghiệp và phát triển nông thôn. 100% các hộ nông dân áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong chăn nuôi.



- Vinatea củng cố lại sản xuất nông nghiệp, xây dựng và áp dụng quy trình đầu tư thâm canh chăm sóc cây chè kỹ lưỡng và phù hợp, khuyến khích thu hái bằng tay truyền thống nhằm nâng cao chất lượng nguyên liệu, bảo vệ vùng nguyên liệu, tiếp tục duy trì mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững theo chứng nhận chứng chỉ quốc tế Rainforest Alliance.

4. TÂM NHÌN, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020



Tăng cường năng lực về khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế

- Tập trung các hoạt động R&D, phát triển các sản phẩm có giá trị đối với sức khỏe con người, thân thiện với môi trường, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại.
- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai áp dụng các phương pháp trồng trọt, chăn nuôi theo mô hình tăng trưởng xanh, ứng dụng và học hỏi mô hình mà các quốc gia phát triển đã và đang áp dụng.

Sử dụng nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có chuyên môn và tạo động lực nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng cá nhân, đóng góp cho sự phát triển chung của Tập đoàn.
- Tạo điều kiện tối ưu cho nguồn lực tại địa phương có cơ hội tham gia lao động sản xuất, đào tạo người lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, khuyến khích người dân tăng thu nhập nhằm phát triển kinh tế vùng.
- Lên kế hoạch thực hiện và có các định hướng nhằm sử dụng và phát triển quỹ đất, nguồn tài nguyên thiên nhiên tại các vùng nguyên liệu một cách tối ưu nhất, sử dụng hiệu quả nguồn lực vốn đầu tư.

Thị trường cạnh tranh bình đẳng và công bằng

- Tích cực tham gia và góp phần tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và công bằng, tôn trọng các quy luật khách quan của thị trường.



Chương trình Mộc Châu xanh sữa học đường

Đơn vị thành viên của Tập đoàn là Mộc Châu Milk luôn chú trọng triển khai chương trình Mộc Châu Xanh Sữa Học Đường. Hiện tại Công ty đã tổ chức cho hơn 3.000 cháu ở 10 trường mầm non uống sữa miễn phí hàng ngày. Trong năm 2018, Mộc Châu Milk đã cấp cho chương trình sữa học đường hơn 51 tấn sữa và hơn 2,5 tấn đường, tổng giá trị gần 1 tỷ đồng.

Trợ giúp đồng bào lũ lụt & tham gia các chương trình tri ân, đền ơn đáp nghĩa

Các đơn vị thành viên luôn làm tốt công tác xã hội ở địa phương, tiêu biểu qua các hoạt động Tặng nhà Đại đoàn kết cho các gia đình người dân tộc thiểu số, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hỗ trợ cơ sở vật chất cho người dân tại địa phương tại các địa điểm công cộng, thăm hỏi và tặng quà các gia đình thương binh liệt sỹ, ủng hộ và thúc đẩy phong trào văn hóa lành mạnh thông qua các chương trình ý nghĩa tại địa phương cho người dân.

Xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, tốt và lâu bền

Bên cạnh các hoạt động trách nhiệm xã hội, GTNfoods đang ngày càng nâng cao chất lượng môi trường làm việc, thu nhập và điều kiện sống cho người lao động, đảm bảo lợi ích và sự gắn bó lâu dài với người lao động. Để làm được điều này, công ty luôn có quỹ dành cho đào tạo và các hoạt động xây dựng tinh thần, văn hóa doanh nghiệp, cùng với đó, hoàn thiện quy trình, chính sách đánh giá, trả lương theo hiệu quả công việc, luôn tôn trọng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động, tạo môi trường bình đẳng cho tất cả mọi người.

Các hình thức bảo hiểm để bảo vệ quyền lợi và tài sản cho người nông dân.

Các Đơn vị thành viên của GTNfoods là Mộc Châu Milk và Vinatea đã tạo được niềm tin với người nông dân trong nhiều năm qua. Công ty cam kết hỗ trợ nhiều chính sách cho người nông dân chăm sóc cây chè và chăn nuôi bò như: hỗ trợ chi phí trồng chè, bảo hiểm giá sữa, vật nuôi, cho vay vốn mở rộng sản xuất lên tới 50% giá trị đầu tư, cho vay tiền mua cỏ, ngô dự trữ, phát triển điện, đường, trạm..



Với mong muốn chung tay bảo vệ môi trường, GTNfoods đang từng bước tạo nhận thức sâu rộng trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn năng lượng Điện và Nước tới với toàn thể CBCNV của công ty, nhằm nâng cao hiệu suất lao động, tận dụng và tạo ra hiệu quả lao động cao nhất trên mỗi đơn vị năng lượng. Tăng cường sử dụng sản phẩm tái chế, liên tục nâng cấp dây chuyền sản xuất giảm thiểu tối đa hoạt động phát thải ô nhiễm ra môi trường. Đặc biệt, thời gian qua, GTNfoods đã cắt giảm và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật độc hại, áp dụng quy trình sản xuất chè sạch theo các tiêu chuẩn của Chứng nhận Nông nghiệp bền vững RA cho các vùng chè chính, Chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam – Nhóm sản phẩm trồng trọt VIETGAP cho hầu hết các vùng nguyên liệu chè đang khai thác cũng như các vùng chăn nuôi nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên Đất, môi trường sống của các loại thực vật, động vật và con người.

VNM BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNFoods (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Văn Quyền	Chủ tịch
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Bà Chew Mei Ying	Thành viên
Ông La Mạnh Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2018)
Ông La Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Ông Tạ Văn Quyền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Số: 745/VN1A-HN-BC

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần GTNFoods**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần GTNFoods (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt chính thức Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) tại thời điểm công ty con này chính thức chuyển thành công ty cổ phần;
- Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) chưa hoàn tất thu hồi tài sản đã bàn giao và thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo kiến nghị trong Kết luận thanh tra số 8738/KL-BNN-TTr ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán để ngày 30 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn các vấn đề cần nhấn mạnh về cổ phần hóa tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty).



TRẦN THỊ THÚY NGỌC

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÙI THỊ MAI HƯƠNG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3829-2016-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.403.739.114.640	2.301.341.137.346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	257.114.986.285	240.281.764.889
1. Tiền	111		101.399.634.815	143.981.764.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		155.715.351.470	96.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	864.637.055.000	966.856.972.919
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		864.637.055.000	966.856.972.919
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		846.299.827.695	656.675.343.351
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	114.150.638.126	128.154.121.526
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	242.170.294.096	23.912.187.913
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	35.259.336.327	36.441.988.200
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	467.424.350.184	473.527.029.405
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.704.791.038)	(5.359.983.693)
IV. Hàng tồn kho	140	10	410.396.494.696	399.570.265.967
1. Hàng tồn kho	141		417.324.336.901	408.486.152.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.927.842.205)	(8.915.887.024)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.290.750.964	37.956.790.220
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	8.592.026.392	7.988.227.923
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.773.645.732	27.505.030.482
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	3.925.078.840	2.463.531.815
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.325.926.014.353	2.500.435.744.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.885.000.000	4.967.176.006
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	33.681.321.006	4.932.176.006
2. Phải thu dài hạn khác	216		35.000.000	35.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4.831.321.006)	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
II. Tài sản cố định	220		648.881.473.722	811.972.934.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	648.559.815.460	811.407.665.767
- Nguyên giá	222		1.562.963.926.463	1.677.712.614.539
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(914.404.111.003)	(866.304.948.772)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	321.658.262	565.269.188
- Nguyên giá	228		1.583.969.126	1.574.469.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.262.310.864)	(1.009.199.938)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	15.519.033.581	16.787.909.196
- Nguyên giá	231		37.505.447.989	37.505.447.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.986.414.408)	(20.717.538.793)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.773.446.696	28.792.045.058
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	30.773.446.696	28.792.045.058
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	601.494.391.933	538.876.842.902
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		344.331.773.190	286.187.807.597
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		253.011.955.858	257.146.698.951
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.849.337.115)	(4.457.663.646)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.000.372.668.421	1.099.038.836.428
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	629.338.935.791	681.725.382.316
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	283.613.581	243.410.028
3. Tài sản dài hạn khác	268		52.284.000	-
4. Lợi thế thương mại	269	17	370.697.835.049	417.070.044.084
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.729.665.128.993	4.801.776.881.891

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		965.957.244.920	988.175.790.875
I. Nợ ngắn hạn	310		756.286.437.663	768.160.361.670
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	115.106.243.199	111.735.522.298
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	23.720.373.919	49.451.000.002
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	5.558.373.728	13.916.763.321
4. Phải trả người lao động	314		44.132.013.505	45.540.714.182
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	6.728.740.280	1.914.204.980
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	2.237.240.254	1.777.178.300
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	461.949.911.571	442.583.470.463
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	38.032.115.393	41.128.463.348
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.088.367.360	947.028.735
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.733.058.454	59.166.016.041
II. Nợ dài hạn	330		209.670.807.257	220.015.429.205
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	1.209.600.000	2.822.400.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	23	6.896.000.000	7.016.840.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	2.369.074.609	2.369.074.609
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	199.022.741.648	207.633.723.596
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.763.707.884.073	3.813.601.091.016
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	3.763.708.284.073	3.813.601.491.016
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	245.042.505.974
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.127.071.662	1.128.956.762
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(118.482.826.016)	(119.010.356.717)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.767.566.560	13.584.390.455
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		189.191.891	226.893.891
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.818.897.820	27.226.112.807
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.623.049.113	1.261.654.239
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(4.804.151.293)	25.964.458.568
8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		1.102.245.876.182	1.145.402.987.844
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(400.000)	(400.000)
1. Nguồn kinh phí	431		(400.000)	(400.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.729.665.128.993	4.801.776.881.891

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng



TẠ VĂN QUYÊN
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	3.014.279.667.626	3.787.960.811.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	6.055.428.597	6.660.106.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.008.224.239.029	3.781.300.704.676
4. Giá vốn hàng bán	11	29	2.540.550.963.793	3.342.357.658.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		467.673.275.236	438.943.045.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	105.189.311.380	132.213.368.606
7. Chi phí tài chính	22		11.151.020.096	5.655.117.778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.390.324.784	5.278.265.889
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		12.263.760.295	(349.607.994)
9. Chi phí bán hàng	25	32	302.145.578.565	266.168.500.761
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	158.423.221.109	145.792.384.978
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		113.406.527.141	153.190.802.851
12. Thu nhập khác	31	33	24.492.456.948	35.591.920.203
13. Chi phí khác	32	34	18.973.339.104	26.582.390.353
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.519.117.844	9.009.529.850
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		118.925.644.985	162.200.332.701
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	20.507.538.499	14.375.311.047
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(6.281.208.000)	(4.077.088.344)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		104.699.314.486	151.902.109.998
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		7.932.977.773	40.396.815.620
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		96.764.336.713	111.505.294.378
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36		124

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

TẠ VĂN QUYẾN
Chủ tịch HĐQT
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	118.925.644.985	162.200.332.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	172.576.367.277	162.676.503.453
Các khoản dự phòng	03	17.879.393.845	15.918.586.069
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(121.033.504)	112.816.625
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(96.499.489.947)	(95.579.474.638)
Chi phí lãi vay	06	1.390.324.784	5.278.265.889
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	214.151.207.440	250.607.030.099
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(107.127.875.443)	436.725.221.735
Tăng hàng tồn kho	10	(70.578.721.154)	(356.851.883.587)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(680.783.086)	110.405.183.384
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	45.035.398.691	(20.864.670.410)
Tiền lãi vay đã trả	14	(549.000.096)	(6.374.573.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.437.935.361)	(15.710.242.169)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	20.320.000	570.235.714
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.987.078.120)	(12.840.235.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.845.532.871	385.666.065.694
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.466.868.798)	(105.688.967.668)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.679.257.932	34.204.493.896
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(816.844.536.041)	(993.739.640.096)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	922.445.902.353	589.362.885.094
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(140.450.924.130)	(107.535.809.587)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	58.570.502.994	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.880.720.108	61.985.583.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	78.814.054.418	(521.411.455.117)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	19.573.381.590	68.284.415.790
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.917.456.384)	(218.802.289.411)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(104.491.176.200)	(84.039.286.397)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(104.835.250.994)	(234.557.160.018)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	16.824.336.295	(370.302.549.441)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	240.281.764.889	610.572.592.544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.885.101	11.721.786
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	257.114.986.285	240.281.764.889

LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng



TẠ VĂN QUYÊN
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 17 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính, Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa, Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp),...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (1)	Thành phố Hà Nội	95.00%	95.00%	Kinh doanh, sản xuất chè
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (2)	Thành phố Hà Nội	74.49%	74.49%	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi
Công ty Cổ phần Vinatea Kim Anh (3)	Thành phố Hà Nội	93.28%	98.19%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ (3)	Tỉnh Yên Bái	48.45%	51.00%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty Cổ phần Chè Liên Sơn (3)	Tỉnh Yên Bái	48.66%	51.22%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (4)	Tỉnh Sơn La	37.99%	51.00%	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Tỉnh Sơn La	96.37%	96.37%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Thành phố Hà Nội	100%	100%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(1) Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP ("Vinatea") chưa được phê duyệt chính thức Báo cáo Quyết toán cổ phần hóa cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 12 năm 2015 bởi cấp có thẩm quyền, do đó Công ty đang hợp nhất Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP theo giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mua là 277.463.000.000 VND.

(2) Tại ngày 17 tháng 7 năm 2018, Công ty đã hoàn tất mua thêm 483.900 cổ phiếu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("VLC"), nâng số lượng cổ phiếu sở hữu tại VLC từ 46.519.236 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 73,72%) lên 47.003.136 cổ phiếu, tương ứng 74,49% số cổ phiếu đang lưu hành của VLC.

(3) Công ty con của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP.

(4) Công ty con của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	35.00%	35.00%	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	35.04%	35.04%	Trồng rừng, chế biến gỗ, nuôi cá sấu
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Tỉnh Quảng Nam	45.00%	45.00%	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic
Công ty Chè Phú Đa	Tỉnh Phú Thọ	42.75%	45.00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ chè
Công ty Cổ phần Chè Trần Phú	Tỉnh Yên Bái	34.20%	36.00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ chè
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	22.35%	30.00%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	Tỉnh Nam Định	29.31%	39.35%	Chăn nuôi gà
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	Tỉnh Ninh Bình	27.14%	36.44%	Chăn nuôi lợn
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	Tỉnh Thanh Hóa	33.52%	45.00%	Cung ứng tinh bò đông lạnh, cung ứng giống bò
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ	Tỉnh Nghệ An	27.76%	37.27%	Kinh doanh tinh đông lạnh và vật tư thụ tinh nhân tạo
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	Tỉnh Khánh Hòa	25.14%	33.75%	Cung ứng tinh bò đông lạnh và cung ứng gia súc
Công ty Cổ phần An Đại Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	25.95%	34.84%	Kinh doanh con giống, thức ăn gia súc vật tư thiết bị chăn nuôi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Thành phố Hà Nội	26.82%	36.00%	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	Thành phố Hà Nội	26.82%	36.00%	Chăn nuôi gà
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh	26.09%	35.02%	Chăn nuôi lợn, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH Thống Nhất	Tỉnh Quảng Trị	14.94%	15.50%	Khai khoáng quặng kim loại
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	16.38%	17.00%	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá
Công ty Cổ phần NLN Châu Giang	Thành phố Hà Nội	17.35%	18.00%	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Thống Nhất	Tỉnh Quảng Bình	19.07%	19.79%	Khai thác gỗ, khai thác quặng
Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	15.31%	16.12%	Kinh doanh sản xuất chè
Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	16.49%	17.36%	Kinh doanh sản xuất chè
Công ty Cổ phần kinh doanh Thái Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	12.31%	12.96%	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	12.75%	17.12%	Kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	3.98%	5.35%	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Gia Cầm	Hà Nội	12.72%	17.08%	Chăn nuôi gà
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	12.83%	17.23%	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	Sơn La	0.10%	0.13%	Xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và phân loại lại.

Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, một số chỉ tiêu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 12 năm 2015 do Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	04 - 17
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	04 - 25
Tài sản khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu bao gồm: Bản quyền, bằng sáng chế; Nhân hiệu hàng hóa; Phần mềm máy vi tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng và vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 06 năm đến 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước đàn lợn sinh sản, giá trị thương hiệu, lợi thế quyền thuê đất, vùng nguyên liệu và các chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước dài hạn là đàn lợn sinh sản được tính và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 48 tháng. Giá trị thương hiệu là phần giá trị mà Công ty có được từ việc mua lại các công ty con và được phân bổ trong vòng 20 năm.

Lợi thế quyền thuê đất mà Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo thời gian còn lại của từng hợp đồng thuê đất.

Vùng nguyên liệu: Giá trị hợp lý của vùng nguyên liệu mà Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn. Giá trị hợp lý vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là giá trị phần chênh lệch tăng khi đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Công ty đã được phép ghi nhận gộp vào giá trị khoản đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị chênh lệch này được phản ánh bằng số âm ở chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền mặt	4.421.567.801	12.190.230.740
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	96.978.067.014	131.791.534.149
Các khoản tương đương tiền (ii)	155.715.351.470	96.300.000.000
	257.114.986.285	240.281.764.889

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội I của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (công ty con của Công ty) với số tiền 49.463.153.346 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 49.463.153.346 VND) là số tiền thu được từ cổ phần hóa và đang bị phong tỏa để chờ phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa.

(ii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% đến 5,5%/năm.

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a1. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	864.637.055.000	864.637.055.000	966.856.972.919	966.856.972.919
a2. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	15.000.000.000	15.000.000.000		

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 24 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6% đến 8,0%/năm.

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (1)	65.522.255.787	85.299.172.365	65.522.255.787	84.527.991.235
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn (2)	41.422.300.000	47.264.962.029	41.422.300.000	44.551.152.925
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (3)	67.500.000.000	73.250.480.384	-	-
Công ty Chè Phú Đa (3)	143.044.800.000	114.025.482.994	143.044.800.000	115.096.611.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Chè Trần Phú (3)	3.242.731.000	1.874.998.163	3.242.731.000	1.874.982.351
Công ty Cổ phần Chè Kim Anh (3)	-	-	3.024.375.848	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu súc sản Gia cầm Hải Phòng (3)	4.614.583.308	1.700.388.231	4.614.583.308	4.249.998.445
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành (3)	1.573.869.086	-	1.573.869.086	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Miền Nam (3)	-	-	6.042.617.989	6.775.782.538
Công ty Cổ phần Việt Phong (3)	-	-	7.044.572.416	7.351.510.740
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao (3)	2.392.638.008	-	2.392.638.008	-
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh (3)	2.629.745.540	3.023.360.745	2.629.745.540	2.844.275.880
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư Chăn nuôi Bắc Trung Bộ (3)	655.437.752	806.725.404	655.437.752	610.386.711
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (3)	861.183.119	938.676.478	861.183.119	1.042.229.801
Công ty Cổ phần An Đại Việt (3)	8.972.667.170	-	8.972.667.170	-
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội (3)	3.318.973.219	8.038.017.827	3.318.973.219	8.603.918.371
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ (3)	25.949.866.410	-	25.949.866.410	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Á (3)	11.035.284.098	8.109.508.570	11.035.284.098	8.658.967.514
Cộng	382.736.334.497	344.331.773.190	331.347.900.750	286.187.807.597

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (mã cổ phiếu VDL) được xác định theo giá đóng cửa niêm yết trên sàn HNX tại ngày kết thúc năm tài chính là: 148.772.784.000 VND. Cổ phiếu VDL trong năm 2018 không được giao dịch thường xuyên và khối lượng giao dịch thấp.

(2) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn (mã cổ phiếu FRM) được xác định theo giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày kết thúc năm tài chính là: 21.730.000.000 VND. Cổ phiếu FRM trong năm 2018 không được giao dịch thường xuyên và khối lượng giao dịch thấp.

(3) Theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Công ty cần trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với công ty niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa có đầy đủ cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	-	79.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	30.600.000.000	(1.988.595.723)	30.600.000.000	-
Công ty Cổ phần NLN Châu Giang	18.000.000.000	(688.273.332)	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Thống Nhất	95.000.000.000	(3.487.039.559)	95.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên	177.000.000	-	177.000.000	-
Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh	364.672.800	-	364.672.800	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thái Bình Dương	140.000.000	-	140.000.000	-
Công ty Cổ phần Nông Hải Sản Sài Gòn	-	-	4.098.734.693	(2.800.000.000)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	4.685.428.501	(4.685.428.501)	4.685.428.501	-
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	4.257.100.000	-	4.257.100.000	(1.657.663.646)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xuất nhập khẩu Gia Cẩm	2.616.885.131	-	2.616.885.131	-
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	17.609.383.826	-	17.609.383.826	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	61.485.600	-	45.210.000	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	52.284.000	-
Cộng	253.011.955.858	(10.849.337.115)	257.146.698.951	(4.457.663.646)

Theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Công ty cần trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được giá trị hợp lý của những khoản đầu tư vào công ty niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Đối với các Công ty chưa niêm yết, Công ty chưa có đầy đủ cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (Phân loại lại) (VND)	
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Phải thu cá nhân từ chuyển nhượng cổ phần	38.000.000.000		13.000.000.000	
- Phải thu khách hàng là một công ty chèn tại Phú Thọ	11.765.500.000		-	
- Phải thu khách hàng là một công ty bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu tại Hải Phòng	-		31.613.146.376	
- Phải thu khách hàng là một Tổng Công ty sản xuất bia và mạch nha ủ men bia tại Hà Nội	-		10.463.781.022	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	64.385.138.126		73.077.194.128	
Cộng	114.150.638.126		128.154.121.526	
b. Phải thu dài hạn của khách hàng				
- Phải thu cá nhân từ chuyển nhượng cổ phần	28.850.000.000		-	
- Phải thu khách hàng là một công ty chèn tại Sóc Sơn	3.384.240.220		3.435.095.220	
- Phải thu khách hàng là một công ty chèn tại Yên Bái	1.447.080.786		1.497.080.786	
Cộng	33.681.321.006		4.932.176.006	
c. Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	115.691.157		115.691.157	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (Trình bày lại) (VND)
Trả trước cho các hợp đồng mua cổ phiếu	130.000.000.000	-
Trả trước cho các hợp đồng mua phân bón	54.000.000.000	-
Trả trước cho các hợp đồng mua than	17.500.000.000	-
Trả trước cho các hợp đồng mua chè	11.145.391.809	3.923.296.635
Trả trước cho các hợp đồng mua khô đậu tương	10.000.000.000	-
Trả trước cho các hợp đồng mua quặng	3.721.075.000	5.871.475.000
Trả trước cho các hợp đồng mua ngô hạt	-	5.000.000.000
Trả trước người bán khác	15.803.827.287	9.117.416.278
Cộng	242.170.294.096	23.912.187.913
Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	13.555.186	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	2.000.000.000	2.250.000.000
Phải thu cho vay cá nhân	-	5.000.000.000
Phải thu hộ chăn nuôi về tiền cho vay mua bò sữa và đầu tư chăn nuôi (i)	33.259.336.327	29.191.988.200
Cộng	35.259.336.327	36.441.988.200
b. Phải thu về cho vay từ bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	2.000.000.000	2.250.000.000

(i) Các khoản Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (Công ty con của Công ty) cho các hộ chăn nuôi vay để mua bò sữa, đầu tư chuồng trại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (Phân loại lại) (VND)
Phải thu về cổ phần hóa (i)	353.090.596.044	352.724.947.549
- Tiền nộp bán cổ phần về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	277.979.218.768	277.979.218.768
- Lợi nhuận kết chuyển về công ty cổ phần	70.224.178.230	70.224.178.230
- Phải thu cổ phần hóa khác	4.887.199.046	4.521.550.551
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	54.400.000.000	-
Tạm ứng	20.304.190.070	32.378.374.018
Lãi cho vay, Lãi tiền gửi	16.600.356.672	29.065.419.790
Ký cược, ký quỹ	11.696.711.080	12.865.656.802
Phải thu khác một công ty đầu tư và khai thác khoáng sản	-	6.902.605.840
Phải thu tạm ứng tiền mua cổ phần	4.556.000.000	34.107.488.987
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.675.158.920	1.675.158.920
Phải thu từ hộ chăn nuôi, khoán chăn nuôi của người lao động	1.125.457.671	1.271.487.298
Phải thu về bảo hiểm bắt buộc	395.271.501	10.049.959
Phải thu khác	3.580.608.226	2.525.840.242
Cộng	467.424.350.184	473.527.029.405

(i) Khoản phải thu về cổ phần hóa tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) sẽ được bù trừ với khoản phải trả về cổ phần hóa tại Thuyết minh số 24 khi có quyết định phê duyệt chính thức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về báo cáo quyết toán cổ phần hóa cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 12 năm 2015.

(ii) Đây là khoản hợp tác đầu tư giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) và một cá nhân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc đầu tư mua chứng khoán.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	314.802.030	-
Nguyên liệu, vật liệu	150.358.447.541	(207.202.758)	179.243.970.648	(707.341.017)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	9.556.194.520	(2.281.403.671)	8.473.470.711	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.642.925.922	(1.183.742.502)	70.590.664.033	(5.192.321.127)
Thành phẩm	217.504.279.995	(3.235.182.699)	133.110.163.893	(3.016.224.880)
Hàng hoá	13.262.488.923	(20.310.575)	14.968.060.499	-
Hàng gửi bán	-	-	1.785.021.177	-
Cộng	417.324.336.901	(6.927.842.205)	408.486.152.991	(8.915.887.024)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	a. Ngắn hạn			
- Công cụ quảng cáo trên các phương tiện công cộng	3.876.643.134		5.338.802.512	
- Công cụ bán hàng	2.495.067.987		1.508.648.211	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.028.282.963		682.896.468	
- Các khoản khác	1.192.032.308		457.880.732	
Cộng	8.592.026.392		7.988.227.923	
b. Dài hạn				
- Lợi thế thương hiệu	292.673.217.591		308.932.840.790	
- Lợi thế vùng nguyên liệu	175.961.662.544		186.959.266.453	
- Lợi thế quyền thuê đất	148.607.641.964		162.782.196.018	
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.207.913.531		7.305.182.104	
- Đàn lợn sinh sản (i)	2.214.239.678		6.614.712.044	
- Chi phí sửa chữa tài sản, thiết kế, thi công nhà cửa, nội thất văn phòng	1.735.642.884		5.235.550.668	
- Dự án chứng nhận "Nông nghiệp bền vững - Rainforest Alliance"	537.139.396		830.124.520	
- Tiền thuê đất	313.391.812		1.695.067.752	
- Các khoản khác	1.088.086.391		1.370.441.967	
Cộng	629.338.935.791		681.725.382.316	

(i) Đàn lợn sinh sản được tính và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 4 năm, và được ghi nhận vào thu nhập khác khi bị thải loại thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm (VND)	Tài sản cố định hữu hình khác (VND)	Tổng (VND)
Số dư đầu năm (Phân loại lại)	532.557.118.168	923.092.403.584	2.466.468.437	97.266.268.528	111.458.330.779	10.872.025.043	1.677.712.614.539
Tăng trong năm	-	17.869.228.545	47.250.000	4.683.404.818	-	-	22.599.883.363
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.590.594.550	1,241,657,142	-	-	-	-	4.832.251.692
Bê tơ chuyển thành Bò vắt sữa	-	-	-	-	14.977.205.566	-	14.977.205.566
Thanh lý, nhượng bán	(709.419.168)	(2.846.705.219)	(76.846.000)	(6.020.743.692)	(25.412.016.616)	(249.709.091)	(35.315.439.786)
Giảm do bán công ty con (i)	(28.763.667.298)	(77.470.422.038)	(100.996.530)	(4.734.254.645)	-	(3.441.186.748)	(114.510.527.259)
Thay đổi do thanh lý tài sản đánh giá lại	(2.383.281.360)	(244.574.105)	(32.442.200)	(1.027.137.026)	(3.496.157.092)	(148.469.869)	(7.332.061.652)
Số dư cuối năm	504.291.344.892	861.641.587.909	2.303.433.707	90.167.537.983	97.527.362.637	7.032.659.335	1.562.963.926.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Nhà xưởng và vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Thiết bị vận phòng (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm (VND)	Tài sản cố định hữu hình khác (VND)	Tổng (VND)
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm (Phân loại lại)	294.121.364.908	465.285.000.970	1.764.276.902	54.704.488.899	42.860.035.130	7.569.781.963	866.304.948.772
Khấu hao trong năm	27.062.579.876	61.466.173.885	152.008.533	8.889.186.018	14.039.330.077	716.737.926	112.326.016.315
Tăng/giảm do khấu hao tài sản đã đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất	3.441.881.661	10.220.547.399	181.181.583	1.812.449.056	(3.745.064.444)	417.147.146	12.328.142.401
Thanh lý, nhượng bán	(705.467.158)	(2.587.909.876)	(76.846.000)	(5.058.653.815)	(13.514.759.963)	(225.431.818)	(22.169.068.630)
Giảm do bán công ty con (i)	(17.991.624.528)	(29.176.822.523)	(100.996.530)	(2.612.145.366)	-	(3.262.231.846)	(53.143.820.793)
Thay đổi do thanh lý tài sản đánh giá lại	(2.635.908.266)	(113.300.806)	(25.843.642)	(933.500.339)	2.538.581.324	(72.135.333)	(1.242.107.062)
Số dư cuối năm	303.292.826.493	505.093.689.049	1.893.780.846	56.801.824.453	42.178.122.124	5.143.868.038	914.404.111.003
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm (Phân loại lại)	238.435.753.260	457.807.402.614	702.191.535	42.561.779.629	68.598.295.649	3.302.243.080	811.407.665.767
Tại ngày cuối năm	200.998.518.399	356.547.898.860	409.652.861	33.365.713.530	55.349.240.513	1.888.791.297	648.559.815.460

(i) Giám do bán công ty con là Công ty Cổ phần Chăn nuôi Miền Trung – Công ty con của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung – Công ty con của Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty bao gồm văn phòng làm việc tại địa chỉ số 59 An Bình, phường 6, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 810.899.047 VND. Ngày 10 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (tiền thân của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty)) đã ký Biên bản bàn giao một phần diện tích của văn phòng này (tài sản đã bàn giao) cho Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh làm văn phòng thực hiện dự án theo một hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo Kết luận thanh tra số 8738/KL-BNN-TT ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, việc bàn giao diện tích và văn phòng làm việc để làm văn phòng dự án như trên là không có căn cứ. Theo đó, Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP cần thu hồi tài sản đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP chưa hoàn tất thu hồi tài sản đã bàn giao như kiến nghị của Thanh Tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 492.269.671.379 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 313.337.133.954 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 13.151.469.271 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.045.021.111 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế (VND)	Thương hiệu (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Khác (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	70.000.000	287.200.000	982.472.300	234.796.826	1.574.469.126
Tăng trong năm	-	-	40.000.000	-	40.000.000
Giảm do bán công ty con (i)	-	-	(30.500.000)	-	(30.500.000)
Số dư cuối năm	70.000.000	287.200.000	991.972.300	234.796.826	1.583.969.126
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	70.000.000	192.230.556	519.530.998	227.438.384	1.009.199.938
Khấu hao trong năm		40.684.444	233.081.025	7.358.442	281.123.911
Giảm do bán công ty con (i)	-	-	(28.012.985)	-	(28.012.985)
Số dư cuối năm	70.000.000	232.915.000	724.599.038	234.796.826	1.262.310.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	-	9.4969.444	462.941.302	7.358.442	565.269.188
Tại ngày cuối năm	-	54.285.000	267.373.262	-	321.658.262

(i) Giám do bán công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 830.269.126 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 730.269.126 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	37.505.447.989	37.505.447.989
Số dư cuối năm	37.505.447.989	37.505.447.989
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	20.717.538.793	20.717.538.793
Trích khấu hao trong năm	1.268.875.615	1.268.875.615
Số dư cuối năm	21.986.414.408	21.986.414.408
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	16.787.909.196	16.787.909.196
Tại ngày cuối năm	15.519.033.581	15.519.033.581

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi phí thuê đất (i)	27.939.655.040	27.939.655.040
Chè trồng dặm mới tại các Đội nông nghiệp	1.212.308.276	601.921.400
Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.621.483.380	250.468.618
Cộng	30.773.446.696	28.792.045.058

(i) Phần ảnh tiền thuê đất mà Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV đã trả tiền một lần cho diện tích 446,3 m² đất thuê tại địa chỉ 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê đất ngày 7 tháng 12 năm 2015 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê của lô đất kéo dài đến ngày 01 tháng 01 năm 2046.

Ngày 24 tháng 12 năm 2015 (sau ngày Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần), nguyên Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV đã sử dụng quyền sử dụng đất nêu trên để góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam và cần trừ vốn góp với khoản nợ vay Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam (xem Thuyết minh số 24). Ngày 05 tháng 02 năm 2016, nguyên Tổng giám đốc Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV đã ký thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Theo kết luận thanh tra số 8738/KL-BNN-TTr ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì các giao dịch góp vốn, thoái vốn nêu trên là vô hiệu và kiến nghị các cá nhân và cơ quan có liên quan thu hồi các tài sản đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Kinh doanh GB - TEA Việt Nam tại địa chỉ 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa để bàn giao lại cho Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần.

Ngày 13 tháng 02 năm 2017, nguyên Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên đã bàn giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ nêu trên cho Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần vẫn chưa hoàn tất thủ tục cần thiết để ký lại hợp đồng thuê đất này. Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP sẽ xử lý vấn đề này khi có phê duyệt chính thức Báo cáo quyết toán cổ phần hóa.

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	283.613.581	243.410.028
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	283.613.581	243.410.028

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	17.129.536.930	13.770.240.847
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh VLC	181.893.204.718	193.863.482.749
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	199.022.741.648	207.633.723.596

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(6.281.208.000)	(4.077.088.344)
	(6.281.208.000)	(4.077.088.344)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Phát sinh từ giao dịch mua Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VND)	Phát sinh từ giao dịch mua Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm trước	460.923.718.049	2.798.372.300	463.722.090.349
Số dư cuối năm nay	460.923.718.049	2.798.372.300	463.722.090.349
PHÂN BỐ			
Số dư đầu năm trước	46.092.371.805	559.674.460	46.652.046.265
Phân bổ trong năm	46.092.371.805	279.837.230	46.372.209.035
Số dư cuối năm nay	92.184.743.610	839.511.690	93.024.255.300
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	414.831.346.244	2.238.697.840	417.070.044.084
Tại ngày cuối năm	368.738.974.439	1.958.860.610	370.697.835.049

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Chè Phú Đa	4.119.702.400	4.119.702.400	6.582.779.285	6.582.779.285
Phải trả các đối tượng khác	110.986.540.799	110.986.540.799	105.152.743.013	105.152.743.013
Cộng	115.106.243.199	115.106.243.199	111.735.522.298	111.735.522.298
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)				
	5.477.485.008	5.477.485.008	6.582.779.285	6.582.779.285

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Người mua trả tiền trước để mua chè	4.429.968.192	5.436.064.411
Người mua trả tiền trước để mua sản phẩm chế biến sữa	16.048.554.604	37.431.216.162
Khác	3.241.851.123	6.583.719.429
Cộng	23.720.373.919	49.451.000.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng/giảm khác	Số cuối năm
A. CÁC KHOẢN PHẢI THU					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.345.868.361	(299.278.877)	1.120.024.255	(484.796.522)	3.280.374.971
Thuế thu nhập cá nhân	109.123.778	210.000	496.307.986	-	605.221.764
Thuế Nhà đất và tiền thuế đất	8.539.676	-	23.046	-	8.562.722
Các loại thuế, phí khác	-	-	30.919.383	-	30.919.383
Cộng	2.463.531.815	(299.068.877)	1.647.274.670	(484.796.522)	3.925.078.840
B. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ					
Thuế giá trị gia tăng	7.716.879.197	136.882.313.863	139.873.640.558	(189.517.933)	4.536.034.569
Thuế xuất nhập khẩu	-	272.964.611	272.964.611	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.834.718.701	20.529.878.211	21.317.911.106	(2.909.617.030)	137.068.776
Thuế thu nhập cá nhân	893.068.783	8.278.571.455	8.938.999.269	(23.608.800)	209.032.169
Thuế tài nguyên	4.597.641	172.425.778	171.639.425	-	5.383.994
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	1.371.900.000	12.347.253.826	13.062.374.826	-	656.779.000
Các loại thuế, phí khác	95.598.999	334.621.529	416.145.308	-	14.075.220
Cộng	13.916.763.321	178.818.029.273	184.053.675.103	(3.122.743.763)	5.558.373.728

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi phí lãi vay	2.135.241.188	1.293.916.500
Trích trước chi phí tiền lương, thưởng	3.260.276.837	279.651.333
Chi phí phải trả khác	1.333.222.255	340.637.147
Cộng	6.728.740.280	1.914.204.980

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về tiền cho thuê mặt bằng (i)	2.237.240.254	1.708.917.561
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	68.260.739
Cộng	2.237.240.254	1.777.178.300
b. Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về tiền cho thuê mặt bằng (i)	1.209.600.000	2.822.400.000
Cộng	1.209.600.000	2.822.400.000

(i) Chủ yếu bao gồm khoản tiền nhận được từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bách Khoa theo hợp đồng cho thuê mặt sàn tại địa chỉ 92 Võ Thị Sáu, Hà Nội với thời hạn từ 13/5/2016 đến 02/10/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hoá:	360.090.137.728	360.090.137.728
- Phải trả về cổ phần hóa tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (i)	359.875.937.728	359.875.937.728
- Phải trả về cổ phần hóa tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	214.200.000	214.200.000
Quỹ bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm giá sữa	44.955.168.694	28.861.079.013
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.784.327.750	41.784.384.750
Phải trả tiền ủy thác nhập khẩu	3.641.514.300	3.641.514.300
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm bắt buộc	1.955.236.455	801.846.735
Phải trả Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về khoản vay quỹ khoa học	1.857.191.000	1.857.191.000
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	1.069.083.176	981.820.174
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.597.252.468	4.565.496.763
Cộng	461.949.911.571	442.583.470.463
b. Dài hạn		
Kinh phí được cấp chờ quyết toán (ii)	4.500.000.000	4.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.396.000.000	2.516.840.000
Cộng	6.896.000.000	7.016.840.000

(i) Khoản phải trả về cổ phần hóa là các khoản tiền thu của các tổ chức, cá nhân khi thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Khoản phải trả này sẽ được bù trừ với khoản phải thu về cổ phần hóa (trình bày tại Thuyết minh số 9) khi có quyết định phê duyệt chính thức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về báo cáo quyết toán cổ phần hóa cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 12 năm 2015. Số tiền còn lại sau khi bù trừ (nếu có) sẽ nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

(ii) Căn cứ quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Sơn La, Công ty được Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư về cơ sở hạ tầng, nhà xưởng và xử lý chất thải với tổng số tiền 10 tỷ VND, trong đó Công ty đã được tạm ứng số tiền 4,5 tỷ VND.

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm (VND)		Trong năm (VND)		Số cuối năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	2.424.571.510	2.424.571.510	19.245.159	870.758.064	1.573.058.605	1.573.058.605
b. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Văn Chấn (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
c. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (iii)	1.000.000.000	1.000.000.000	9.500.000.000	9.340.000.000	1.160.000.000	1.160.000.000
d. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Đa	-	-	4.161.553.821	4.161.553.821	-	-
e. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	1.857.295.781	1.857.295.781	-	1.857.295.781	-	-
f. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bình Xuyên	2.160.825.017	2.160.825.017	-	2.160.825.017	-	-
g. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Điện Bàn	746.116.000	746.116.000	-	746.116.000	-	-
h. Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam (iv)	27.939.655.040	27.939.655.040	-	-	27.939.655.040	27.939.655.040
i. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (v)	-	-	2.470.309.449	501.907.701	1.968.401.748	1.968.401.748
j. Ông Nguyễn Văn Hiến (vi)	-	-	670.000.000	279.000.000	391.000.000	391.000.000
Cộng	41.128.463.348	41.128.463.348	16.821.108.429	19.917.456.384	38.032.115.393	38.032.115.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(i) Thể hiện số dư còn lại của khoản vay theo Hợp đồng số 0405/HĐTD-TL ngày 04 tháng 05 năm 2011 ký giữa Công ty kinh doanh thương mại tổng hợp Nam Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Chế Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, mục đích vay vốn ngân hàng thực hiện phương án nhập khẩu thép không hợp kim cán nóng dạng cuộn dùng làm lõi que hàn theo hợp đồng ngoại số SW/1/EXP-039 ngày 12/02/2011 với PI ISPA INDO DESA KEDUNGTURI TAMAN, SIDOARJO INDONESIA. Thời hạn trả nợ ngày 04 tháng 11 năm 2011, lãi suất khoản vay sau điều chỉnh là 3,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Thể hiện khoản vay theo Hợp đồng số 2016/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2011 ký giữa Công ty Cổ phần chế Liên Sơn (Công ty con của Tổng Công ty Chế Việt Nam - CTCP) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Văn Chấn, tỉnh Yên Bái với hạn mức tín dụng 5.000.000.000 VND, mục đích vay vốn trả tiền mua búp chè tươi từ các hộ làm chè. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Công ty Cổ phần chế Liên Sơn đã sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

(iii) Thể hiện số dư còn lại của khoản vay theo Hợp đồng số 05/2018/2819313/HĐTD ngày 05 tháng 11 năm 2018 ký giữa Công ty Cổ phần chế Nghĩa Lộ (Công ty con của Tổng Công ty Chế Việt Nam - CTCP) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn khoản vay là 06 tháng, lãi suất 9%/năm. Công ty Cổ phần chế Nghĩa Lộ đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

(iv) Thể hiện khoản vay theo Hợp đồng số 09/2015/GB TEA VIỆT NAM - CSG ngày 27 tháng 11 năm 2015 ký giữa Tổng Công ty Chế Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam, mục đích vay để thực hiện nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước tiền đất thuê trả tiền một lần đối với lô đất tại địa chỉ 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/01/2046 theo Thông báo số 10134/TB-CT ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn vay 03 tháng từ ngày giải ngân, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(v) Thể hiện các khoản vay theo Hợp đồng số 01/2018/6606141/HĐTD ngày 19 tháng 11 năm 2018 ký giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu (Công ty con của Công ty) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La với hạn mức tín dụng 3.000.000.000 VND, mục đích vay để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn mỗi khoản vay là 06 tháng theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất 10%/năm. Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu đã sử dụng máy móc thiết bị làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

(vi) Thể hiện các khoản vay theo các Hợp đồng số 03/2018/HĐVV-TREMC ngày 10 tháng 11 năm 2018 và Hợp đồng vay vốn số 04/2018/HĐVV-TREMC ngày 17 tháng 11 năm 2018 ký giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu (Công ty con của Công ty) và ông Nguyễn Văn Hiến - nhân viên công ty, mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn mỗi khoản vay là 02 tháng, lãi suất 8%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm (VND)		Trong năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	2.369.074.609	2.369.074.609	-	-
	2.369.074.609	2.369.074.609	-	-

(i) Khoản vay vốn ODA kế thừa từ Tổng Công ty Chế Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Số tiền nhận nợ với Ngân hàng là 2.369.074.609 VND, lãi suất 5,4%/năm, thời điểm nhận nợ là ngày 17 tháng 12 năm 2015, thời hạn trả nợ là 5 năm kể từ thời điểm nhận nợ.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
Số dư đầu năm trước	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.128.956.762	(47.896.865.264)	1.103.647.221	226.893.891	34.716.475.112	47.124.086.660	2.781.445.700.356
Tăng do hợp nhất Vilco (Trình bày lại)	-	-	-	(71.113.491.453)	-	-	-	1.164.812.670.126	1.093.699.178.673
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	40.396.815.620	111.505.294.378	151.902.109.998
Tăng do ảnh hưởng thuế TNDN hoãn lại khoản đầu tư Công ty con	-	-	-	-	-	-	6.099.077.671	-	6.099.077.671
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	5.088.133.443	-	(9.455.665.683)	(19.827.571.501)	(24.195.103.741)
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	8.150.567.750	-	(14.432.357.052)	(82.968.518.743)	(89.250.308.045)
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(21.954.031.117)	(76.128.048.742)	(98.082.079.859)
Ảnh hưởng của phân phối lợi nhuận tại các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(605.476.175)	(326.025.633)	(93.501.808)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(7.123.170.419)	-	(7.123.170.419)
Số dư đầu năm nay (Phần lợi lợi)	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.128.956.762	(119.010.356.777)	13.584.390.455	226.893.891	27.226.112.807	1.145.402.987.844	3.813.601.491.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	7.934.977.773	96.764.336.713	104.699.314.486
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế	-	-	-	-	-	-	221.599.279	75.901.866	297.501.145
Phân phối lợi nhuận năm trước (i)	-	-	-	-	3.329.623.689	-	(6.839.503.355)	(11.653.897.655)	(15.163.777.321)
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (ii)	-	-	-	-	6.815.142.357	-	(10.222.713.536)	(99.587.032.964)	(102.994.604.143)
Giảm do bán công ty con	-	-	-	514.909.244	-	-	(2.531.359.843)	(17.529.091.911)	(19.545.542.510)
Giảm do bán công ty liên kết	-	-	-	739.280.173	-	-	-	257.980.232	997.260.405
Giảm do thanh lý tài sản đã được đánh giá lại	-	-	-	-	-	-	(2.180.641.111)	(3.290.241.594)	(5.470.882.705)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	(726.658.716)	-	-	(2.451.826.892)	(7.256.162.922)	(10.434.648.530)
Công ty liên kết phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(4.125.432.642)	(1.237.025.772)	(5.362.458.414)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(1.885.100)	-	38.410.059	(37.702.000)	2.787.685.340	298.122.345	3.084.630.644
Số dư cuối năm nay	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.127.071.662	118.482.826.016	23.767.566.560	189.191.891	9.818.897.820	1.102.245.876.182	3.763.708.284.073

(i) Phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận giữ lại năm 2017 tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (Công ty con của Công ty) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/CN-DHĐCD ngày 26 tháng 5 năm 2018 và tại Công ty Cổ phần Nựa Miền Trung trong thời gian trước khi Công ty thực hiện thoái vốn tại công ty con này.

(ii) Tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 tại Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (Công ty con của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 67/NQ/CPGBS/2018 ngày 06 tháng 04 năm 2018, tạm ứng cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 129/NQ/HĐQT ngày 05 tháng 8 năm 2018 và tạm ứng cổ tức năm 2018 tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 09/NQ-CN-DHQT ngày 04 tháng 10 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười bốn ngày 17 tháng 11 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần INVEST Tây Đại Dương	700.478.800.000	28.02%	700.478.800.000	28.02%
Tael Two Partners Ltd	550.000.000.000	22.00%	550.000.000.000	22.00%
PENM IV Germany GmbH&Co.KG	149.999.900.000	6.00%	149.999.900.000	6.00%
Các cổ đông khác	1.099.521.300.000	43.98%	1.099.521.300.000	43.98%
Cộng	2.500.000.000.000	100%	2.500.000.000.000	100%

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Trong năm, Công ty hoạt động kinh doanh thương mại theo các khu vực địa lý khác nhau, và mỗi khu vực địa lý kinh doanh mỗi mặt hàng riêng biệt. Vì vậy, Công ty lập báo cáo bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Chỉ tiêu	Hoạt động chế biến sữa	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chè	Hoạt động không cốt lõi khác	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.481.696.915.641	388.099.238.798	138.428.084.590	3.008.224.239.029
Lợi nhuận/ (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	466.697.194.803	33.568.581.486	(32.592.501.053)	467.673.275.236
Tài sản bộ phận	2.520.592.782.839	772.195.380.115	1.436.876.966.039	4.729.665.128.993
Trong đó:				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Hoạt động chế biến sữa	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chè	Hoạt động không cốt lõi khác	Tổng
Tài sản tăng thêm do đánh giá lại	816.762.907.625	-	-	816.762.907.625
Tổng Tài sản	2.520.592.782.839	772.195.380.115	1.436.876.966.039	4.729.665.128.993
Nợ phải trả bộ phận	442.377.725.910	454.372.771.443	69.206.747.567	965.957.244.920
Trong đó:				
Phải trả thuế hoãn lại tương ứng với tài sản tăng thêm do đánh giá lại	163.352.581.525	-	-	163.352.581.525
Tổng Nợ phải trả	442.377.725.910	454.372.771.443	69.206.747.567	965.957.244.920

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Chỉ tiêu	Hoạt động chế biến sữa	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chè	Hoạt động không cốt lõi khác	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.466.113.817.802	489.585.283.802	825.601.603.072	3.781.300.704.676
Lợi nhuận/ (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	450.716.580.137	20.473.097.807	(32.246.632.188)	438.943.045.756
Tài sản bộ phận	2.556.053.710.811	788.655.648.713	1.457.067.522.367	4.801.776.881.891
Trong đó:				
Tài sản tăng thêm do đánh giá lại	861.188.104.984	-	-	861.188.104.984
Tổng Tài sản	2.556.053.710.811	788.655.648.713	1.457.067.522.367	4.801.776.881.891
Nợ phải trả bộ phận	406.020.868.880	463.825.087.919	118.329.834.076	988.175.790.875
Trong đó:				
Phải trả thuế hoãn lại tương ứng với tài sản tăng thêm do đánh giá lại	172.237.620.997	-	-	172.237.620.997
Tổng Nợ phải trả	406.020.868.880	463.825.087.919	118.329.834.076	988.175.790.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.014.279.667.626	3.787.960.811.219
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	2.386.180.767.151	2.687.398.050.579
- Doanh thu bán hàng	616.339.392.704	1.087.998.918.553
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.167.699.065	2.737.333.207
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá	-	924.598.000
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.706.387.526	5.680.243.914
- Doanh thu khác	2.885.421.180	3.221.666.966
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	62.500.000	281.008.210
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.055.428.597	6.660.106.543
- Chiết khấu thương mại	3.278.136.613	6.353.751.489
- Hàng bán bị trả lại	2.777.291.984	306.355.054
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.008.224.239.029	3.781.300.704.676

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	567.373.601.486	1.057.971.886.563
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.970.656.770.302	2.275.044.897.529
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	536.337.854	2.537.732.505
Giá vốn cho thuê mặt bằng	2.778.317.106	2.853.224.465
Tiêu hủy hàng tồn kho hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng	-	2.518.751.590
Giá vốn khác	1.132.095.790	1.431.166.268
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.926.158.745)	-
Cộng	2.540.550.963.793	3.342.357.658.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.677.640.802.891	2.072.857.289.121
Chi phí nhân công	222.413.188.712	255.255.495.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại	170.849.388.105	156.916.842.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.930.416.895	123.748.491.892
Chi phí khác bằng tiền	268.384.683.195	241.599.188.651
Cộng	2.494.218.479.798	2.850.377.307.006

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.058.470.928	80.522.558.918
Cổ tức, lợi nhuận được chia	813.224.398	8.841.222.862
Lãi chênh lệch tỷ giá	482.907.479	142.868.435
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	8.537.843.481	30.000.000
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp	23.293.437.756	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.427.338	42.676.718.391
Cộng	105.189.311.380	132.213.368.606

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.509.830.887	3.331.771.912
Chi phí nhân công	40.912.090.364	41.340.763.522
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	2.635.121.739	454.421.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.002.623.249	7.848.795.620
Phân bổ lợi thế thương mại	46.375.342.035	46.372.209.035
Chi phí dự phòng	7.989.609.290	1.421.903.143
Thuế, phí, và lệ phí	4.692.487.599	7.871.223.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.573.584.250	20.062.959.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí khác bằng tiền	20.732.531.696	17.088.337.545
Cộng	158.423.221.109	145.792.384.978
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	25.837.037.101	16.693.199.319
Chi phí nhân công	43.903.452.945	41.987.716.092
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.713.866.531	3.122.175.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.439.796.044	1.211.343.836
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	178.454.522.719	153.975.564.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.160.998.642	37.966.321.096
Chi phí khác bằng tiền	10.635.904.583	11.212.180.743
Cộng	302.145.578.565	266.168.500.761

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	10.322.452.176	2.384.869.395
Thu nhập từ nhận hỗ trợ	8.476.186.713	10.841.685.016
Thu nhập từ thanh lý gia súc, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.129.813.033	2.004.208.493
Tiền điện văn phòng cho thuê	899.510.288	546.049.200
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	315.810.331	499.275.959
Thu nhập từ lãi vay được miễn	95.589.333	7.788.632.416
Lãi chuyển nhượng tài sản	-	6.565.300.852
Hàng hóa thừa theo biên bản kiểm kê	-	1.426.615.496
Các khoản khác	3.253.095.074	3.535.283.376
Cộng	24.492.456.948	35.591.920.203

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.782.923.555	5.052.289.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí thanh lý gia súc, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	959.015.084	6.902.532.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.726.979.172	5.759.661.304
Phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	397.319.591	1.120.508.745
Hàng hóa thiếu theo biên bản kiểm kê	-	1.437.149.939
Các khoản khác	7.107.101.702	6.310.248.859
Cộng	18.973.339.104	26.582.390.353

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.321.779.026	14.077.809.902
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	185.759.473	297.501.145
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.507.538.499	14.375.311.047

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận trước thuế	118.925.644.985	162.200.332.701
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(813.224.398)</i>	<i>(8.841.222.862)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>11.640.905.155</i>	<i>10.199.274.462</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>(25.396.604.475)</i>	<i>(302.301.337)</i>
<i>Không tính thuế do báo cáo riêng lỗ</i>	<i>35.127.491.524</i>	<i>41.742.661.995</i>
<i>Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất</i>	<i>63.090.838.382</i>	<i>39.679.676.446</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	202.575.051.173	244.678.421.405
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>642.739.096</i>	<i>10.830.555.394</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	<i>201.932.312.077</i>	<i>4.386.110.454</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 5%</i>	<i>-</i>	<i>229.461.755.557</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.321.779.026	14.077.809.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.934.977.773	40.396.815.620
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(3.407.571.179)</i>	<i>(9.521.450.622)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.527.406.594	30.875.364.998
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	250.000.000	250.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	124

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 được xác định lại sau khi loại trừ khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông các công ty con phê duyệt.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm đồng	Công ty liên kết
Công ty Chè Phú Đa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần An Đại Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống Gia Cầm Miền Nam	Công ty liên kết (đã chuyển nhượng trong năm)
Công ty Cổ phần Việt Phong	Công ty liên kết (đã chuyển nhượng trong năm)
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Cổ đông lớn
Ông Tạ Văn Quyền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm trước (VND)	Năm nay (VND)
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.500.000	281.008.210
Công ty Cổ phần Chè Phú Đa	62.500.000	11.854.515
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	-	125.153.695
Ông Michael Louis Rosen	-	144.000.000
Mua hàng	154.508.482.758	234.739.155.273
Công ty Cổ phần Chè Phú Đa	139.111.704.300	219.845.344.105
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	-	706.814.680
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	32.595.958	17.903.988
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	15.364.182.500	14.169.092.500
Cổ tức được chia	8.350.071.182	8.786.422.575
Công ty Cổ phần Chè Phú Đa	2.612.568.682	1.742.220.075
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm đồng	5.130.002.500	5.130.002.500
Công ty Cổ phần Giống Gia Cầm Miền Nam	550.800.000	550.800.000
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	56.700.000	56.700.000
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	-	191.520.000
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	-	728.800.000
Công ty Cổ phần Việt Phong	-	386.380.000
Vay	-	200.000.000
Ông Tạ Văn Quyền	-	200.000.000
Trả tiền vay	-	200.000.000
Ông Tạ Văn Quyền	-	200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Phải thu khách hàng	115.691.157	115.691.157
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	115.691.157	115.691.157
Trả trước cho người bán	13.555.186	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	13.555.186	-
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	2.250.000.000
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	2.000.000.000	2.250.000.000
Phải thu khác	1.675.158.920	1.690.828.920
Ông Michael Louis Rosen	-	15.670.000
Công ty Cổ phần An Đại Việt	946.358.920	946.358.920
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	728.800.000	728.800.000
Phải trả người bán	5.477.485.008	6.582.779.285
Công ty Cổ phần Chè Phú Đa	4.119.702.400	6.582.779.285
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	5.357.608	-
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.352.425.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.020.194.000	1.176.688.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

STT	Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	115.154.121.526	13.000.000.000	128.154.121.526
	2. Phải thu ngắn hạn khác	136	486.527.029.405	(13.000.000.000)	473.527.029.405
II.	Tài sản cố định hữu hình	221			
	- Nguyên giá	222	1.715.218.062.528	(37.505.447.989)	1.677.712.614.539
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(887.022.487.565)	20.717.538.793	(866.304.948.772)
III.	Bất động sản đầu tư	230			
	- Nguyên giá	231	-	37.505.447.989	37.505.447.989
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	(20.717.538.793)	(20.717.538.793)
IV.	Nợ ngắn hạn	310			
	1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	164.378.300	1.612.800.000	1.777.178.300
V.	Nợ dài hạn	330			
	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.435.200.000	(1.612.800.000)	2.822.400.000
VI.	Vốn chủ sở hữu	410			
	1. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(144.361.178.141)	25.350.821.424	(119.010.356.717)
	2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.170.753.809.268	25.350.821.424	1.145.402.987.844



LÂM THỊ THÚY MAI
Người lập biểu



HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng



TẠ VĂN QUYẾN
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Địa chỉ:

92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel:

(+84-24) 6276 6366

Fax:

(+84-24) 6276 6466

Email:

info@gtnfoods.com.vn

Website:

www.gtnfoods.com.vn